| STT | Mã TTHC | Tên TTHC | Số quyết định | Ngày quyết định | Cơ quan ban hành | Lĩnh vực | Cấp thực hiện | Đối tượng thực hiện | Loại thủ tục hành chính | Từ khóa | Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ | Cơ quan thực hiện | Cơ quan có thẩm quyền | Cơ quan phối hợp | Cơ quan được ủy quyền | Yêu cầu, điều kiện | Mô tả | Trạng thái |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 3.000242 | Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương | 4246/QĐ-BCA-QLXNC | 01/07/2026 | Bộ Công an | Quản lý xuất nhập cảnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | Loại khác | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Điều kiện đối với cơ quan, tổ chức nơi doanh nhân đang làm việc:<br>Có nhu cầu cử nhân sự đi lại thường xuyên, ngắn hạn để tham dự các hội nghị, hội thảo, cuộc họp thường niên và các hoạt động về hợp tác, phát triển kinh tế của APEC.<br>2. Điều kiện đối với doanh nghiệp nơi doanh nhân làm việc:<br>a) Doanh nghiệp đã có thời gian hoạt động liên tục từ 12 tháng trở lên, chấp hành đúng quy định của pháp luật về thương mại, thuế, hải quan, lao động, bảo hiểm xã hội và các quy định pháp luật có liên quan khác.<br>b) Doanh nghiệp phải có hoạt động ký kết, hợp tác kinh doanh trực tiếp với đối tác của các nền kinh tế thành viên APEC.<br>c) Có nhu cầu cử nhân sự đi lại thường xuyên, ngắn hạn để thực hiện các hoạt động hợp tác kinh doanh, thương mại, đầu tư, dịch vụ hoặc các mục đích kinh tế khác tại các nền kinh tế thành viên APEC. | | Đã công khai |
| 2 | 1.000172 | Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá;<br>2. Nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá nhập khẩu phải phù hợp với sản lượng sản xuất của doanh nghiệp (đối với trường hợp sản xuất tiêu thụ trong nước);<br>3. Có hợp đồng sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá hoặc nguyên liệu thuốc lá (đối với trường hợp sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu); | | Đã công khai |
| 3 | 1.000350 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Không bị tước quyền hoạt động thương mại hoặc đang chịu các hình phạt liên quan đến hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật nước ngoài và pháp luật của Việt Nam.<br>- Không có tiền án, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự đối với thương nhân nước ngoài là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật đối với thương nhân nước ngoài là tổ chức kinh tế. | | Đã công khai |
| 4 | 1.000444 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng | | Đã công khai |
| 5 | 1.000398 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu) | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 6 | 1.000366 | Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân có tài khoản tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương, hoặc tài khoản tại Cổng dịch vụ công quốc gia, hoặc tài khoản tại Cổng thông tin một cửa quốc gia. | | Đã công khai |
| 7 | 1.000376 | Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh khi đáp ứng các điều kiện sau:<br>(i) Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;<br>(ii) Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 05 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;<br>(iii) Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;<br>(iv) Nội dung hoạt động của Chi nhánh phải phù hợp với cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và phù hợp với ngành nghề kinh doanh của | | Đã công khai |
| 8 | 1.000387 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng | | Đã công khai |
| 9 | 1.000425 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Giấy chứng nhận đủ điều kiện Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng | | Đã công khai |
| 10 | 1.000430 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hóa xuất khẩu đi Châu Phi) | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 11 | 1.000421 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy phép quá cảnh hàng hóa | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 12 | 1.000455 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 13 | 1.000450 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi mẫu B | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 14 | 1.000477 | Thủ tục cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 15 | 1.000491 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | 1.000475 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Là thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>- Có đầy đủ các quy định về an toàn, quy trình chế tạo, quy trình sửa chữa các quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm.<br>- Trang thiết bị kiểm tra đáp ứng yêu cầu kiểm tra an toàn và chất lượng chai LPG sau chế tạo, sửa chữa phải được kiểm định hoặc hiệu chuẩn, gồm:<br>a) Hệ thống thử áp: Tạo được áp suất không nhỏ hơn 3 MPa;<br>b) Hệ thống kiểm tra độ kín khí;<br>c) Thiết bị kiểm tra không phá hủy;<br>d) Thiết bị kiểm tra thành phần cơ tính của vật liệu chế tạo chai;<br>đ) Thiết bị đo khối lượng;<br>e) Thiết bị đo mô men xiết;<br>g) Thiết bị thử nổ;<br>h) Thiết bị kiểm tra độ giãn nở thể tích.<br>- Đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 17 | 1.000490 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu A | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 18 | 1.000481 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký. | | Đã công khai |
| 19 | 1.000510 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Giấy chứng nhận bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng | | Đã công khai |
| 20 | 1.000664 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VC | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân có tài khoản tại Cổng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương, hoặc tài khoản tại Cổng dịch vụ công quốc gia, hoặc tài khoản tại Cổng thông tin một cửa quốc gia. | | Đã công khai |
| 21 | 1.000649 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký. | | Đã công khai |
| 22 | 1.000709 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Kinh doanh khí | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 23 | 1.000774 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý, kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ.<br>+ Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế ENT<br>c) Đáp ứng tiêu chí kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT). | | Đã công khai |
| 24 | 1.000695 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu E | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | không quy định | | Đã công khai |
| 25 | 1.000676 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | không quy định | | Đã công khai |
| 26 | 1.000890 | Thủ tục Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện hoạt động kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa. | | Đã công khai |
| 27 | 1.000905 | Thủ tục cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 28 | 1.000949 | Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | + Doanh nghiệp có Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá.<br>+ Có Hợp đồng sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu nguyên liệu thuốc lá. | | Đã công khai |
| 29 | 1.000957 | Thủ tục cấp Giấy phép tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 30 | 1.000981 | Cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Có dây chuyền máy móc thiết bị chuyên ngành đồng bộ tách cọng thuốc lá hoặc chế biến ra thuốc lá sợi, thuốc lá tấm và các nguyên liệu thay thế khác dùng để sản xuất ra các sản phẩm thuốc lá. | | Đã công khai |
| 31 | 1.001062 | Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập, tái xuất | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện hoạt động kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa. | | Đã công khai |
| 32 | 1.001238 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Hàng hóa có tiêu chuẩn công bố áp dụng phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. | | Đã công khai |
| 33 | 1.001274 | Cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ (CNM) | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 34 | 1.001335 | Chấp thuận Nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Có Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá hoặc Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá;<br>2. Nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá nhập khẩu phải phù hợp với sản lượng sản xuất của doanh nghiệp (đối với trường hợp sản xuất tiêu thụ trong nước);<br>3. Có hợp đồng sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá hoặc nguyên liệu thuốc lá (đối với trường hợp sản xuất xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu); | | Đã công khai |
| 35 | 1.001382 | Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa qua lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | KHÔNG | | Đã công khai |
| 36 | 1.001383 | Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 37 | 1.001441 | Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý, kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ.<br>+ Giấy phép thành lập cơ sở bán lẻ bị mất, bị hỏng | | Đã công khai |
| 38 | 1.002960 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 39 | 1.003400 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 40 | 1.003522 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 41 | 1.003683 | Thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất phải có các nội dung sau đây:<br>a) Thông tin về đặc tính, khối lượng, quy mô hoạt động, tồn trữ hóa chất, công nghệ sản xuất, sử dụng hóa chất, đặc điểm điều kiện địa lý, dân cư, môi trường nơi có hoạt động hóa chất; Nhân lực, trang thiết bị phục vụ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; Đánh giá sự ảnh hưởng của các điều kiện trên đối với công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;<br>b) Dự báo nguy cơ, tình huống xảy ra sự cố hóa chất, xác định phạm vi ảnh hưởng, ước lượng hậu quả và nhận định phân cấp sự cố hóa chất;<br>c) Giải pháp phòng ngừa sự cố hóa chất tại khu vực tồn trữ hóa chất và tại các vị trí nguy cơ cao; giải pháp bảo quản, tránh thất thoát hóa chất;<br>d) Giải pháp ứng phó sự cố hóa chất tại các khu vực nguy cơ cao bao gồm các nội dung sau:<br>- Phân vùng nguy hiểm, phương án tiếp | | Đã công khai |
| 42 | 1.003477 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 43 | 1.003698 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Khi giấy phép bị mất, hư hỏng hoặc có thay đổi phạm vi kinh doanh theo giấy phép được cấp. | | Đã công khai |
| 44 | 1.003705 | Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp | 1298/QĐ-BCT | 29/05/2026 | Bộ Công thương | Quản lý bán hàng đa cấp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Cơ sở có chức năng đào tạo được thành lập theo quy định của pháp luật;<br>- Có chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp phù hợp với Khung chương trình đào tạo kiến thức pháp luật thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 137/2026/NĐ-CP.<br>- Giảng viên có trình độ từ đại học trở lên, có kinh nghiệm đào tạo kiến thức pháp luật. | | Đã công khai |
| 45 | 1.004191 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy phép: kinh doanh tạm nhập, tái xuất; tạm nhập, tái xuất theo hình thức khác; tạm xuất, tái nhập; kinh doanh chuyển khẩu | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 46 | 1.005405 | Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Không bị tước quyền hoạt động thương mại hoặc đang chịu các hình phạt liên quan đến hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật nước ngoài và pháp luật của Việt Nam.<br>- Không có tiền án, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự đối với thương nhân nước ngoài là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật đối với thương nhân nước ngoài là tổ chức kinh tế. | | Đã công khai |
| 47 | 1.005406 | Gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam được đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu tại Việt Nam nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Không bị tước quyền hoạt động thương mại hoặc đang chịu các hình phạt liên quan đến hoạt động thương mại theo quy định của pháp luật nước ngoài và pháp luật của Việt Nam.<br>- Không có tiền án, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự đối với thương nhân nước ngoài là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật đối với thương nhân nước ngoài là tổ chức kinh tế. | | Đã công khai |
| 48 | 1.007968 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu AHK | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 49 | 1.010696 | Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ | 2729/QĐ-BCT | 03/12/2021 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | - Được kiểm soát về đo lường và kiểm định an toàn bởi các cơ quan chức năng theo quy định.<br>- Hoạt động tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa theo hướng dẫn của Bộ Công Thương phù hợp với các quy định hiện hành.<br>- Thuộc sở hữu của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Nghị định số 95/2021/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 50 | 1.008361 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 51 | 1.008882 | Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong ASEAN | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 19/2020/TT-BCT | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 52 | 1.012427 | Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Cụm Công nghiệp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | không có | | Đã công khai |
| 53 | 1.013005 | Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia | 1537/QĐ-BCT | 29/06/2026 | Bộ Công thương | Điện lực | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Có đủ hồ sơ đăng ký phát triển theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP.<br>- Công suất của nguồn điện đăng ký phát triển đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP.<br>- Có ý kiến của Đơn vị quản lý lưới điện xác nhận việc lắp đặt nguồn điện không gây quá tải trạm biến áp, lưới điện hạ áp, lưới điện phân phối tại khu vực đăng ký phát triển. | | Đã công khai |
| 54 | 1.013004 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ có đấu nối với hệ thống điện quốc gia | 1537/QĐ-BCT | 29/06/2026 | Bộ Công thương | Điện lực | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Có đủ hồ sơ đăng ký phát triển theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP.<br>- Công suất của nguồn điện đăng ký phát triển đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 58/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 243/2026/NĐ-CP.<br>- Có ý kiến của Đơn vị quản lý lưới điện xác nhận việc lắp đặt nguồn điện không gây quá tải trạm biến áp, lưới điện hạ áp, lưới điện phân phối tại khu vực đăng ký phát triển. | | Đã công khai |
| 55 | 1.013049 | Đăng ký mới để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 56 | 1.013050 | Đăng ký bổ sung để nghiên cứu, phát triển, thử nghiệm sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | không quy định | | Đã công khai |
| 57 | 1.013340 | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Cơ quan cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm từ chối cấp giấy phép đối với hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là các chất dễ cháy, nổ có hành trình đi qua công trình hầm, phà theo quy định tại Điều 11 của Nghị định 161/2024/NĐ-CP.<br>- Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình vận chuyển.<br>- Điều kiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:□<br>a. Trên đường Bộ:□<br>+) Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành. | | Đã công khai |
| 58 | 1.013351 | Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | + Cơ quan cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm từ chối cấp giấy phép đối với hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là các chất dễ cháy, nổ có hành trình đi qua công trình hầm, phà theo quy định tại Điều 11 của Nghị định 161/2024/NĐ-CP.<br>+ Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình vận chuyển.<br>+ Điều kiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:□<br>a. Trên đường Bộ:□<br>+) Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành. | | Đã công khai |
| 59 | 1.013350 | Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | + Cơ quan cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm từ chối cấp giấy phép đối với hoạt động vận chuyển hàng hóa nguy hiểm là các chất dễ cháy, nổ có hành trình đi qua công trình hầm, phà theo quy định tại Điều 11 của Nghị định 161/2024/NĐ-CP.<br>+ Tổ chức, cá nhân khi vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm các điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình vận chuyển.<br>+ Điều kiện đối với phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm:□<br>a. Trên đường Bộ:□<br>+) Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 60 | 1.013401 | Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phát điện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>1. Có ít nhất 04 người trực tiếp tham gia công tác vận hành được đào tạo, kiểm tra đáp ứng yêu cầu về vận hành nhà máy điện theo quy định về điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia và đáp ứng điều kiện chuyên môn sau đây:<br>a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành kỹ thuật đối với công trình phát điện có công suất trên 30 MW.<br>b) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành kỹ thuật đối với công trình phát điện có công suất từ 10 MW đến 30 MW.<br>c) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc tương đương chuyên ngành kỹ thuật đối với công trình phát điện có công suất dưới 10 MW.<br>2. Có hạng mục công trình, công trình phát điện phù hợp với quy hoạch phát | | Đã công khai |
| 61 | 1.013417 | Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng) | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | quy định tại Chương II Nghị định số 61/2025/NĐ-CP và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP. | | Đã công khai |
| 62 | 1.013411 | Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực phân phối điện khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>1. Có ít nhất 04 người trực tiếp tham gia công tác vận hành đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc tương đương chuyên ngành kỹ thuật.<br>b) Được đào tạo, kiểm tra đáp ứng yêu cầu về vận hành lưới điện phân phối theo quy định về điều độ, vận hành hệ thống điện quốc gia.<br>2. Có hạng mục công trình, công trình lưới điện phân phối được xây dựng, lắp đặt theo thiết kế được phê duyệt, đáp ứng điều kiện đưa hạng mục công trình, công trình vào khai thác, sử dụng. | | Đã công khai |
| 63 | 1.013412 | Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán buôn điện khi có ít nhất 01 người kinh doanh bán buôn điện có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành công nghệ, kỹ thuật điện, kinh tế, tài chính hoặc ngành đào tạo khác. | | Đã công khai |
| 64 | 1.013416 | Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động điện lực trong lĩnh vực bán lẻ điện khi có ít nhất 01 người kinh doanh bán lẻ điện, có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các ngành công nghệ, kỹ thuật điện, kinh tế, tài chính hoặc ngành đào tạo khác. | | Đã công khai |
| 65 | 1.013418 | Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Quy định tại Chương II Nghị định số 61/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực và Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ quy địnhcắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh. | | Đã công khai |
| 66 | 1.013652 | Thủ tục hành chính cấp tỉnh: Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 67 | 1.013421 | Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 623/QĐ-BCT | 06/03/2025 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công thương | | | | không yêu cầu | | Đã công khai |
| 68 | 1.013420 | Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | quy định tại Chương II Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 quy định chi tiết một số điều Luật Điện lực về giấy phép hoạt động điện lực và Nghị quyết 66.16/2026/NQ-CP quy định cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính, quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh. | | Đã công khai |
| 69 | 1.013643 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 70 | 1.013419 | Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được ủy quyền. | | Đã công khai |
| 71 | 1.013642 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 72 | 1.013778 | Thủ tục gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | không | | Đã công khai |
| 73 | 1.013987 | Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 555/QĐ-BCT | 09/04/2026 | Bộ Công thương | Dầu khí | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 74 | 1.014126 | Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 75 | 1.014127 | Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | ): Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản bị cấp sai thẩm quyền hoặc bị giả mạo. | | Đã công khai |
| 76 | 1.014119 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | KHÔNG | | Đã công khai |
| 77 | 1.014125 | Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 78 | 1.014700 | Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 79 | 1.014701 | cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 80 | 1.014702 | Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 81 | 1.014703 | cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 82 | 1.014707 | Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 83 | 1.014720 | Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất có điều kiện | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Tổ chức kinh doanh hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 của Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>Hóa chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>4. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở kinh doanh phải có bằng trung cấp hoặc tương đương | | Đã công khai |
| 84 | 1.014713 | cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>a) Hoá chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về | | Đã công khai |
| 85 | 1.014711 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (Phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>a) Hoá chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về | | Đã công khai |
| 86 | 1.014710 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện<br>1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;<br>b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hoá chất có điều kiện.<br>3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>Hoá chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực.<br>5. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về | | Đã công khai |
| 87 | 1.014709 | Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;<br>b) Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm;<br>c) Có các thông tin cảnh báo cần thiết tại nơi tồn trữ hóa chất cấm, nội quy về an toàn hóa chất, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất cấm tại khu vực tồn trữ, sản xuất;<br>d) Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất;<br>đ) Có kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phương tiện bảo đảm an toàn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;<br>e) Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định (trong | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 88 | 1.014708 | Thủ tục cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Tổ chức nhập khẩu hóa chất cấm là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật;<br>b) Có hoạt động đặc biệt sử dụng hóa chất cấm để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, quốc phòng, an ninh, hoặc thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao cần sử dụng hóa chất cấm;<br>c) Có các thông tin cảnh báo cần thiết tại nơi tồn trữ hóa chất cấm, nội quy về an toàn hóa chất, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm của hóa chất cấm tại khu vực tồn trữ, sản xuất;<br>d) Có trang thiết bị, phương tiện ứng cứu sự cố phù hợp với các đặc tính nguy hiểm của hóa chất;<br>đ) Có kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất và phương tiện bảo đảm an toàn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;<br>e) Có phương án kiểm soát phòng, chống thất thoát hóa chất cấm theo mẫu do Bộ | | Đã công khai |
| 89 | 1.014712 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc Bộ Công Thương quản lý (Phân cấp về cho Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh) | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>a) Hoá chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về | | Đã công khai |
| 90 | 1.014714 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất và kinh doanh hóa chất có điều kiện | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện<br>1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;<br>b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hoá chất có điều kiện.<br>3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>a) Hoá chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 91 | 1.014729 | Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 87/QĐ-BCT | 18/01/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 92 | 1.014726 | Thủ tục cấp điều chỉnh Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất<br>1. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;<br>b) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm công tác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật | | Đã công khai |
| 93 | 1.014721 | Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;<br>b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hoá chất có điều kiện.<br>3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>a) Hoá chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>5. Năng lực chuyên môn | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 94 | 1.014723 | Thủ tục cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>Hoá chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>4. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở tồn trữ hóa chất | | Đã công khai |
| 95 | 1.014724 | Thủ tục cấp lại Chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất<br>1. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất;<br>b) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm công tác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật | | Đã công khai |
| 96 | 1.014727 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>Hoá chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>4. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định 25/2026/NĐ-CP;<br>b) Đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>5. Các đơn vận tải thực động quy mô | | Đã công khai |
| 97 | 1.014722 | Cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất đối với cá nhân thực hiện hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất<br>1. Cá nhân hoạt động tư vấn lựa chọn công nghệ, thiết bị đối với dự án hóa chất được cấp chứng chỉ tư vấn chuyên ngành hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>a) Có bằng cử nhân hoặc tương đương trở lên ngành đào tạo về hóa học thuộc Danh mục quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất về phát triển ngành công nghiệp hóa chất và an toàn, an ninh hóa chất<br>b) Đáp ứng điều kiện kinh nghiệm công tác theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 25/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật | | Đã công khai |
| 98 | 1.014730 | Thủ tục cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 87/QĐ-BCT | 18/01/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 99 | 1.014725 | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất thuộc UBND cấp tỉnh | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất đối với hóa chất có điều kiện, hóa chất cần kiểm soát đặc biệt phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>1. Tổ chức thực hiện dịch vụ tồn trữ hóa chất là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>Hoá chất phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>4. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về an toàn hóa chất của cơ sở tồn trữ hóa chất phải có bằng trung cấp hoặc tương đương | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 100 | 1.014728 | Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;<br>b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hoá chất cần kiểm soát đặc biệt.<br>3. Công nghệ đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>Hoá chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực.<br>5. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về | | Đã công khai |
| 101 | 1.014735 | Thủ tục cấp Giấy phép sản xuất và kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt<br>1. Tổ chức sản xuất hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;<br>b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hoá chất cần kiểm soát đặc biệt.<br>3. Công nghệ đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>a) Hoá chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực;<br>b) Đáp ứng quy định tại khoản 7 Điều 4 | | Đã công khai |
| 102 | 1.014733 | Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Trường hợp có thay đổi về địa điểm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tồn trữ hóa chất; quy mô, chủng loại hóa chất sản xuất, kinh doanh. | | Đã công khai |
| 103 | 2.000002 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 104 | 1.014731 | Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 87/QĐ-BCT | 18/01/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 105 | 2.000001 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 106 | 1.014732 | Thủ tục cấp Giấy phép kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Tổ chức kinh doanh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Thuê kho của tổ chức được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ tồn trữ hóa chất phù hợp với quy mô, loại hóa chất của tổ chức thực hiện kinh doanh hoặc có kho tồn trữ hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;<br>b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực lưu trữ hoá chất cần kiểm soát đặc biệt.<br>3. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>a) Hoá chất cần kiểm soát đặc biệt phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực; | | Đã công khai |
| 107 | 2.000004 | Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 108 | 1.014734 | Thủ tục cấp lại Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Trường hợp Giấy phép bị mất, sai sót, hư hỏng | | Đã công khai |
| 109 | 2.000026 | Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 110 | 2.000033 | Thông báo hoạt động khuyến mại | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không quy định | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 111 | 2.000063 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu chế xuất- Khu công nghiệp | | | | Thương nhân nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi đáp ứng các điều kiện sau:<br>(i) Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận;<br>(ii) Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký;<br>(iii) Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;<br>(iv) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; | | Đã công khai |
| 112 | 2.000131 | Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại Việt Nam. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 113 | 2.000133 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 114 | 2.000129 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh trong những trường hợp sau:<br>(i) Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.<br>(ii) Thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài có liên quan trực tiếp đến nội dung hoạt động của Chi nhánh tại Việt Nam.<br>(iii) Thay đổi người đứng đầu của Chi nhánh.<br>(iv) Thay đổi tên gọi của Chi nhánh.<br>(v) Thay đổi nội dung hoạt động của Chi nhánh.<br>(vi) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Chi nhánh. | | Đã công khai |
| 115 | 2.000255 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa trừ các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn; gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí) | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | (i) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có cam kết mở cửa thị trường cho hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa:<br>a. Đáp ứng điều kiện về tiếp cận thị trường tại Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;<br>b. Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>(ii) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không thuộc nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên:<br>a. Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>b. Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.<br>c. Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh | | Đã công khai |
| 116 | 2.000272 | Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | - Điều kiện chung:<br>Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 9 và Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP.<br>- Điều kiện riêng: Địa điểm lập cơ sở bán lẻ thứ nhất cùng tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương với trụ sở chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. | | Đã công khai |
| 117 | 2.000260 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu X | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 118 | 2.000322 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý, kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ | | Đã công khai |
| 119 | 2.000309 | Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | 1298/QĐ-BCT | 29/05/2026 | Bộ Công thương | Quản lý bán hàng đa cấp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | | | | | Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm chỉ định một cá nhân làm đầu mối làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó. Đầu mối tại địa phương của doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Có nơi ở hiện tại tại địa phương;<br>b) Không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 137/2026/NĐ-CP;<br>c) Có kết quả kiểm tra kiến thức đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 137/2026/NĐ-CP;<br>d) Được doanh nghiệp giao quyền để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh theo phương thức đa cấp. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 120 | 2.000330 | Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | - Điều kiện chung:<br>Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng với các nội dung đề nghị điều chỉnh.<br>- Điều kiện riêng:<br>Khi có một trong những sự thay đổi về giấy phép kinh doanh như sau:<br>- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật;<br>- Chủ sở hữu, thành viên góp vốn, cổ đông sáng lập;<br>- Hàng hóa phân phối;<br>- Các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa;<br>- Các nội dung khác. | | Đã công khai |
| 121 | 2.000324 | Kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho điều mối tại địa phương | 1298/QĐ-BCT | 29/05/2026 | Bộ Công thương | Quản lý bán hàng đa cấp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Người đã hoàn thành khóa đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp được doanh nghiệp bán hàng đa cấp đăng ký tham gia kiểm tra kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho điều mối tại địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức. | | Đã công khai |
| 122 | 2.000347 | Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu chế xuất- Khu công nghiệp | | | | Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong những trường hợp sau:<br>(i) Thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài.<br>(ii) Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện.<br>(iii) Thay đổi tên gọi của Văn phòng đại diện.<br>(iv) Thay đổi nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.<br>(v) Thay đổi địa chỉ đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc trong khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý. | | Đã công khai |
| 123 | 2.000351 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.<br>+ Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động. | | Đã công khai |
| 124 | 2.000362 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.<br>+ Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động.<br>+ Đã có cơ sở bán lẻ dưới hình thức siêu thị, siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi để bán lẻ tại các cơ sở đó. | | Đã công khai |
| 125 | 2.000361 | Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT) | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý, kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ. | | Đã công khai |
| 126 | 2.000370 | Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.<br>+ Phù hợp với mức độ cạnh tranh của doanh nghiệp trong nước trong cùng lĩnh vực hoạt động.<br>+ Có thực hiện một trong các hoạt động sau: Sản xuất dầu, mỡ bôi trơn tại Việt Nam; Sản xuất hoặc được phép phân phối tại Việt Nam máy móc, thiết bị hàng hóa có sử dụng dầu, mỡ bôi trơn loại đặc thù. | | Đã công khai |
| 127 | 2.000609 | Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp | 1298/QĐ-BCT | 29/05/2026 | Bộ Công thương | Quản lý bán hàng đa cấp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | | | | | - Doanh nghiệp bán hàng đa cấp chỉ được phép tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đã được cấp xác nhận đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.<br>- Trường hợp hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp có sự tham dự của từ 50 người trở lên hoặc có sự tham dự của từ 20 người tham gia bán hàng đa cấp trở lên mà không phải là cuộc họp hoặc sự kiện nội bộ, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi thực hiện. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 128 | 2.000591 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm | 926/QĐ-BCT | 17/04/2026 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Chi cục An toàn thực phẩm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 1 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương, bao gồm:<br>- Cơ sở sản xuất các sản phẩm thực phẩm có công suất thiết kế nhỏ hơn cơ sở quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.<br>- Cơ sở bán buôn, bán lẻ thực phẩm (bao gồm cả thực phẩm tổng hợp) của thương nhân trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; chuỗi siêu thị mini và chuỗi cửa hàng tiện lợi có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định của pháp luật;<br>- Cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh tại | | Đã công khai |
| 129 | 2.000631 | Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương | 1298/QĐ-BCT | 29/05/2026 | Bộ Công thương | Quản lý bán hàng đa cấp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | | | | | Trường hợp không có trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại địa phương, doanh nghiệp bán hàng đa cấp có trách nhiệm chỉ định một cá nhân làm đầu mối làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương đó. Đầu mối tại địa phương của doanh nghiệp bán hàng đa cấp phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Có nơi ở hiện tại tại địa phương;<br>b) Không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 28 Nghị định số 137/2026/NĐ-CP;<br>c) Có kết quả kiểm tra kiến thức đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 137/2026/NĐ-CP;<br>d) Được doanh nghiệp giao quyền để làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động bán hàng đa cấp của doanh nghiệp tại địa phương theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh theo phương thức đa cấp. | | Đã công khai |
| 130 | 2.000645 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu. | | Đã công khai |
| 131 | 2.000664 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Thương nhân Việt Nam theo quy định của Luật Thương mại.<br>- Thương nhân có trụ sở chính trên địa bàn và có hệ thống phân phối xăng dầu trên địa bàn mời (01) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.<br>- Không áp dụng đối với thương nhân nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và pha chế các loại xăng dầu chuyên dùng cho nhu cầu riêng của mình với số lượng không quá 200 lít/kg/tháng và không lưu thông trên thị trường. | | Đã công khai |
| 132 | 2.000647 | Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | | Đã công khai |
| 133 | 2.000662 | Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã được thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên;<br>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý.<br>+ Tác động của cơ sở bán lẻ tới sự ổn định của thị trường và hoạt động kinh doanh của các cơ sở bán lẻ, chợ truyền thống trong khu vực thị trường địa lý;<br>+ Ảnh hưởng của cơ sở bán lẻ tới mật độ giao thông, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy trong khu vực thị trường địa lý;<br>+ Khả năng đóng góp của cơ sở bán lẻ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực thị trường địa lý, cụ thể:<br>* Đóng góp cho sự phát triển và hiện đại hóa ngành bán lẻ trong khu vực thị trường địa lý;<br>* Cải thiện môi trường và điều kiện sống của dân cư trong khu vực thị trường địa lý; | | Đã công khai |
| 134 | 2.000648 | Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | + Thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên của thương nhân là đại lý bán lẻ xăng dầu hoặc tổng đại lý kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân nhận quyền bán lẻ xăng dầu hoặc thương nhân phân phối xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu hoặc thương nhân đầu mối sản xuất xăng dầu có hệ thống phân phối theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và Nghị định số 95/2021/NĐ-CP (thương nhân đề nghị cấp phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu). Trường hợp đi thuê cửa hàng bán lẻ xăng dầu, thương nhân đi thuê phải đứng tên tại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.<br>+ Được thiết kế, xây dựng và có trang thiết bị theo đúng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu thiết kế cửa hàng xăng dầu, bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường của cơ quan | | Đã công khai |
| 135 | 2.000669 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. | | Đã công khai |
| 136 | 2.000666 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 137 | 2.000672 | Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Thương nhân kinh doanh xăng dầu đã được cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu. | | Đã công khai |
| 138 | 2.000673 | Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Lưu thông hàng hóa trong nước | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | + Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>+ Có cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc sở hữu hoặc thuê với thời hạn thuê từ năm (05) năm trở lên được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 83/2014/NĐ-CP và khoản 20 Điều 1 Nghị định số 95/2021/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 139 | 2.001282 | Thủ tục cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện áp dụng biện pháp tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 140 | 2.001474 | Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 141 | 2.001315 | Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu quần phục để làm mẫu phục vụ hoạt động gia công | 2040/QĐ-BCT | 14/08/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 142 | 2.001573 | Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp | 1298/QĐ-BCT | 29/05/2026 | Bộ Công thương | Quản lý bán hàng đa cấp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 143 | 2.001575 | Cấp Giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp phải là doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.<br>- Địa điểm kho, bến cảng, nơi tiếp nhận bốc dỡ vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện về an ninh, trật tự; bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình, đối tượng cần bảo vệ.<br>- Kho, thiết bị bốc dỡ, phương tiện vận chuyển, thiết bị, dụng cụ phục vụ kinh doanh phải được thiết kế, xây dựng phù hợp, đáp ứng yêu cầu về bảo quản, vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp, phòng cháy và chữa cháy; trường hợp không có kho, phương tiện vận chuyển, phải có hợp đồng thuê bằng văn bản với tổ chức, doanh nghiệp được phép bảo quản, vận chuyển | | Đã công khai |
| 144 | 2.002606 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 145 | 2.002605 | Sửa đổi giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 146 | 2.002166 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini | 1040/QĐ-BCT | 02/05/2026 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương | | | | + Không còn nợ thuế quá hạn trong trường hợp đã thành lập tại Việt Nam từ 01 năm trở lên.<br>+ Địa điểm lập cơ sở bán lẻ phù hợp với quy hoạch có liên quan tại khu vực thị trường địa lý, kèm theo tài liệu về địa điểm lập cơ sở bán lẻ.<br>+ Đáp ứng tiêu chí Kiểm tra nhu cầu kinh tế ENT. | | Đã công khai |
| 147 | 2.002676 | Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp từ trung áp trở lên | 1537/QĐ-BCT | 29/06/2026 | Bộ Công thương | Điện lực | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Công dân Việt Nam mà không xác định được nơi thường trú hoặc nơi tạm trú | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | không quy định | | Đã công khai |
| 148 | 2.002604 | Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | | | | không có | | Đã công khai |
| 149 | 2.002607 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 150 | 2.002608 | Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam. | 1507/QĐ-BCT | 26/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 151 | 2.002834 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | □Điều kiện sản xuất hóa chất có điều kiện<br>1. Tổ chức sản xuất hóa chất có điều kiện là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.<br>2. Nhà xưởng, kho chứa sản xuất hóa chất phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Đáp ứng quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP;<br>b) Phải có quy trình thao tác an toàn. Quy trình phải được niêm yết tại khu vực sản xuất hoá chất có điều kiện.<br>3. Công nghệ, đáp ứng quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 26/2026/NĐ-CP.<br>4. Tồn trữ, bảo quản hóa chất<br>Hoá chất có điều kiện phải được phân khu, sắp xếp theo tính chất của từng loại hoá chất. Không được bảo quản các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau gây mất an toàn hoặc có yêu cầu về phòng, chống cháy nổ khác nhau trong cùng một khu vực.<br>5. Năng lực chuyên môn<br>a) Người chịu trách nhiệm chuyên môn về | | Đã công khai |
| 152 | 2.002836 | Thủ tục cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 2 | 87/QĐ-BCT | 18/01/2026 | Bộ Công thương | Hóa chất | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 153 | 1.012632 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CHO TỔ CHỨC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội Vụ | | | Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>- Có giáo lý, giáo luật, lễ nghi.<br>- Có tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật.<br>- Tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.<br>- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.<br>- Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.<br>- Nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của | | Đã công khai |
| 154 | 1.012641 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN PHI THƯƠNG MẠI CHO TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh để được tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương.<br>- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình.<br>- Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập. | | Đã công khai |
| 155 | 1.012653 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM ĐẾN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁC (CẤP TỈNH) | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ. | | Đã công khai |
| 156 | 1.012656 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM TRONG ĐỊA BÀN MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội Vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 157 | 1.012658 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH) | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 158 | 1.012661 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Yêu cầu: Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.<br>Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, nếu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc thì văn bản chấp thuận hết hiệu lực.<br>- Điều kiện: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>+ Hiến chương của tổ chức tôn giáo có quy định về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.<br>+ Hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất không thuộc trường hợp quy định tại | | Đã công khai |
| 159 | 1.012672 | Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Cấp Tỉnh) | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Hoạt động ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.<br>- Có hiến chương theo quy định tại Điều 23 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.<br>- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.<br>- Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương.<br>- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình.<br>- Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập. | | Đã công khai |
| 160 | 1.014339 | Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | 363/QĐ-BDTTG | 19/06/2026 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Yêu cầu: Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh còn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 161 | 1.000482 | Chuyển đổi trường trung học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục sang trường học nghề tư thục, trường trung cấp tư thục, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 843/QĐ-BGDĐT | 09/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp (G07-LD06) | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | a) Chênh lệch giữa thu và chi từ hoạt động đào tạo nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học hàng năm của trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận là tài sản sở hữu chung hợp nhất không phân chia, dùng để đầu tư phát triển cơ sở vật chất; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý; hoạt động nghiên cứu khoa học; cấp học bổng cho người học và sử dụng cho các mục tiêu phục vụ lợi ích cộng đồng khác.<br>b) Có cam kết hoạt động không vì lợi nhuận với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục; trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đặt trụ sở chính. Cam kết được công bố công khai để xã hội biết và giám sát.<br>c) Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu nguồn | | Đã công khai |
| 162 | 1.000729 | Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên | 1823/QĐ-BGDĐT | 26/06/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc xếp hạng trung tâm giáo dục thường xuyên căn cứ theo các nhóm tiêu chí sau:<br>- Quy mô người học;<br>- Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên;<br>- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học;<br>- Chất lượng giáo dục, đào tạo và hiệu quả hoạt động.<br>Tiêu chí cụ thể và bảng tính điểm được quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Thông tư số 48/2008/TT-BGDĐT ngày 25/8/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn xếp hạng và thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trung tâm giáo dục thường xuyên, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 27/2025/TT-BGDĐT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Thông tư và bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo liên quan đến cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh | | Đã công khai |
| 163 | 1.008720 | Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 1823/QĐ-BGDĐT | 26/06/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục mầm non | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Cơ sở giáo dục mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập bảo đảm điều kiện hoạt động. | | Đã công khai |
| 164 | 1.009394 | Đăng ký xét tuyển học theo chế độ cử tuyển | 985/QĐ-BGDĐT | 22/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc qua cổng dịch vụ công cấp tỉnh hoặc Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh. | Sở Giáo dục và Đào tạo - Tỉnh Bạc Liêu, Sở Giáo dục đào tạo | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tiêu chuẩn chung<br>a) Thường trú từ 05 năm liên tục trở lên tính đến năm tuyển sinh tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; có cha mẹ đẻ hoặc cha mẹ nuôi (hoặc có một trong hai bên là cha đẻ hoặc mẹ đẻ, cha nuôi hoặc mẹ nuôi), người trực tiếp nuôi dưỡng sống tại vùng này;<br>b) Đạt các tiêu chuẩn sơ tuyển đối với các ngành, nghề có yêu cầu sơ tuyển;<br>c) Không quá 22 tuổi tính đến năm tuyển sinh, có đủ sức khỏe theo quy định hiện hành.<br>2. Ngoài tiêu chuẩn chung, người học được cử tuyển vào đại học phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể sau:<br>a) Tốt nghiệp trung học phổ thông;<br>b) Xếp loại hạnh kiểm các năm học của cấp học trung học phổ thông đạt loại tốt;<br>c) Xếp loại học lực năm cuối cấp đạt loại khá trở lên;<br>d) Có thời gian học đủ 03 năm học và tốt nghiệp trung học phổ thông tại trường | | Đã công khai |
| 165 | 1.012944 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông | 1425/QĐ-BGDĐT | 29/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục trung học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương nơi trường dự kiến đặt trụ sở. | | Đã công khai |
| 166 | 1.012955 | Sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông | 1425/QĐ-BGDĐT | 29/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục trung học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 167 | 1.012953 | Cho phép trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục | 1425/QĐ-BGDĐT | 29/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục trung học | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | | | a) Có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các tiêu chuẩn về địa điểm, quy mô, diện tích và cơ sở vật chất đối với trường trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó, khu vực nội thành của các đô thị loại đặc biệt, diện tích sân xây dựng được tính tương đương diện tích đất, nhưng không thấp hơn diện tích bình quân tối thiểu cho mỗi học sinh.<br>b) Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.<br>c) Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn để tổ chức hoạt động giáo dục đáp ứng các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.<br>d) Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm duy trì và phát triển hoạt động giáo dục:<br>- Đối với trường trung học phổ thông tư thục đạo tạo cấp cơ sở giáo dục phổ | | Đã công khai |
| 168 | 1.012956 | Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) | 1425/QĐ-BGDĐT | 29/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục trung học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 169 | 1.012988 | Giải thể trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm) | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | | | Đã công khai |
| 170 | 1.013754 | Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 171 | 1.013757 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | | | Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm yêu cầu Trung tâm được hình thành sau khi sáp nhập, chia, tách phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 172 | 1.013751 | Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | a) Có địa điểm, cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm.<br>b) Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | | Đã công khai |
| 173 | 1.013755 | Cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | | | a) Việc thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục phải phù hợp với quy hoạch hệ thống cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và hệ thống trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.<br>b) Có cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị và dịch vụ hỗ trợ phù hợp với đặc điểm người khuyết tật theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm: trụ sở, phòng làm việc của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên; phòng học, phòng chức năng tương ứng để thực hiện các hoạt động của trung tâm; khu nhà ở cho học sinh đối với trung tâm có người khuyết tật nội trú; phương tiện, thiết bị, công cụ sử dụng để đánh giá, can thiệp, dạy học, hướng nghiệp, dạy nghề; tài liệu chuyên môn, tài liệu hỗ trợ bảo đảm thực hiện các hoạt động của trung tâm. | | Đã công khai |
| 174 | 1.013753 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo | | | Trung tâm được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm yêu cầu: Trung tâm được hình thành sau khi sáp nhập, chia, tách phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 125/2024/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 175 | 1.013758 | Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập) | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | | | Đã công khai |
| 176 | 2.000545 | Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục, đào tạo với nước ngoài | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo) | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | I.10.1. Năng lực tài chính:<br>a) Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục mầm non phải có suất đầu tư ít nhất là 30 triệu đồng/trẻ (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất. Kế hoạch vốn đầu tư phải phù hợp với quy mô dự kiến của từng giai đoạn.<br>b) Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục phổ thông phải có suất đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng.<br>c) Đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc đo bên việt Nam góp vốn bằng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% các mức quy định tại các khoản 1,2 Điều 35 Nghị định số | | Đã công khai |
| 177 | 3.000317 | Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | Loại khác | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | Trung tâm được sáp nhập, chia, tách khi bảo đảm yêu cầu Trung tâm mới được hình thành sau quá trình sáp nhập, chia, tách phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 178 | 3.000315 | Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục thường xuyên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | Loại khác | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | Điều kiện thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên tư thục:<br>a) Có địa điểm, cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm.<br>b) Có chương trình giáo dục, tài liệu giảng dạy và học tập đáp ứng yêu cầu của các chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.<br>c) Có đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và người lao động đủ về số lượng và đạt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của từng chương trình giáo dục thường xuyên thực hiện tại trung tâm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | | Đã công khai |
| 179 | 3.000465 | Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc | 985/QĐ-BGDĐT | 22/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Văn bằng, chứng chỉ | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | Loại khác | | | Sở Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 180 | 3.000466 | Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ | 985/QĐ-BGDĐT | 22/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Văn bằng, chứng chỉ | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | Loại khác | | | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội, Cơ sở giáo dục | | | | Người được cấp văn bằng, chứng chỉ có quyền yêu cầu chỉnh sửa nội dung ghi trên văn bằng, chứng chỉ trong các trường hợp sau:<br>a) Được cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi hoặc cải chính hộ tịch;<br>b) Được xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính;<br>c) Được bổ sung hộ tịch, điều chỉnh hộ tịch;<br>d) Được đăng ký khai sinh quá hạn, đăng ký lại khai sinh;<br>đ) Trường hợp thông tin ghi trên văn bằng, chứng chỉ sai do người học cung cấp và không có lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp văn bằng, chứng chỉ. | | Đã công khai |
| 181 | 1.002655 | Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 182 | 1.003249 | Gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | | | | Đã công khai |
| 183 | 1.003370 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | a) Cam kết thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi;<br>b) Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông;<br>c) Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng. | | Đã công khai |
| 184 | 1.003300 | Cấp giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1. Dịch vụ được đề nghị thử nghiệm là dịch vụ viễn thông chưa được quy định trong giấy phép viễn thông đã được cấp hoặc dịch vụ viễn thông có sử dụng tài nguyên viễn thông ngoài phạm vi tài nguyên viễn thông đã được phân bổ;<br>2. Phạm vi và quy mô thử nghiệm được giới hạn để đánh giá công nghệ, thị trường trước khi kinh doanh chính thức;<br>3. Phương án thử nghiệm phù hợp với quy định của pháp luật về kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông. | | Đã công khai |
| 185 | 1.003659 | Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi nội tỉnh) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động bưu chính hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực bưu chính;<br>b) Có phương án kinh doanh khả thi phù hợp với quy định về giá cước, chất lượng dịch vụ bưu chính;<br>c) Có biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn đối với con người, bưu gửi, mạng bưu chính. | | Đã công khai |
| 186 | 1.003633 | Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi nội tỉnh) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trước khi giấy phép bưu chính hết hạn tối thiểu 30 ngày | | Đã công khai |
| 187 | 1.003687 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi nội tỉnh) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 188 | 1.004186 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 189 | 1.004354 | Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | Trước khi giấy phép bưu chính hết hạn tối thiểu 30 ngày | | Đã công khai |
| 190 | 1.004373 | Đăng ký bản thoả thuận kết nối mẫu | 2629/QĐ-BKHCN | 31/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ không chấp thuận Thỏa thuận kết nối mẫu trong trường hợp sau đây:<br>a) Thỏa thuận kết nối mẫu vi phạm các quy định về kinh tế, kỹ thuật tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư 07/2015/TT-BTTTT, các quy định của pháp luật về viễn thông và các quy định pháp luật có liên quan khác;<br>b) Thỏa thuận kết nối mẫu có nội dung gây tổn hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp viễn thông khác hoặc người sử dụng dịch vụ viễn thông. | | Đã công khai |
| 191 | 1.004366 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | Không có | | Đã công khai |
| 192 | 1.004379 | Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi nội tỉnh) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 193 | 1.004430 | Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | Không có | | Đã công khai |
| 194 | 1.004429 | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | Việc thông báo hoạt động bưu chính được thực hiện chậm nhất là 07 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên hoạt động bưu chính. | | Đã công khai |
| 195 | 1.004470 | Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi nội tỉnh) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc thông báo hoạt động bưu chính được thực hiện chậm nhất là 07 ngày làm việc, kể từ ngày đầu tiên hoạt động bưu chính. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 196 | 1.004376 | Cấp giấy phép bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động bưu chính hoặc giấy chứng nhận đầu tư trong lĩnh vực bưu chính;<br>b) Có phương án kinh doanh khả thi phù hợp với quy định về giá cước, chất lượng dịch vụ bưu chính;<br>c) Có biện pháp đảm bảo an ninh thông tin và an toàn đối với con người, bưu gửi, mạng bưu chính. | | Đã công khai |
| 197 | 1.004428 | Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | Bộ Khoa học và Công nghệ ( Bộ TTTT cũ) | | | Không có | | Đã công khai |
| 198 | 1.004426 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Hàng không Việt Nam | | Không | | Đã công khai |
| 199 | 1.004500 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an, Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Ngoại giao | | Không | | Đã công khai |
| 200 | 1.004962 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của các doanh nghiệp viễn thông (trừ doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất). | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | | | Đã công khai |
| 201 | 1.005442 | Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được (phạm vi nội tỉnh) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 202 | 1.005444 | Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | a) Cam kết thiết lập mạng viễn thông dùng riêng chỉ để cung cấp dịch vụ cho các thành viên của mạng, không vì mục đích sinh lợi;<br>b) Có phương án kỹ thuật, nghiệp vụ phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông;<br>c)Có biện pháp bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng. | | Đã công khai |
| 203 | 1.005445 | Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông dùng riêng | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | | | Đã công khai |
| 204 | 1.010250 | Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với các giấy phép mẫu 1d, 1i, 1g1, 1h1 | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 205 | 1.010265 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 206 | 1.010259 | Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Hàng không Việt Nam | | Không | | Đã công khai |
| 207 | 1.010266 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 208 | 1.010267 | Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài truyền thanh không dây | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 209 | 1.010268 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an, Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Ngoại giao | Bộ Công an, Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Ngoại giao | Không | | Đã công khai |
| 210 | 1.010277 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 211 | 1.010272 | Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an | | Không | | Đã công khai |
| 212 | 1.010282 | Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 213 | 1.010278 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 214 | 1.010276 | Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an, Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Ngoại giao | | Không | | Đã công khai |
| 215 | 1.010280 | Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an | | Không | | Đã công khai |
| 216 | 1.010281 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 217 | 1.010279 | Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 218 | 1.010285 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 219 | 1.010284 | Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của cơ quan đại diện nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 220 | 1.010287 | Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 221 | 1.010286 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 222 | 1.010283 | Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu có hoạt động tuyến quốc tế | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 223 | 1.010288 | Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an | | Không | | Đã công khai |
| 224 | 1.010294 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 225 | 1.010297 | Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 226 | 1.010304 | Cấp đổi Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của đoàn khách nước ngoài sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 227 | 1.010293 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 228 | 1.010295 | Sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 229 | 1.010296 | Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động mặt đất, mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ của cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn khách nước ngoài, Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 230 | 1.010316 | Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an, Bộ Ngoại giao | | Không | | Đã công khai |
| 231 | 1.010308 | Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an, Bộ Ngoại giao | | Không | | Đã công khai |
| 232 | 1.010317 | Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài trái đất của Phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn sử dụng dịch vụ thông tin vệ tinh của nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế về thông tin vệ tinh | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công an, Bộ Ngoại giao | | Không | | Đã công khai |
| 233 | 1.010901 | Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi liên tỉnh, quốc tế) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ ( Bộ TTTT cũ) | | | Không có | | Đã công khai |
| 234 | 1.010902 | Sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính (phạm vi nội tỉnh) | 2528/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Bưu chính | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 235 | 1.011892 | Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động hàng không và nghiệp vụ vô tuyến dẫn đường hàng không | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 236 | 1.013353 | Báo cáo đăng ký chuyển giao New gTLD | 2466/QĐ-BKHCN | 18/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | | | | Đã công khai |
| 237 | 1.013356 | Đề nghị cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quốc gia Việt Nam ".vn" | 2466/QĐ-BKHCN | 18/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | | | | Đã công khai |
| 238 | 1.013354 | Báo cáo hoạt động Tổ chức quản lý tên miền dùng chung cấp cao nhất mới (New gTLD) | 2466/QĐ-BKHCN | 18/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | | | | Đã công khai |
| 239 | 1.012353 | Thủ tục xác định dự án đầu tư có hoặc không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thẩm dụng tài nguyên (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 240 | 1.013370 | Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | - Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>- Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 241 | 1.013355 | Báo cáo hoạt động cung cấp dịch vụ Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam | 2466/QĐ-BKHCN | 18/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | | | | Đã công khai |
| 242 | 1.013377 | Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | 1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông;<br>2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm.<br>Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm:<br>a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông;<br>b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành. | | Đã công khai |
| 243 | 1.013375 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. | | Đã công khai |
| 244 | 1.013383 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | 1. Cam kết thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi;<br>2. Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. | | Đã công khai |
| 245 | 1.013381 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | 1. Dịch vụ được đề nghị thử nghiệm là dịch vụ viễn thông chưa được quy định trong giấy phép viễn thông đã được cấp hoặc dịch vụ viễn thông có sử dụng tài nguyên viễn thông ngoài phạm vi tài nguyên viễn thông đã được phân bổ;<br>2. Phạm vi và quy mô thử nghiệm được giới hạn để đánh giá công nghệ, thị trường trước khi kinh doanh chính thức;<br>3. Phương án thử nghiệm phù hợp với quy định của pháp luật về kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông. | | Đã công khai |
| 246 | 1.013384 | Gia hạn giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Không có | | Đã công khai |
| 247 | 1.013382 | Cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cấp cho đài phát thanh quốc gia, đài truyền hình quốc gia | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | 1. Cam kết thiết lập mạng viễn thông chỉ để cung cấp dịch vụ không vì mục đích sinh lợi;<br>2. Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. | | Đã công khai |
| 248 | 1.013376 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. | | Đã công khai |
| 249 | 1.013379 | Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Việc cấp lại giấy phép viễn thông cho doanh nghiệp được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 36 Luật Viễn thông, có xem xét việc thực hiện nội dung quy định trong giấy phép viễn thông đã cấp và quyền lợi của người sử dụng dịch vụ viễn thông. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 250 | 1.013385 | Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (trừ doanh nghiệp có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Doanh nghiệp viễn thông chỉ được ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ dịch vụ viễn thông nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và của các bên có liên quan;<br>b) Đã thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông.<br>2. Trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền do doanh nghiệp vi phạm pháp luật, doanh nghiệp phải có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông theo hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông đã giao kết và phương án khắc phục vi phạm, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản. | | Đã công khai |
| 251 | 1.013900 | Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>- Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.<br>- Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;<br>- Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông. | | Đã công khai |
| 252 | 1.013903 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông<br>1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ;<br>c) Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;<br>d) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn | | Đã công khai |
| 253 | 1.013899 | Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>- Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan. | | Đã công khai |
| 254 | 1.013901 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép | | Đã công khai |
| 255 | 1.013904 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | I. Các điều kiện chung theo Luật Viễn thông<br>1. Giấy phép viễn thông quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Luật Viễn thông được cấp cho doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>b) Có vốn điều lệ tối thiểu theo quy định của Chính phủ;<br>c) Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;<br>d) Bảo đảm cam kết triển khai mạng viễn | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 256 | 1.013907 | Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>- Có vốn điều lệ: Tối thiểu 05 tỷ đồng Việt Nam và đã góp đủ vốn điều lệ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.<br>- Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;<br>- Điều kiện về triển khai mạng viễn thông: Cam kết thực hiện đầu tư tổng số vốn đầu tư vào mạng lưới tối thiểu 15 tỷ đồng Việt Nam trong 03 năm đầu tiên kể từ ngày được cấp phép để thiết lập mạng viễn thông.<br>- Việc cấp lại giấy phép kinh doanh | | Đã công khai |
| 257 | 1.013819 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 258 | 1.013906 | Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông;<br>2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm.<br>Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm:<br>a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông;<br>b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành. | | Đã công khai |
| 259 | 1.013905 | Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ các quy định trong giấy phép viễn thông được đề nghị gia hạn và các quy định của pháp luật về viễn thông;<br>2. Tổng thời hạn cấp lần đầu và các lần gia hạn giấy phép viễn thông không được vượt quá thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó; trường hợp giấy phép có thời hạn cấp lần đầu bằng thời hạn tối đa quy định cho loại giấy phép đó thì khi giấy phép hết hạn sử dụng, chỉ được xem xét gia hạn không quá 01 năm.<br>Các trường hợp được gia hạn khi giấy phép đã được cấp có thời hạn bằng thời hạn tối đa bao gồm:<br>a) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông;<br>b) Doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi theo quyết định đã được ban hành. | | Đã công khai |
| 260 | 1.013902 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc sửa đổi, bổ sung giấy phép viễn thông trong thời gian giấy phép còn hiệu lực được thực hiện theo đề nghị của doanh nghiệp được cấp giấy phép hoặc theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ, thực hiện dựa trên điều kiện cấp phép quy định tại Điều 36 của Luật Viễn thông tương ứng với nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép. | | Đã công khai |
| 261 | 1.013897 | Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 262 | 1.013877 | Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 263 | 1.013909 | Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực. | | Đã công khai |
| 264 | 1.013908 | Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 265 | 1.013912 | Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Điều kiện đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông bao gồm:<br>a) Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>b) Có phương án kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, an toàn thông tin mạng và an ninh thông tin. | | Đã công khai |
| 266 | 1.013910 | Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 267 | 1.013911 | Hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 268 | 1.013918 | Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ | 672/QĐ-BKHCN | 29/01/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 269 | 1.013916 | Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 270 | 1.013924 | Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 271 | 1.013925 | Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Cô Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;<br>- Hoạt động cho một tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. | | Đã công khai |
| 272 | 1.013954 | Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 273 | 1.013942 | Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp từ bỏ, chấm dứt kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp;<br>- Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 154 của Luật Sở hữu trí tuệ. | | Đã công khai |
| 274 | 1.013968 | Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 275 | 1.013974 | Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 276 | 1.013973 | Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Việc sử dụng sáng chế nhằm mục đích công cộng, phi thương mại, phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng bệnh, chữa bệnh, dinh dưỡng cho nhân dân hoặc đáp ứng các nhu cầu cấp thiết của xã hội.<br>- Người nắm độc quyền sử dụng sáng chế không thực hiện nghĩa vụ sử dụng sáng chế sau khi kết thúc bốn năm kể từ ngày nộp đơn đăng ký sáng chế và kết thúc ba năm kể từ ngày cấp Bằng độc quyền sáng chế.<br>- Người có nhu cầu sử dụng sáng chế không đạt được thỏa thuận với người nắm độc quyền sử dụng sáng chế về việc ký kết hợp đồng sử dụng sáng chế mặc dù trong một thời gian hợp lý đã có gắng thương lượng với mức giá và các điều kiện thương mại hòa đáng.<br>- Người nắm độc quyền sử dụng sáng chế bị coi là thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh bị cấm theo quy định của pháp luật về cạnh tranh.<br>- Việc sử dụng sáng chế phục vụ công | | Đã công khai |
| 277 | 1.013976 | Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất). | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>- Có kế hoạch kinh doanh và kỹ thuật phù hợp với quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông, các quy định của Luật Viễn thông về tài nguyên viễn thông, kết nối, giá dịch vụ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng dịch vụ viễn thông, bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông và quy định khác của pháp luật có liên quan;<br>- Việc xét cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông căn xem xét việc tuân thủ quy định trong giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông đề nghị được cấp lại và quyền lợi hợp pháp của người sử dụng dịch vụ viễn thông. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 278 | 1.014015 | Chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | 1. Tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn, số dịch vụ giải đáp thông tin, mã mạng di động H2H qua phương thức đấu giá được chuyển nhượng quyền sử dụng mã, số viễn thông này cho các tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quy định tại cuộc đấu giá mà tổ chức, doanh nghiệp chuyển nhượng tham gia.<br>2. Tổ chức, doanh nghiệp được chuyển nhượng quyền sử dụng mã mạng di động H2H phân bổ qua phương thức đấu giá sau khi đưa mã mạng di động H2H vào khai thác sử dụng tối thiểu 02 năm; được chuyển nhượng quyền sử dụng số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ ứng dụng tin nhắn ngắn phân bổ qua đấu giá sau khi đưa vào khai thác, sử dụng tối thiểu 06 tháng. | | Đã công khai |
| 279 | 1.014012 | Phân bổ mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn theo phương thức đấu giá | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 280 | 1.014382 | Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam | 2540/QĐ-BKHCN | 22/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 281 | 1.014389 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ | 2498/QĐ-BKHCN | 20/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | 1. Điều lệ tổ chức và hoạt động<br>a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động quy định rõ: tên gọi, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, phương thức quản lý và điều hành, điều kiện chia, tách, sáp nhập, giải thể và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;<br>b) Tên tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch quốc tế và tên viết tắt (nếu có), được viết bằng các chữ cái trong Bảng chữ cái tiếng Việt; có thể kèm theo các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu, bảo đảm dễ đọc, dễ phát âm. Tên tổ chức khoa học và công nghệ bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của tổ chức khoa học và công nghệ có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.<br>Tên tổ chức không được trùng hoặc gây | | Đã công khai |
| 282 | 1.014391 | Cấp Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | 3659/QĐ-BKHCN | 13/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh, Chưa xác định | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | a) Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh được quy định cụ thể trong điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;<br>b) Văn phòng đại diện phải có tối thiểu 02 người làm việc toàn thời gian có trình độ đại học trở lên;<br>Chi nhánh phải có tối thiểu 03 người làm việc toàn thời gian có trình độ đại học trở lên, trong đó ít nhất 01 người có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động chủ yếu đăng ký;<br>Người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh phải có trình độ đại học trở lên và làm việc chính thức tại văn phòng đại diện, chi nhánh;<br>c) Văn phòng đại diện, chi nhánh có trụ sở chính tại Việt Nam với địa chỉ rõ ràng theo địa danh hành chính, có số điện thoại, địa chỉ thư điện tử liên lạc chính thức. | | Đã công khai |
| 283 | 1.014394 | Thành lập đơn vị trực thuộc ở nước ngoài của tổ chức khoa học và công nghệ | 2498/QĐ-BKHCN | 20/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | | | Đã công khai |
| 284 | 1.014392 | Thay đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ | 3659/QĐ-BKHCN | 13/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | a) Việc thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh được quy định cụ thể trong điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ;<br>b) Văn phòng đại diện phải có tối thiểu 02 người làm việc toàn thời gian có trình độ đại học trở lên;<br>Chi nhánh phải có tối thiểu 03 người làm việc toàn thời gian có trình độ đại học trở lên, trong đó ít nhất 01 người có trình độ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động chủ yếu đăng ký;<br>Người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh phải có trình độ đại học trở lên và làm việc chính thức tại văn phòng đại diện, chi nhánh;<br>c) Văn phòng đại diện, chi nhánh có trụ sở chính tại Việt Nam với địa chỉ rõ ràng theo địa danh hành chính, có số điện thoại, địa chỉ thư điện tử liên lạc chính thức. | | Đã công khai |
| 285 | 1.014383 | Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam | 2540/QĐ-BKHCN | 22/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 286 | 1.014390 | Thay đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ (Sở Khoa học và Công nghệ) | 2498/QĐ-BKHCN | 20/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | 1. Điều lệ tổ chức và hoạt động<br>a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động quy định rõ: tên gọi, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, phương thức quản lý và điều hành, điều kiện chia, tách, sáp nhập, giải thể và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;<br>b) Tên tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch quốc tế và tên viết tắt (nếu có), được viết bằng các chữ cái trong Bảng chữ cái tiếng Việt; có thể kèm theo các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu, bảo đảm dễ đọc, dễ phát âm. Tên tổ chức khoa học và công nghệ bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của tổ chức khoa học và công nghệ có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.<br>Tên tổ chức không được trùng hoặc gây | | Đã công khai |
| 287 | 1.014431 | Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 288 | 1.014432 | Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 289 | 1.014433 | Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 290 | 1.014526 | Thủ tục thực hiện điều chỉnh, chấm dứt thực hiện hợp đồng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh) | 4063/QĐ-BKHCN | 08/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 291 | 1.014541 | Thủ tục hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ dành cho tổ chức (cấp tỉnh) | 2796/QĐ-BKHCN | 16/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu viên sau tiến sĩ: Đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, ứng viên phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:<br>+ Có bằng tiến sĩ trong thời hạn 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ;<br>+ Được một nhà khoa học trong nước nhận bảo trợ thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ;<br>+ Được tổ chức khoa học và công nghệ của Việt Nam nhận làm đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ. Đơn vị chủ trì nghiên cứu sau tiến sĩ phải có đủ điều kiện cơ sở vật chất, nguyên vật liệu và các điều kiện liên quan để triển khai nghiên cứu, đồng ý tiếp nhận người đến thực hiện nghiên cứu sau tiến sĩ và đồng ý hỗ trợ, tạo điều kiện để triển khai nghiên cứu.<br>- Hỗ trợ hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh của chương trình đào tạo tiến sĩ và học viên của chương trình đào tạo thạc<br>sĩ: Đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản | | Đã công khai |
| 292 | 1.014638 | Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài | 2645/QĐ-BKHCN | 02/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 293 | 1.014637 | Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài | 2645/QĐ-BKHCN | 02/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 294 | 1.014636 | Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu | 2645/QĐ-BKHCN | 02/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 295 | 1.014642 | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác- | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác- | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Điều kiện về nhân lực<br>a) Nhân viên bức xạ có Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ. Trường hợp nhân viên bức xạ trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp theo quy định tại điểm l khoản 3 Điều 21 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ;<br>b) Có người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn bức xạ phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ.<br>2. Điều kiện về bảo đảm an toàn, an ninh<br>a) Tuân thủ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và công chúng, bảo đảm mức liều chiếu xạ trong điều kiện làm việc bình thường đối với nhân viên bức xạ, công chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; thiết lập khu vực kiểm soát và khu vực giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; có nội quy an toàn bức xạ phù hợp với công việc bức xạ, bao gồm các quy định về tuân thủ quy | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 296 | 1.014656 | Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)) | 3814/QĐ-BKHCN | 17/09/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (trừ người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)) | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Được đào tạo về an toàn bức xạ tương ứng với loại hình công việc được đảm nhiệm.<br>2. Nhân viên bức xạ đảm nhiệm vị trí người phụ trách an toàn bức xạ phải có trình độ từ cao đẳng trở lên.<br>3. Nhân viên bức xạ đảm nhiệm các vị trí quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP, trừ người phụ trách an toàn bức xạ phải được đào tạo các nội dung chuyên môn tương ứng với loại hình công việc được đảm nhiệm. Trường hợp Việt Nam chưa có cơ sở đào tạo chuyên môn được cơ quan có thẩm quyền cho phép, cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ phải có giấy chứng nhận đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với loại hình đề nghị cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp. | | Đã công khai |
| 297 | 1.014648 | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Điều kiện về nhân lực<br>a) Có nhân viên bức xạ được cấp Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ;<br>b) Có người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn bức xạ phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ;<br>c) Có người phụ trách tầy xạ và người phụ trách ứng phó sự cố bức xạ. Người phụ trách tầy xạ và người phụ trách ứng phó sự cố bức xạ phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ.<br>2. Có kế hoạch tháo dỡ, tẩy xạ, xử lý, quản lý nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ; trong đó nêu chi tiết quy trình, tiến độ thực hiện, nhân lực, trang thiết bị và bảo đảm tài chính để hoàn thành kế hoạch. | | Đã công khai |
| 298 | 1.014645 | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Điều kiện về nhân lực<br>a) Có nhân viên bức xạ được cấp Giấy chứng nhận đào tạo an toàn bức xạ;<br>b) Có người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn bức xạ phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ.<br>2. Điều kiện về bảo đảm an toàn, an ninh<br>a) Tuân thủ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và công chúng, bao đảm mức liều chiếu xạ trong điều kiện làm việc bình thường đối với nhân viên bức xạ, công chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; thiết lập khu vực kiểm soát và khu vực giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; có nội quy an toàn bức xạ phù hợp với công việc bức xạ, bao gồm các quy định về tuân thủ quy trình làm việc và chỉ dẫn an toàn, sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân, thiết bị ghi đo bức xạ và liều kế cá nhân, trách nhiệm thông báo khi có hiện tượng bất thường có | | Đã công khai |
| 299 | 1.014657 | Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp. | 2607/QĐ-BKHCN | 29/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Khai báo nguồn phóng xạ, chất thải phóng xạ, vật liệu hạt nhân nguồn, vật liệu hạt nhân, thiết bị hạt nhân, thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp. | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 300 | 1.014660 | Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Thanh lý nguồn phóng xạ đã qua sử dụng | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 301 | 1.014661 | Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 302 | 1.014665 | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải có ít nhất 02 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tương ứng với loại hình đề nghị cấp Giấy đăng ký.<br>2. Đáp ứng các điều kiện về bảo đảm an toàn, an ninh:<br>a) Tuân thủ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và công chúng, bảo đảm mức liều chiếu xạ trong điều kiện làm việc bình thường đối với nhân viên bức xạ, công chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; thiết lập khu vực kiểm soát và khu vực giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; có nội quy an toàn bức xạ phù hợp với công việc bức xạ, bao gồm: các quy định về tuân thủ quy trình làm việc và chỉ dẫn an toàn, sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân, thiết bị ghi đo bức xạ cá nhân và thiết bị chống chiếu | | Đã công khai |
| 303 | 1.014667 | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ; | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ; | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải có ít nhất 02 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tương ứng với loại hình đề nghị cấp Giấy đăng ký.<br>2. Có thiết bị xác định đồng vị phóng xạ.<br>3. Trường hợp đánh giá hoạt độ trong mẫu phân tích: có mẫu chuẩn, hệ thống xử lý mẫu, thiết bị phân tích mẫu có thông tin đặc tính kỹ thuật phù hợp với đồng vị phóng xạ cần đánh giá.<br>4. Có thiết bị đo suất liều bức xạ phù hợp với tính chất vật lý của bức xạ dự kiến thực hiện dịch vụ. Thiết bị đo suất liều bức xạ phải có Giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn hiệu lực ít nhất 30 ngày kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận.<br>5. Có liều kế cá nhân và trang thiết bị bảo hộ chống chiếu xạ ngoài cho nhân viên thực hiện dịch vụ. Trường hợp hoạt động dịch vụ có tiếp xúc với nguồn phóng xạ hở phải có trang thiết bị bảo hộ chống chiếu | | Đã công khai |
| 304 | 1.014666 | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ phóng xạ; | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Đánh giá hoạt độ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải có ít nhất 02 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tương ứng với loại hình đề nghị cấp Giấy đăng ký.<br>2. Có thiết bị xác định đồng vị phóng xạ.<br>3. Trường hợp đánh giá hoạt độ trong mẫu phân tích: có mẫu chuẩn, hệ thống xử lý mẫu, thiết bị phân tích mẫu có thông tin đặc tính kỹ thuật phù hợp với đồng vị phóng xạ cần đánh giá.<br>4. Có thiết bị đo suất liều bức xạ phù hợp với tính chất vật lý của bức xạ dự kiến thực hiện dịch vụ. Thiết bị đo suất liều bức xạ phải có Giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn hiệu lực ít nhất 30 ngày kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận.<br>5. Có liều kế cá nhân và trang thiết bị bảo hộ chống chiếu xạ ngoài cho nhân viên thực hiện dịch vụ. Trường hợp hoạt động dịch vụ có tiếp xúc với nguồn phóng xạ hở phải có trang thiết bị bảo hộ chống chiếu | | Đã công khai |
| 305 | 1.014673 | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Thử nghiệm thiết bị bức xạ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải có ít nhất 02 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tương ứng với loại hình đề nghị cấp Giấy đăng ký.<br>2. Có phòng thử nghiệm thiết bị bức xạ đáp ứng các yêu cầu sau:<br>- Thiết kế che chắn bảo đảm an toàn bức xạ cho nhân viên bức xạ và công chúng;<br>- Không tiến hành thử nghiệm đồng thời với hoạt động khác.<br>3. Bảo đảm điều kiện về an toàn, an ninh như sau:<br>- Tuân thủ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và công chúng, bảo đảm mức liều chiếu xạ trong điều kiện làm việc bình thường đối với nhân viên bức xạ, công chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP ; thiết lập khu vực kiểm soát và khu vực giám sát | | Đã công khai |
| 306 | 1.014671 | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ. | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - Tẩy xạ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Tổ chức đề nghị cấp Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải có ít nhất 02 nhân viên có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử tương ứng với loại hình đề nghị cấp Giấy đăng ký.<br>2. Có thiết bị đo suất liều bức xạ phù hợp với tính chất vật lý của bức xạ dự kiến thực hiện dịch vụ kiểm xạ. Thiết bị đo suất liều bức xạ phải có Giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn hiệu lực ít nhất 30 ngày kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận.<br>3. Trường hợp có đo mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt và không khí: có thiết bị đo nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt và không khí; thiết bị này phải có Giấy chứng nhận hiệu chuẩn còn hiệu lực ít nhất 30 ngày kể từ ngày hồ sơ được tiếp nhận.<br>4. Có liều kế cá nhân và trang thiết bị bảo hộ chống chiếu xạ ngoài cho nhân viên thực hiện dịch vụ. Trường hợp hoạt động dịch vụ có tiếp xúc với nguồn phóng xạ hở phải có trang thiết bị bảo hộ chống chiếu | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 307 | 1.014676 | Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 308 | 1.014679 | Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp). | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp). | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 309 | 1.014677 | Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 310 | 1.014678 | Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp)) | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp)) | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ phải được đào tạo về an toàn bức xạ tương ứng với loại hình công việc được đảm nhiệm.<br>- Nhân viên bức xạ đảm nhiệm vị trí người phụ trách an toàn bức xạ tại cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT) phải có trình độ từ cao đẳng trở lên hoặc một trong các loại chứng chỉ, chứng nhận liên quan đến kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh, sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT). | | Đã công khai |
| 311 | 1.014878 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận | 2479/QĐ-BKHCN | 18/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 312 | 1.014876 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận | 2479/QĐ-BKHCN | 18/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.<br>- Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chuyên ngành, đặc thù và các hướng dẫn liên quan.<br>- Có ít nhất 06 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau:<br>+ Có trình độ tốt nghiệp đại học trở lên và chuyên môn phù hợp đối với lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận; | | Đã công khai |
| 313 | 1.014877 | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận | 2479/QĐ-BKHCN | 18/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động xác nhận giá trị sử dụng/kiểm tra xác nhận.<br>- Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17029 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận chuyên ngành, đặc thù và các hướng dẫn liên quan.<br>- Có ít nhất 02 chuyên gia chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) tương ứng với mỗi lĩnh vực xác nhận giá trị sử dụng, kiểm tra xác nhận đăng ký bổ sung, đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3, Điều 54, Nghị định số 23/2026/NĐ-CP | | Đã công khai |
| 314 | 2.001856 | Công bố, công bố lại chất lượng dịch vụ viễn thông đối với các dịch vụ thuộc "Danh mục dịch vụ viễn thông bắt buộc quản lý chất lượng" | 2629/QĐ-BKHCN | 31/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 315 | 2.002546 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 316 | 2.002776 | Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 317 | 2.002783 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bắt kỳ thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 318 | 2.002779 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 319 | 2.002780 | Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 320 | 2.002778 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 321 | 2.002781 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 322 | 2.002782 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 323 | 2.002775 | Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 324 | 2.002777 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi tổ chức, cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 325 | 2.002785 | Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 326 | 2.002786 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 327 | 2.002788 | Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc cấp giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh bất kỳ thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 328 | 2.002784 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế) | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 329 | 2.002789 | Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 330 | 2.002787 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện). | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 331 | 2.002790 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ | 2776/QĐ-BKHCN | 13/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tần số vô tuyến điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).<br>(Việc sửa đổi, bổ sung nội dung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã cấp giấy phép thực hiện) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 332 | 1.000049 | Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II | 1931/QĐ-BNNMT | 26/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II gửi 01 bộ hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cá nhân tham gia sát hạch. | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | a) Về cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II<br>Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II được cấp cho cá nhân có trình độ từ đại học trở lên, có thời gian ít nhất là 02 năm liên tục tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ; cá nhân có trình độ trung cấp hoặc cao đẳng, có ít nhất là 03 năm liên tục tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.<br>- Có trình độ chuyên môn được đào tạo, thời gian và kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.<br>- Đã qua sát hạch kinh nghiệm nghề nghiệp và kiến thức pháp luật liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.<br>b) Về cấp lại chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II<br>Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ | | Đã công khai |
| 333 | 1.000058 | Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) | 1637/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | | | Đã công khai |
| 334 | 1.000969 | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh) | 2084/QĐ-BNNMT | 02/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 335 | 1.001686 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh | | | | - Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;<br>- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;<br>- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm.<br>- Đối với cơ sở buôn bán vắc-xin, chế phẩm sinh học phải có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 336 | 1.002992 | Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị sai sót; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký) | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | Không | | Đã công khai |
| 337 | 1.002549 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật Thú y; pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm.<br>- Nhà xưởng:<br>+ Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây ô nhiễm từ bên ngoài;<br>+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;<br>+ Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải.<br>- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu, thuốc | | Đã công khai |
| 338 | 1.002571 | Đăng ký, Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | | Đã công khai |
| 339 | 1.002409 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;<br>- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;<br>- Có kho đủ điều kiện để bảo quản thuốc;<br>- Có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu thuốc thú y theo quy định;<br>- Có hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập đối với từng loại thuốc;<br>- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm;<br>- Đối với cơ sở buôn bán vắc-xin, chế phẩm sinh học phải có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;<br>- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất và bảo đảm các điều kiện sau đây: | | Đã công khai |
| 340 | 1.003058 | Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 341 | 1.003111 | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 342 | 1.003082 | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025: 2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025: 2005 | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 343 | 1.003026 | Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật Thú y; pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm.<br>- Nhà xưởng:<br>+ Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây ô nhiễm từ bên ngoài;<br>+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;<br>+ Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải.<br>- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu, thuốc | | Đã công khai |
| 344 | 1.003814 | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 345 | 1.003870 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 346 | 1.003880 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 347 | 1.004385 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 348 | 1.004363 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật | 1883/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 63 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:<br>a) Người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật phải có trình độ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, hóa học, sinh học, nông học hoặc có Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật;<br>b) Địa điểm cửa hàng buôn bán thuốc bảo vệ thực vật tách biệt với khu vực dịch vụ ăn uống, trường học, bệnh viện;<br>c) Kho chứa thuốc bảo vệ thực vật<br>Đối với cơ sở bán buôn, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.<br>Đối với cơ sở bán lẻ, khu vực chứa thuốc bảo vệ thực vật phải có kệ kê hàng cao tối thiểu 10 cm so với mặt sàn, cách tường tối thiểu 20 cm | | Đã công khai |
| 349 | 1.004427 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 350 | 1.004683 | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản | 2085/QĐ-BNNMT | 02/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | Đã công khai |
| 351 | 1.004756 | Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y đối với hành nghề thú y cho động vật trên cạn hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y cho động vật thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật tối thiểu phải được tập huấn về kỹ thuật tiêm phòng.<br>- Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng Đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thuỷ sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thuỷ sản.<br>- Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thuỷ sản, bệnh học thủy sản đối với hành | | Đã công khai |
| 352 | 1.004794 | Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 353 | 1.004819 | Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Kiểm lâm, Chi Cục Thủy Sản | Chi cục Kiểm lâm, Chi Cục Thủy Sản | | | | | Đã công khai |
| 354 | 1.004921 | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) | 3331/QĐ-BNNMT | 20/08/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 355 | 1.004923 | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên) | 3331/QĐ-BNNMT | 20/08/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 356 | 1.004943 | Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản | 2085/QĐ-BNNMT | 02/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | Đã công khai |
| 357 | 1.005400 | Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh) | 2084/QĐ-BNNMT | 02/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 358 | 1.007928 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón | 1674/QĐ-BNNMT | 08/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Điều kiện cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bao gồm:<br>- Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất: Khu sản xuất có tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng.<br>- Có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón: Dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón phải phù hợp với quy trình sản xuất từng loại phân bón, dạng phân bón quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.<br>- Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt;<br>- Người trực tiếp điều hành sản xuất phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học. | | Đã công khai |
| 359 | 1.008122 | Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 360 | 1.008126 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu) | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức, cá nhân sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>a) Địa điểm cơ sở sản xuất không nằm trong khu vực bị ô nhiễm bởi chất thải nguy hại, hóa chất độc hại;<br>b) Thiết kế khu sản xuất, bố trí thiết bị theo quy tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, bảo đảm tách biệt giữa các khu sản xuất để tránh nhiễm chéo;<br>c) Có dây chuyền, trang thiết bị phù hợp để sản xuất thức ăn chăn nuôi: Dây chuyền sản xuất, trang thiết bị tiếp xúc với thức ăn chăn nuôi phải được làm bằng vật liệu dễ vệ sinh, không gây nhiễm chéo, không thôi nhiễm chất độc hại từ thiết bị sang thức ăn chăn nuôi; khu vực chứa thức ăn chăn nuôi bảo đảm thông thoáng, có đủ ánh sáng để quan sát bằng mắt thường, có giải pháp chống ẩm để không làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm; cơ sở sản | | Đã công khai |
| 361 | 1.008128 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 362 | 1.008672 | Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 363 | 1.011470 | Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng, Sở Nông nghiệp và Môi trường | Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng | | | | | Đã công khai |
| 364 | 1.011030 | Công nhận kết quả khảo nghiệm sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | Đã công khai |
| 365 | 1.011031 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 366 | 1.010733 | Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733) | 1822/QĐ-BNNMT | 20/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Môi trường | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh) (1.010733) | Bước 1: Nộp hồ sơ:<br>- Tổ chức/cá nhân lựa chọn nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua một trong các hình thức sau:<br>+ Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;<br>+ Thông qua dịch vụ bưu chính công ích; qua dịch vụ bưu chính chuyển phát của tổ chức, cá nhân hoặc qua ủy quyền thực hiện thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;<br>+ Trực tuyến (nếu | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 367 | 1.011033 | Cấp giấy phép nhập khẩu sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi có chứa chất mới để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm, làm mẫu phân tích tại phòng thử nghiệm hoặc sản xuất, gia công nhằm mục đích xuất khẩu | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | | | Đã công khai |
| 368 | 1.011475 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận) | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | - Vị trí địa lý đáp ứng các quy định của pháp luật về thú y, chăn nuôi hoặc thủy sản; tách biệt với cơ sở khác có chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cùng loài động vật cảm nhiễm; tách biệt với các nguồn có khả năng lây nhiễm bệnh đăng ký công nhận an toàn;<br>- Khu vực xử lý xác động vật, chất thải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thú y; khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phải ngăn cách với các khu vực khác của cơ sở; các khu vực có nguy cơ nhiễm chéo phải có biện cảnh báo và bố trí tách biệt với nhau, bao gồm: Kho để vật tư nông nghiệp; khu nuôi cách ly động vật; khu vực mổ khám; khu xử lý xác động vật; khu vệ sinh, khử trùng tiêu độc dụng cụ dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;<br>- Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu nguy cơ mang tác nhân gây bệnh theo quy định hiện hành; | | Đã công khai |
| 369 | 1.011478 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận) | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | - Vùng chăn nuôi do Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản xác định và đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật quyết định và chỉ đạo tổ chức xây dựng;<br>- Hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trong vùng phải bảo đảm có đủ nguồn lực để kiểm soát được dịch bệnh theo quy định của pháp luật về thú y;<br>- Có biện pháp kiểm soát đối với động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trước khi vào vùng an toàn dịch bệnh động vật nhằm giảm thiểu nguy cơ tác nhân gây bệnh xâm nhiễm, lây lan trong vùng;<br>- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp an toàn sinh học và ứng phó dịch bệnh theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; | | Đã công khai |
| 370 | 1.011647 | Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao | 1738/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khoa học và Công nghệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 371 | 1.012062 | Cấp giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 1674/QĐ-BNNMT | 08/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | - Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>- Thường trú tại Việt Nam;<br>- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành: trồng trọt, bảo vệ thực vật, sinh học, lâm sinh, luật;<br>- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về quyền đối với giống cây trồng từ 05 năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng được cơ quan có thẩm quyền công nhận. | | Đã công khai |
| 372 | 1.012064 | Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 1674/QĐ-BNNMT | 08/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 373 | 1.012063 | Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 1674/QĐ-BNNMT | 08/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | - Là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài hành nghề tại Việt Nam;<br>- Có ít nhất một cá nhân có Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 374 | 1.012070 | Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc | 1674/QĐ-BNNMT | 08/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 375 | 1.012413 | Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | có | | Đã công khai |
| 376 | 1.012766 | Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |
| 377 | 1.013644 | Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh | 1827/QĐ-BNNMT | 20/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quy định | | Đã công khai |
| 378 | 1.014022 | Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên | 04/QĐ-BNNMT | 05/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Giám đốc Sở và cấp tương đương | | | | | Đã công khai |
| 379 | 1.014133 | Cấp tín chỉ các-bon theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước | 1603/QĐ-BNNMT | 05/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biến đổi khí hậu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án giao thực hiện. | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị cấp tín chỉ các-bon gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. | | Đã công khai |
| 380 | 1.014129 | Đăng ký tài khoản trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon | 1603/QĐ-BNNMT | 05/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biến đổi khí hậu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện. | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức Việt Nam tham gia chương trình, dự án thuộc các cơ chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20a Nghị định số 06/2022/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP và Nghị định số 83/2026/NĐ-CP gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. | | Đã công khai |
| 381 | 1.014132 | Hủy đăng ký dự án | 1603/QĐ-BNNMT | 05/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biến đổi khí hậu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của một trong các khu vực thực hiện dự án giao thực hiện. | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký có đề nghị hủy đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. | | Đã công khai |
| 382 | 1.014136 | Đăng ký/Điều chỉnh dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước | 1603/QĐ-BNNMT | 05/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biến đổi khí hậu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện. | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Cơ quan, tổ chức có đề nghị đăng ký dự án hoặc có nhu cầu điều chỉnh quy mô, công suất của dự án đã được đăng ký dự án theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. | | Đã công khai |
| 383 | 1.014131 | Thay đổi thành phần tham gia dự án | 1603/QĐ-BNNMT | 05/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biến đổi khí hậu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện. | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Cơ quan, tổ chức Việt Nam, nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam là chủ đầu tư dự án đã được đăng ký theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước có đề nghị thay đổi về thành phần tham gia dự án gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. | | Đã công khai |
| 384 | 1.014264 | Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | * Trường hợp thay đổi tên tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản: Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 15 ngày.<br>* Trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản: Tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản, giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày. | | Đã công khai |
| 385 | 1.014268 | Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp giấy phép còn thời hạn nhưng tổ chức, cá nhân không thể triển khai thăm dò hoặc không thể tiếp tục thực hiện thăm dò. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 386 | 1.014262 | Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | - Việc cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản được thực hiện trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 của Luật Địa chất và khoáng sản, cụ thể: Trường hợp hết thời hạn thăm dò theo quy định tại điểm a khoản này, tổ chức, cá nhân chưa hoàn thành thi công khối lượng công việc theo đề án thăm dò khoáng sản vì sự kiện bất khả kháng, giấy phép thăm dò khoáng sản được xem xét cấp lại theo quy định của Luật này nhưng không quá 48 tháng và có thể được gia hạn không quá 02 lần với tổng thời gian gia hạn không quá 24 tháng.<br>- Nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (bao gồm cả thời gian gia hạn) cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tại thời điểm giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày. Trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 45 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất [illegible] | | Đã công khai |
| 387 | 1.014271 | Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản được xem xét cho phép chuyển nhượng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép thăm dò khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản khi đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.<br>- Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 06 tháng, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được hồ sơ đề nghị chuyển nhượng.<br>- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng là:<br>+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;<br>+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;<br>+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam;<br>+ Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đủ | | Đã công khai |
| 388 | 1.014274 | Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây:<br>- Đã khai thác hết toàn bộ trữ lượng khoáng sản trong phạm vi diện tích, ranh giới theo chiều sâu khu vực khai thác khoáng sản;<br>- Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b, d, e, g và h khoản 2 Điều 66 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Giấy phép bị thu hồi; Giấy phép đã hết thời hạn khai thác nhưng không đủ điều kiện để gia hạn, cấp lại; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hợp tác xã; Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản bị cơ quan quản lý nhà nước | | Đã công khai |
| 389 | 1.014273 | Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trong trường hợp tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không đủ điều kiện kinh doanh thăm dò khoáng sản thì phải hợp đồng với tổ chức, cá nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 38 của Luật Địa chất và khoáng sản (bao gồm: Được thành lập theo quy định của pháp luật; có nhân sự phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học hoặc tương đương thuộc ngành về địa chất, có kinh nghiệm công tác trong thăm dò khoáng sản; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản; có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất và chuyên ngành khác có liên quan; có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản) và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định các Điều 27, Điều 28 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số [illegible] | | Đã công khai |
| 390 | 1.014263 | Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 45 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 45 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản;<br>- Tổ chức, cá nhân phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản tại thời điểm gia hạn; trường hợp phải tiếp tục gia hạn lần 2 thì phải thực hiện được ít nhất 50% dự toán còn lại kể từ lần gia hạn trước. | | Đã công khai |
| 391 | 1.014277 | Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 392 | 1.014276 | Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Các trường hợp điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt:<br>- Thay đổi tên tổ chức, cá nhân thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;<br>- Điều chỉnh thời gian thực hiện công tác đóng cửa mỏ khoáng sản;<br>- Điều chỉnh khối lượng các hạng mục công việc trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. | | Đã công khai |
| 393 | 1.014278 | Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức, cá nhân phải hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 394 | 1.014292 | Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản được thực hiện trong trường hợp phương pháp, công nghệ thăm dò hoặc phương pháp, công nghệ khai thác không ảnh hưởng xấu đến đối tượng cần bảo vệ trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. | | Đã công khai |
| 395 | 1.014291 | Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức, cá nhân được xem xét, chấp thuận bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn khi đã thực hiện đầy đủ khối lượng công tác thăm dò theo đề án thăm dò mà giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn nhưng phải bổ sung khối lượng công tác thăm dò theo yêu cầu của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền. | | Đã công khai |
| 396 | 1.014294 | Chấp thuận nội dung đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc thực hiện dự án đầu tư tại khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 397 | 1.014630 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học | 04/QĐ-BNNMT | 05/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 398 | 1.014743 | Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | Cơ sở khảo nghiệm thức ăn chăn nuôi phải đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật đáp ứng yêu cầu khảo nghiệm từng loại thức ăn chăn nuôi.<br>- Người phụ trách kỹ thuật có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học, công nghệ thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch. (Khoản 3 Điều 37 Luật Chăn nuôi) | | Đã công khai |
| 399 | 1.014741 | Công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | Đã công khai |
| 400 | 1.014779 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;<br>- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;<br>- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm.<br>- Đối với cơ sở buôn bán vắc-xin, chế phẩm sinh học phải có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm. | | Đã công khai |
| 401 | 1.014777 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật Thú y; pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm.<br>- Nhà xưởng:<br>+ Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây ô nhiễm từ bên ngoài;<br>+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;<br>+ Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải.<br>- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu, thuốc | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 402 | 1.014778 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y | 1649/QĐ-BNNMT | 06/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;<br>- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;<br>- Có kho đủ điều kiện để bảo quản thuốc;<br>- Có Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu thuốc thú y theo quy định;<br>- Có hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập đối với từng loại thuốc;<br>- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm;<br>- Đối với cơ sở buôn bán vắc-xin, chế phẩm sinh học phải có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc-xin bao đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;<br>- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất và bảo đảm các điều kiện sau đây: | | Đã công khai |
| 403 | 1.014787 | Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1583/QĐ-BNNMT | 04/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 404 | 1.014789 | Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1877/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trường hợp thăm dò vượt quá mức sâu đã xác định trong đề án thăm dò mà có khả năng ảnh hưởng đến các công trình khác dưới sâu trong cùng phạm vi diện tích khu vực thăm dò, tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò phải báo cáo cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền để xem xét, chấp thuận phải bổ sung khối lượng, hạng mục công việc thi công (thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản) trong các trường hợp sau:<br>- Bổ sung số lượng mẫu công nghệ hoặc moong khai thác thử;<br>- Điều chỉnh phương pháp thăm dò; giảm khối lượng công tác thăm dò dẫn đến giảm hơn 10% tổng dự toán của đề án thăm dò;<br>- Bổ sung phương pháp, khối lượng các hạng mục công việc thăm dò để đánh giá chất lượng, trữ lượng, tài nguyên khoáng sản khác mới phát hiện trong quá trình thăm dò. | | Đã công khai |
| 405 | 1.014834 | Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường) | 1763/QĐ-BNNNMT | 15/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch UBND cấp tỉnh giao thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | Đã công khai |
| 406 | 2.001062 | Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu | 2519/QĐ-BNNMT | 30/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 407 | 2.001254 | Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 408 | 2.001401 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 409 | 2.001426 | Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lắp bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 410 | 2.001515 | Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 411 | 2.001576 | Công nhận tiến bộ kỹ thuật | 1869/QĐ-BNNMT | 22/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khoa học và Công nghệ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cục Thủy sản và Kiểm ngư - Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - Bộ NN và MT, Cục Chăn nuôi và Thú y - Bộ NN và MT, Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm - Bộ NN và MT, Cục Quản lý và Xây dựng công trình thuỷ lợi - Bộ NN và MT, Cục Quản lý Đê điều và Phòng, Chống thiên tai - Bộ NN và MT, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn - Bộ NN và MT, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường - Bộ NN và MT | | | | - Tiêu chí đối với tiến bộ kỹ thuật công nhận lần đầu:<br>+ Có tính mới, tính sáng tạo, tính ổn định và khả năng cạnh tranh cao;<br>+ Đảm bảo chất lượng, giảm thiểu tác động đến môi trường, có triển vọng mở rộng sản xuất.<br>- Tiêu chí đối với tiến bộ kỹ thuật tương tự tiến bộ kỹ thuật đã được công nhận phải đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và có hiệu quả kinh tế cao hơn ít nhất 10% so với tiến bộ kỹ thuật tương tự đã được công nhận. | | Đã công khai |
| 412 | 2.001558 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | | Đã công khai |
| 413 | 2.001604 | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | Đã công khai |
| 414 | 2.001730 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 415 | 2.001524 | Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | | Đã công khai |
| 416 | 2.001694 | Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 417 | 2.001791 | Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 418 | 2.001795 | Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 419 | 2.001793 | Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 420 | 2.001827 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản | 1908/QĐ-BNNMT | 25/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 421 | 2.001796 | Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 1750/QĐ-BNNMT | 14/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 422 | 2.001872 | Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y phải thực hiện theo quy định tại Điều 90 của Luật Thú y; pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; pháp luật về bảo vệ môi trường; pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động và đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>- Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm.<br>- Nhà xưởng:<br>+ Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây ô nhiễm từ bên ngoài;<br>+ Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường, trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;<br>+ Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải.<br>- Khu nhà nguyên liệu, sản xuất, thuốc | | Đã công khai |
| 423 | 2.002338 | Chứng nhận chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch | 1674/QĐ-BNNMT | 08/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | - Gạo thơm được sản xuất từ giống lúa thơm có chất lượng hạt gióng phù hợp theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia; có thông tin rõ ràng về diện tích, địa điểm trồng (tỉ/thôn, phường/xã, quận/huyện/thị xã, tỉnh/thành phố).<br>- Lô ruộng lúa thơm được kiểm tra đảm bảo độ thuần giống (% số cây) không nhỏ hơn 95%. | | Đã công khai |
| 424 | 2.002339 | Chứng nhận lại chủng loại gạo thơm xuất khẩu được hưởng miễn thuế nhập khẩu theo hạn ngạch | 1674/QĐ-BNNMT | 08/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 425 | 2.002819 | Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thuỷ sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA) | 3331/QĐ-BNNMT | 20/08/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Chi cục Thủy sản | | | | | | Đã công khai |
| 426 | 3.000125 | Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học triển lãm, quảng cáo | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | Loại khác | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | Đã công khai |
| 427 | 3.000159 | Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | Loại khác | | | Chi cục Kiểm lâm | Chi cục Kiểm lâm | | | | | Đã công khai |
| 428 | 3.000436 | Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh | 2084/QĐ-BNNMT | 02/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | Loại khác | | UBND cấp tỉnh | Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 429 | 3.000198 | Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | Loại khác | | | Chi cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 430 | 3.000496 | Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES | 04/QĐ-BNNMT | 05/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | Loại khác | | | Chi cục Kiểm lâm, Chi Cục Thủy Sản | Chi cục Kiểm lâm, Chi Cục Thủy Sản | | | | | Đã công khai |
| 431 | 1.000414 | Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động | 641/QĐ-BNV | 09/06/2026 | Bộ Nội vụ | Lao động, tiền lương | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Doanh nghiệp cho thuê lại lao động rút tiền ký quỹ khi doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:<br>- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ nguồn tài chính để thanh toán đủ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các chế độ khác đối với người lao động thuê lại theo thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, nội quy, quy chế của doanh nghiệp cho thuê lại lao động sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày đến thời hạn thanh toán theo quy định của pháp luật;<br>- Doanh nghiệp cho thuê lại lao động gặp khó khăn, không đủ khả năng bồi thường cho người lao động thuê lại do vi phạm hợp đồng lao động đối với người lao động thuê lại hoặc gây thiệt hại cho người lao động thuê lại vì không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động thuê lại sau thời hạn 60 ngày kể từ ngày đến | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 432 | 1.010772 | Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Người đã hy sinh vì sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế hoặc vì lợi ích của Nhà nước, của Nhân dân thì được cơ quan có thẩm quyền xem xét công nhận là liệt sĩ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:<br>1.Trực tiếp phục vụ chiến đấu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định là thực hiện các nhiệm vụ trong lúc trận đánh đang diễn ra hoặc trong khi địch đang bắn phá: cứu thương, tải thương, tải đạn, đảm bảo thông tin liên lạc, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu.<br>2.Địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh được xác định theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.<br>3.Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện | | Đã công khai |
| 433 | 1.010775 | Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006 | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Nội vụ, Thủ tướng Chính phủ, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận. | | Đã công khai |
| 434 | 1.010778 | Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công" | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Nội vụ, Thủ tướng Chính phủ, Sở Nội vụ | | | | Cấp lại Bằng "Tổ quốc ghi công" trong các trường hợp: bị mất; bị thiếu thông tin do mờ chữ hoặc bị hư hại, | | Đã công khai |
| 435 | 1.010788 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Tổng cục Chính trị, Sở Nội vụ, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ | | | | Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945<br>- Người hoạt động cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh là người được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:<br>+ Đã tham gia một tổ chức cách mạng hoặc đã thực sự hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.<br>+ Được kết nạp hoặc được kết nạp lại vào Đảng Cộng sản Đông Dương trước ngày 19 tháng Tám năm 1945.<br>Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945<br>- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh. | | Đã công khai |
| 436 | 1.010777 | Cấp đổi Bằng "Tổ quốc ghi công" | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Nội vụ, Thủ tướng Chính phủ, Sở Nội vụ | | | | - Người hy sinh đã được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bằng "Tổ quốc ghi ơn" của Bộ trưởng Bộ Thương binh - Cựu binh chưa được đổi thành Bằng "Tổ quốc ghi công" do Thủ tướng Chính phủ cấp.<br>- Thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước. | | Đã công khai |
| 437 | 1.010781 | Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | -Người tham gia cách mạng hy sinh, mất tích thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh và các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh trong các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào và Campuchia, truy quét Ful rô, tham gia chiến tranh biên giới phía Bắc, chiến tranh biên giới Tây Nam đến nay chưa được công nhận là liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh. Thời gian cụ thể của các cuộc chiến tranh được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.<br>-Không áp dụng xem xét công nhận đối với những trường hợp sau:<br>+ Chết từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước, đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận không đủ điều kiện công nhận liệt sĩ hoặc đã hưởng chế độ từ trần, tai nạn lao động.<br>+ Đối với trường hợp hy sinh có cơ sở, | | Đã công khai |
| 438 | 1.010783 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Người có công, Sở Nội Vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 439 | 1.010803 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Người được ủy quyền thờ cúng liệt sĩ hoặc cơ quan, đơn vị được giao thờ cúng liệt sĩ được xác định theo quy định khoản 6 Điều 28 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 440 | 1.010802 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 441 | 1.010805 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 442 | 1.010804 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng" | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 443 | 1.010807 | Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, Sở Nội vụ | | | | Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với trường hợp còn sót vết thương, còn sót mảnh kim khí hoặc có tỷ lệ tổn thương cơ thể tạm thời hoặc khám giám định bổ sung vết thương và điều chỉnh chế độ đối với trường hợp không tại ngũ, công tác trong quân đội, công an. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 444 | 1.010806 | Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | k1. Trực tiếp phục vụ chiến đấu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định là thực hiện các nhiệm vụ trong lúc trận đánh đang diễn ra hoặc trong khi địch đang bắn phá: cứu thương, tải thương, tải đạn, đảm bảo thông tin liên lạc, bảo vệ hàng hóa và các trường hợp đảm bảo chiến đấu.<br>k2. Địa bàn địch chiếm đóng, địa bàn có chiến sự, địa bàn tiếp giáp vùng địch chiếm đóng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.<br>k3. Trực tiếp làm nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập hoặc làm nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có tính chất nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh được xác định như sau:<br>- Nhiệm vụ huấn luyện chiến đấu, diễn tập có tính chất nguy hiểm trong các trường hợp sau: bắn đạn thật, sử dụng thuốc nổ; | | Đã công khai |
| 445 | 1.010812 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 446 | 1.010808 | Giải quyết hưởng thêm một chế độ trợ cấp đối với thương binh đồng thời là bệnh binh | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Đủ điều kiện hưởng thêm chế độ trợ cấp. | | Đã công khai |
| 447 | 1.010814 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Không | | Đã công khai |
| 448 | 1.010811 | Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 449 | 1.010810 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân xã | | | | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP | | Đã công khai |
| 450 | 1.010816 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, Sở Nội vụ | | | | k1. Người đã công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 8 năm 1961 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 tại vùng mà quân đội Mỹ sử dụng chất độc hóa học được xác định như sau:<br>-Cán bộ, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng thuộc quân đội.<br>-Cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên thuộc công an.<br>-Cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.<br>-Thanh niên xung phong tập trung.<br>-Công an xã; dân quân; du kích; tự vệ; dân công; cán bộ thôn, ấp, xã, phường.<br>k2. Địa danh thuộc huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước quy định tại khoản 2 Điều 29 Pháp lệnh bao gồm các xã: Vĩnh Quang, Vĩnh Giang, Vĩnh Tân, Vĩnh Thành, Vĩnh | | Đã công khai |
| 451 | 1.010815 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng. | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Đối với người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945<br>- Người hoạt động cách mạng theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh là người được các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện, tiêu chuẩn sau:<br>+ Đã tham gia một tổ chức cách mạng hoặc đã thực sự hoạt động cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.<br>+ Được kết nạp hoặc được kết nạp lại vào Đảng Cộng sản Đông Dương trước ngày 19 tháng Tám năm 1945.<br>Đối với người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945<br>- Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền công nhận khi có một trong các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Pháp lệnh. | | Đã công khai |
| 452 | 1.010818 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Địa điểm bị tù, đày để xem xét công nhận người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày được quy định tại Danh mục nhà tù và những nơi được coi là nhà tù do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (nay là Bộ Nội vụ) ban hành. | | Đã công khai |
| 453 | 1.010817 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Hội đồng Giám định Y khoa tỉnh, Sở Nội vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 454 | 1.010820 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng. | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 455 | 1.010819 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 456 | 1.012927 | THỦ TỤC CÔNG NHẬN BAN VẬN ĐỘNG THÀNH LẬP HỘI (Cấp tỉnh). | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Trưởng ban vận động thành lập hội là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kinh nghiệm, có uy tín, am hiểu trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sống thường trú tại Việt Nam;<br>Thành viên ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức phải được sự đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.<br>Thành viên ban vận động thành lập hội là tổ chức, công dân Việt Nam tâm huyết, trách nhiệm, hoạt động trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động hoặc có liên quan đến lĩnh vực hội dự kiến hoạt động. Các thành viên ban vận động thành lập hội phải đảm bảo các điều kiện sau:<br>- Đối với tổ chức:<br>Được thành lập hợp pháp, có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; có đơn tham gia ban vận động thành lập hội; | | Đã công khai |
| 457 | 1.012942 | THỦ TỤC BÁO CÁO TỔ CHỨC ĐẠI HỘI THÀNH LẬP, ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ, ĐẠI HỘI BẤT THƯỜNG CỦA HỘI (CẤP TỈNH) | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Hội tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường sau khi có ý kiến bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | | Đã công khai |
| 458 | 1.012929 | THỦ TỤC THÀNH LẬP HỘI (CẤP TỈNH). | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép thành lập đối với hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh..<br>b) Điều kiện thành lập hội:<br>- Tên gọi của hội: Viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật; Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội; Không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó; Không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.<br>- Có mục đích hoạt động không trái với pháp luật, không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn hành chính; | | Đã công khai |
| 459 | 1.012943 | THỦ TỤC THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐẠI HỘI VÀ PHÊ DUYỆT ĐỔI TÊN HỘI, PHÊ DUYỆT ĐIỀU LỆ HỘI (CẤP TỈNH) | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Trường hợp hội đổi tên thì tên mới của hội phải đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP, không được gây nhầm lẫn và làm thay đổi lĩnh vực hoạt động chính của hội hoặc gây nhầm lẫn với lĩnh vực hoạt động của các hội đã được thành lập hợp pháp. Tên mới của hội và điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hội có hiệu lực kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt;<br>b) Dự thảo điều lệ (hoặc điều lệ sửa đổi, bổ sung) của hội phải được hoàn thiện phù hợp với quy định của pháp luật theo ý kiến của các cơ quan liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động. Trường hợp nội dung điều lệ hội trái với quy định của pháp luật thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ chối phê duyệt và yêu cầu, hướng dẫn hội hoàn thiện điều lệ hội đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật;<br>c) Điều lệ hội có hiệu lực kể từ ngày cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định phê duyệt. | | Đã công khai |
| 460 | 1.012945 | THỦ TỤC CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT HỘI (CẤP TỈNH). | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội, các hội mới phải tổ chức đại hội để thông qua các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 461 | 1.012946 | THỦ TỤC HỘI TỰ GIẢI THỂ (CẤP TỈNH). | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Hội thông báo thời hạn thanh toán nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật tại trụ sở của hội, văn phòng đại diện (nếu có) trong thời gian 30 ngày làm việc.<br>b) Hoàn thành thanh toán nợ và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của hội khi xin giải thể mà không có đơn khiếu nại. | | Đã công khai |
| 462 | 1.012947 | THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI ĐẶT CHI NHÁNH HOẶC VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN (CẤP TỈNH). | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác với nơi đặt trụ sở của hội. | | Đã công khai |
| 463 | 1.012948 | THỦ TỤC CHO PHÉP HỘI HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN (CẤP TỈNH) | 780/QĐ-BNV | 05/11/2024 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Hội đã khắc phục hậu quả các vi phạm đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận. | | Đã công khai |
| 464 | 1.013932 | Sử dụng tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của nhà nước. | 647/QĐ-BNV | 24/06/2025 | Bộ Nội vụ | Văn thư và Lưu trữ nhà nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh | | | | - Độc giả đến sử dụng tài liệu tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh phải xuất trình một trong các giấy tờ sau: thẻ căn cước, thẻ Căn cước công dân, Căn cước điện tử, hộ chiếu hoặc giấy tờ có dán ảnh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp; trường hợp sử dụng tài liệu để phục vụ công tác phải có giấy giới thiệu hoặc văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức nơi công tác.<br>- Độc giả sử dụng tài liệu lưu trữ trực tuyến phải khai báo thông tin để lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh cấp tài khoản độc giả, thông tin khai báo gồm: họ và tên, số định danh cá nhân/số thẻ Căn cước công dân hoặc số hộ chiếu, thư điện tử, cơ quan công tác, số điện thoại liên hệ, đối tượng ưu tiên (nếu có). | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 465 | 1.013748 | Khám giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với thương binh không công tác trong quân đội, công an, người hưởng chính sách như thương binh có vết thương đặc biệt tái phát và điều chỉnh chế độ. | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 466 | 1.014113 | Xét tuyển công chức | 958/QĐ-BNV | 14/08/2026 | Bộ Nội vụ | Công chức, viên chức | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng Trung ương Đảng, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các Ban Đảng Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương, Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, Cơ quan của Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán Nhà nước, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập (trong trường hợp được giao thẩm quyền quản lý công chức) | | | | a) Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức<br>Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Cán bộ, công chức. Cơ quan sử dụng công chức xác định các điều kiện theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển quy định tại điểm e khoản 1 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức, nhưng không thấp hơn các tiêu chuẩn chung, không được trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo và báo cáo bằng văn bản để cơ quan quản lý công chức xem xét, quyết định.<br>b) Các trường hợp thực hiện xét tuyển công chức<br>Việc tuyển dụng công chức thông qua hình thức xét tuyển do cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau:<br>- Người cam kết tình nguyện làm việc từ đủ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn | | Đã công khai |
| 467 | 1.014196 | Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 526/QĐ-BNV | 13/05/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | a) Người lao động nước ngoài thuộc một trong các trường hợp sau:<br>- Là Trưởng văn phòng đại diện, dự án hoặc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam.<br>- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để thực hiện chào bán dịch vụ.<br>- Vào Việt Nam với thời hạn dưới 03 tháng để xử lý sự cố, tình huống kỹ thuật, công nghệ phức tạp này sinh làm ảnh hưởng hoặc có nguy cơ ảnh hưởng tới sản xuất, kinh doanh mà các chuyên gia Việt Nam và các chuyên gia nước ngoài hiện đang ở Việt Nam không xử lý được.<br>- Là luật sư nước ngoài đã được cấp Giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam theo quy định của Luật Luật sư.<br>- Trường hợp theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.<br>- Người nước ngoài kết hôn với người Việt Nam và sinh sống trên lãnh thổ Việt | | Đã công khai |
| 468 | 1.014197 | Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 526/QĐ-BNV | 13/05/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | a) Các trường hợp cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động bao gồm:<br>(1) Giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động còn thời hạn bị mất hoặc bị hư hỏng không sử dụng được.<br>(2) Thay đổi một trong các nội dung sau: họ và tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa điểm làm việc, đổi tên người sử dụng lao động mà không thay đổi mã số định danh của người sử dụng lao động.<br>b) Hợp pháp hóa lãnh sự và chứng thực các giấy tờ:<br>(1) Các giấy tờ trong hồ sơ cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài nếu của nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 469 | 1.014199 | Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 526/QĐ-BNV | 13/05/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Hoặc cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp. | | | | | Hợp pháp hóa lãnh sự và chứng thực các giấy tờ:<br>(1) Các giấy tờ trong hồ sơ cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài nếu của nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.<br>(2) Giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp giấy tờ là bản sao phải được chứng thực với bản gốc trước khi dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 470 | 1.014200 | Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 526/QĐ-BNV | 13/05/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi người sử dụng lao động có trụ sở chính trong trường hợp người lao động nước ngoài làm việc cho một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Hoặc cơ quan có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp. | | | | | a) Các trường hợp cấp lại giấy phép lao động, bao gồm:<br>(1) Giấy phép lao động còn thời hạn bị mất hoặc bị hư hỏng không sử dụng được.<br>(2) Thay đổi một trong các nội dung ghi trong giấy phép lao động còn thời hạn: họ và tên; quốc tịch; số hộ chiếu; đổi tên người sử dụng lao động mà không thay đổi mã số định danh của người sử dụng lao động.<br>b) Hợp pháp hóa lãnh sự và chứng thực các giấy tờ:<br>(1) Các giấy tờ trong hồ sơ cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài nếu của nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.<br>(2) Giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 471 | 1.014198 | Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 526/QĐ-BNV | 13/05/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Hợp pháp hóa lãnh sự và chứng thực các giấy tờ:<br>(1) Các giấy tờ trong hồ sơ gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài nếu của nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.<br>(2) Giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp giấy tờ là bản sao phải được chứng thực với bản gốc trước khi dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 472 | 1.014201 | Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam | 526/QĐ-BNV | 13/05/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Hợp pháp hóa lãnh sự và chứng thực các giấy tờ:<br>(1) Các giấy tờ trong hồ sơ cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài nếu của nước ngoài phải hợp pháp hóa lãnh sự trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại hoặc theo quy định của pháp luật.<br>(2) Giấy tờ đã được hợp pháp hóa lãnh sự phải được dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp giấy tờ là bản sao phải được chứng thực với bản gốc trước khi dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 473 | 2.001955 | Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp | 321/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Lao động, tiền lương | Cấp tỉnh, Cấp xã | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn về nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (nếu được cơ quan chuyên môn về nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền) | | | | Các quy định của nội quy lao động không trái với pháp luật lao động và quy định của pháp luật có liên quan. Nội dung chủ yếu của nội quy lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 118 Bộ luật Lao động (được hướng dẫn tại Điều 69 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020). | | Đã công khai |
| 474 | 2.002820 | Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | 1561/QĐ-BNV | 31/12/2025 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, Ủy ban nhân dân cấp xã | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | Người lao động thuộc một trong các trường hợp sau đây:<br>- Người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng;<br>- Người dân tộc thiểu số;<br>- Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo;<br>- Người có đất thu hồi thuộc đối tượng được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định của pháp luật về đất đai;<br>- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;<br>- Thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;<br>- Trí thức trẻ tình nguyện sau khi hoàn thành nhiệm vụ công tác tại khu kinh tế - quốc phòng. | | Đã công khai |
| 475 | 1.014692 | Thủ tục chấp thuận điều kiện nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái và phương tiện bay khác; động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái và phương tiện bay khác | 2506/QĐ-BQP | 15/05/2026 | Bộ Quốc phòng | Quản lý vùng trời | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 476 | 1.005169 | Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 477 | 1.009642 | Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Dự án thuộc một trong các trường hợp:<br>+ Đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 02 lần mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc có nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án sau khi tổ chức đấu giá 02 lần mà không có người tham gia theo quy định của Luật Đất đai;<br>+ Đã thực hiện thủ tục mời quan tâm nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng điều kiện mời quan tâm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.<br>- Đáp ứng các yêu cầu:<br>+ Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 478 | 1.009646 | Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | (1) Đối với trường hợp 1:<br>- Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>- Nội dung điều chỉnh thuộc một trong các trường hợp: Thay đổi nội dung, mục tiêu thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đã được quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng trên 10% hoặc trên 30 ha trong trường hợp dự án có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; Thay đổi địa điểm đầu tư mới khác với địa điểm đầu tư đã được phê duyệt tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, trừ trường hợp thay đổi thông tin về địa điểm đầu tư do cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp hoặc trường hợp thay đổi diện tích sử dụng đất nhưng vẫn ở địa điểm đã được phê duyệt; Kéo dài tiến độ thực hiện dự án đầu tư trong | | Đã công khai |
| 479 | 1.009644 | Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Dự án thuộc một trong các trường hợp:<br>+ Đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 02 lần mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc có nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án sau khi tổ chức đấu giá 02 lần mà không có người tham gia theo quy định của Luật Đất đai;<br>+ Đã thực hiện thủ tục mời quan tâm nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.<br>- Đáp ứng các yêu cầu:<br>+ Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất | | Đã công khai |
| 480 | 1.009647 | Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | (1) Đối với trường hợp 1:<br>- Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.<br>- Nội dung điều chỉnh liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.<br>(2) Đối với trường hợp 2:<br>- Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.<br>- Nội dung điều chỉnh không bao gồm các nội dung liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP hoặc nhà đầu tư | | Đã công khai |
| 481 | 1.009645 | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | (1) Đối với trường hợp 1:<br>- Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>- Đối với đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:<br>+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.<br>Khi đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch thì thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, tầm nhìn, định hướng hoặc phương hướng phát triển, sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.<br>Trường hợp phải đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch đô thị và nông thôn, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất | | Đã công khai |
| 482 | 1.009665 | Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư bị mất hoặc bị hỏng;<br>- Hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được lưu dưới dạng dữ liệu điện tử trong Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư có nội dung khác so với Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;<br>- Hoặc thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa chính xác so với thông tin đăng ký tại hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư. | | Đã công khai |
| 483 | 1.009662 | Thủ tục thông báo về việc tự quyết định chấm dứt hoạt động dự án của nhà đầu tư | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | | | Đã công khai |
| 484 | 1.009661 | Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 485 | 1.009729 | Thủ tục góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở tài chính | | | | - Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp làm tăng tỷ lệ sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài tại tổ chức kinh tế kinh doanh ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài;<br>- Việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp dẫn đến việc nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 20 Luật Đầu tư nắm giữ trên 50% vốn điều lệ của tổ chức kinh tế trong các trường hợp: tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài từ dưới hoặc bằng 50% lên trên 50%; tăng tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài khi nhà đầu tư nước ngoài đã sở hữu trên 50% vốn điều lệ trong tổ chức kinh tế;<br>- Nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại đảo và xã, phường, đặc khu khu vực biên giới; xã, phường ven biển; khu vực | | Đã công khai |
| 486 | 1.009671 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | - Nhà đầu tư có dự án đầu tư được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành; hoặc<br>- Doanh nghiệp đang hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương cấp trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành có yêu cầu cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | | Đã công khai |
| 487 | 1.009664 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | (1) Đối với trường hợp 1:<br>- Dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư;<br>- Không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư và điều ước quốc tế về đầu tư;<br>- Có địa điểm thực hiện dự án đầu tư được xác định trên cơ sở thông tin về tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tra cứu trên cơ sở dữ liệu hoặc bản sao hợp lệ giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc bản sao hợp lệ thỏa thuận thuê địa điểm hoặc văn bản, tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;<br>- Dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch quy định tại khoản 7 Điều 32 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>- Đáp ứng điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào điều kiện thực tế | | Đã công khai |
| 488 | 1.009731 | Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Hợp đồng BCC được ký kết giữa nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 26 Luật Đầu tư. | | Đã công khai |
| 489 | 1.009748 | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | - Dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>- Đáp ứng các yêu cầu:<br>+ Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch.<br>Khi đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch thì thực hiện đánh giá sự phù hợp của dự án với mục tiêu, tầm nhìn, định hướng hoặc phương hướng phát triển, sắp xếp, phân bổ không gian các hoạt động kinh tế xã hội theo nội dung, yêu cầu của quy hoạch.<br>Trường hợp phải đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch đô thị và nông thôn, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về | | Đã công khai |
| 490 | 1.009736 | Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | | | Đã công khai |
| 491 | 1.009759 | Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | (1) Đối với trường hợp 1:<br>- Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.<br>- Nội dung điều chỉnh thuộc một trong các trường hợp: Thay đổi nội dung, mục tiêu thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư đã được quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư; Thay đổi quy mô diện tích đất sử dụng trên 10% hoặc trên 30 ha trong trường hợp dự án có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; Thay đổi địa điểm đầu tư mới khác với địa điểm đầu tư đã được phê duyệt tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, trừ trường hợp thay đổi thông tin về địa điểm đầu tư do cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 492 | 1.009659 | Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.<br>- Đáp ứng các yêu cầu:<br>+ Phù hợp với một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch theo quy định pháp luật về quy hoạch;<br>+ Đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với trường hợp đề nghị gia hạn sử dụng đất).<br>- Không thuộc diện các loại dự án sau:<br>+ Dự án sử dụng dây chuyền công nghệ khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; hoặc công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi dây chuyền công nghệ trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất của dây chuyền công nghệ còn lại dưới 85% so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế; hoặc mức tiêu hao nguyên, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, quá 15% so với thiết | | Đã công khai |
| 493 | 1.009755 | Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | | | Đã công khai |
| 494 | 1.009770 | Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Dự án đã được Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế chấp thuận chủ trương đầu tư.<br>- Đáp ứng các yêu cầu:<br>+ Phù hợp với một trong các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch theo quy định pháp luật về quy hoạch;<br>+ Đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai (đối với trường hợp đề nghị gia hạn sử dụng đất).<br>- Không thuộc diện các loại dự án sau:<br>+ Dự án sử dụng dây chuyền công nghệ khi hoạt động không đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường; hoặc công suất (tính theo số lượng sản phẩm được tạo ra bởi dây chuyền công nghệ trong một đơn vị thời gian) hoặc hiệu suất của dây chuyền công nghệ còn lại dưới 85% so với công suất hoặc hiệu suất thiết kế; hoặc mức tiêu hao nguyên, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, quá 15% so với thiết | | Đã công khai |
| 495 | 1.010029 | Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất | | Đã công khai |
| 496 | 1.010026 | Thông báo: thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty TNHH là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 497 | 1.010010 | Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có sở định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất. | | Đã công khai |
| 498 | 1.014736 | Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị | 94/QĐ-BTC | 20/01/2026 | Bộ Tài chính | Quản lý chương trình mục tiêu quốc gia | Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | liên kết | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | - Dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.<br>- Chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.<br>- Bảo đảm điều kiện kỹ thuật cho từng loại dự án phát triển sản xuất của từng ngành nghề, lĩnh vực quản lý theo quy định chuyên ngành.<br>- Dự án phát triển sản xuất phải bảo đảm tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia, ưu tiên dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có | | Đã công khai |
| 499 | 2.000024 | Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh) | 2915/QĐ-BTC | 26/08/2025 | Bộ Tài chính | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | | | Đã công khai |
| 500 | 2.000368 | Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường; chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có sở định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất. | | Đã công khai |
| 501 | 2.000416 | Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có sở định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất. | | Đã công khai |
| 502 | 2.001610 | Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp - Sở Tài Chính Bắc Ninh | | | | * Trường hợp đã có sở định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất.<br>* Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy, người nộp hồ sơ | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 503 | 2.001199 | Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | * Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất.<br>* Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký doanh | | Đã công khai |
| 504 | 2.001583 | Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố, Phòng Đăng ký kinh doanh và Quản lý doanh nghiệp - Sở Tài Chính Bắc Ninh | | | | * Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất.<br>* Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký doanh | | Đã công khai |
| 505 | 2.002015 | Cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất. | | Đã công khai |
| 506 | 2.002009 | Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh; đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | * Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất.<br>* Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký doanh | | Đã công khai |
| 507 | 2.002011 | Đăng ký thay đổi: thành viên hợp danh; thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần; chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, thống nhất. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 508 | 2.002008 | Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 509 | 2.002043 | Đăng ký thành lập công ty cổ phần | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 510 | 2.002041 | Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp; Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 511 | 2.002031 | Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 512 | 2.002016 | Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 513 | 2.002029 | Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh, thông báo tạm ngừng hoạt động, tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo đối với văn phòng đại diện | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, đồng nhất | | Đã công khai |
| 514 | 2.002020 | Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, đồng nhất | | Đã công khai |
| 515 | 2.002017 | Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, đồng nhất | | Đã công khai |
| 516 | 2.002044 | Thông báo thay đổi thông tin: cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng khoán) | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Cổ đông sáng lập quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong Danh sách cổ đông sáng lập nộp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp. Việc thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ thực hiện trong trường hợp cổ đông sáng lập chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại Điều 113 Luật Doanh nghiệp. Doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua.<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh | | Đã công khai |
| 517 | 2.002023 | Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin để đảm bảo chính xác, đồng nhất | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 518 | 2.002018 | Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 519 | 2.002034 | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 520 | 2.002033 | Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 521 | 2.002032 | Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 522 | 2.002042 | Đăng ký thành lập công ty hợp danh | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh tại các địa điểm khác | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 523 | 2.002045 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẻ tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 524 | 2.002085 | Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẻ tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 525 | 2.002069 | Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẻ tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 526 | 2.002057 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | - Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẻ tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Cơ quan đăng ký kinh doanh | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |
| 527 | 2.002060 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) | 2370/BTC-QĐ | 24/08/2026 | Bộ Tài chính | Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>- Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có địa chỉ tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi địa phương quản lý trừ Ban quản lý khu công nghệ cao. Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẻ tổ chức các điểm để tiếp nhận hồ sơ và trả kết | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>* Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất so với thông tin được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm cập nhật, điều chỉnh thông tin | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 528 | 2.002725 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:<br>- Dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế và khu chức năng trong khu kinh tế, trừ các dự án quy định tại các khoản 5, 6, 11, 12, 13, 15, 16, 17, 18 và 20 Điều 24 Luật Đầu tư thực hiện tại khu kinh tế, khu thương mại tự do và dự án quy định tại khoản 14 Điều 24 Luật Đầu tư.<br>- Đáp ứng các yêu cầu về:<br>+ Sự phù hợp của dự án với quy hoạch thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>+ Tư cách pháp lý và kinh nghiệm của nhà đầu tư;<br>+ Nhu cầu sử dụng đất (nếu có);<br>+ Đối với dự án có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì đánh giá khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, | | Đã công khai |
| 529 | 2.002727 | Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | | - Dự án đầu tư thuộc đối tượng quy định tại Điều 28 Luật Đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành.<br>- Đáp ứng các yêu cầu về:<br>+ Sự phù hợp của dự án với quy hoạch thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 47 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP;<br>+ Tư cách pháp lý và kinh nghiệm của nhà đầu tư;<br>+ Nhu cầu sử dụng đất (nếu có);<br>+ Đối với dự án có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì đánh giá khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; sự phù hợp của nhu cầu sử dụng đất với mục tiêu, quy mô, vốn đầu tư, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;<br>+ Tiến độ thực hiện dự án; | | Đã công khai |
| 530 | 3.000291 | Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất | 2292/QĐ-BTC | 26/09/2024 | Bộ Tài chính | Quản lý công sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | Loại khác | | | Các cơ quan, tổ chức liên quan | | | | | | | Đã công khai |
| 531 | 1.000802 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá | 1458/QĐ-BTP | 11/06/2026 | Bộ Tư pháp | Đấu giá tài sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Những người sau đây được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá:<br>+ Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 của Luật Đấu giá tài sản được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Đấu giá tài sản và lý do thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá không còn.<br>+ Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá quy định tại điểm b khoản 1 Điều 16 của Luật Đấu giá tài sản được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá sau 01 năm kể từ ngày bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá.<br>+ Người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề đấu giá quy định tại điểm d khoản 1 Điều 16 của Luật Đấu giá tài sản được xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá khi có đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá.<br>+ Người đã được cấp Chứng chỉ hành | | Đã công khai |
| 532 | 1.001117 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất | 1998/QĐ-BTP | 03/09/2026 | Bộ Tư pháp | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đã đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội | | | | Không | | Đã công khai |
| 533 | 1.001122 | Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh | 1998/QĐ-BTP | 03/09/2026 | Bộ Tư pháp | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý lĩnh vực giám định tư pháp hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi thường trú hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý lĩnh vực giám định tư pháp | | | - Áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 177/2026/NĐ-CP ngày 19/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.<br>- Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam có đủ các tiêu chuẩn sau đây có thể được xem xét, bổ nhiệm giám định viên tư pháp:<br>+ Có phẩm chất đạo đức tốt;<br>+ Có trình độ đại học trở lên và đã qua thực tế hoạt động chuyên môn ở lĩnh vực được đào tạo từ đủ 05 năm trở lên.<br>Trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự đã trực tiếp giúp việc trong hoạt động giám định ở tổ chức giám định pháp y, pháp y tâm thần, kỹ thuật hình sự thì thời gian thực tế hoạt động chuyên môn từ đủ 03 năm trở lên;<br>+ Đã qua khóa bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ giám định tư pháp | | Đã công khai |
| 534 | 1.001216 | Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp | 1998/QĐ-BTP | 03/09/2026 | Bộ Tư pháp | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 535 | 1.001248 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | | Đã công khai |
| 536 | 1.001600 | Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên | 813/QĐ-BTP | 20/03/2026 | Bộ Tư pháp | Quản tài viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 537 | 1.001609 | Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 538 | 1.002010 | Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư | 1262/QĐ-BTP | 14/05/2026 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp, Sở Tư pháp | | | | Điều kiện thành lập tổ chức hành nghề luật sư:<br>- Tổ chức hành nghề luật sư phải có trụ sở làm việc. | | Đã công khai |
| 539 | 1.002153 | Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân | 1262/QĐ-BTP | 14/05/2026 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Luật sư hành nghề với tư cách cá nhân là luật sư làm việc theo Hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư. | | Đã công khai |
| 540 | 1.002181 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài | 1262/QĐ-BTP | 14/05/2026 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 541 | 1.002368 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài | 1262/QĐ-BTP | 14/05/2026 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 542 | 1.002681 | Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài | 813/QĐ-BTP | 20/03/2026 | Bộ Tư pháp | Quản tài viên | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Các trường hợp không được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên:<br><br>- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;<br><br>- Người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;<br><br>- Luật sư, kiểm toán viên bị thu hồi chứng chỉ hành nghề do vi phạm pháp luật mà chưa hết thời hạn 03 năm kể từ ngày quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề có hiệu lực thi hành;<br><br>- Người bị cấm hành nghề luật sư, kiểm | | Đã công khai |
| 543 | 1.002626 | Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân | 813/QĐ-BTP | 20/03/2026 | Bộ Tư pháp | Quản tài viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Những người sau đây không được đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân:<br><br>- Đang đề nghị thu hồi hoặc bị xem xét thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 65/2026/NĐ-CP;<br><br>- Đang bị cấm hành nghề quản lý, thanh lý tài sản theo bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án. | | Đã công khai |
| 544 | 1.003091 | Yêu cầu thi hành án dân sự | 1966/QĐ-BTP | 26/08/2026 | Bộ Tư pháp | Thi hành án dân sự | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố, Phòng thi hành án cấp quân khu | | | | a) Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường hợp sau đây:<br>- Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định;<br>- Bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự trong trường hợp bản án, quyết định không xác định rõ khoản phải thi hành hoặc không xác định rõ người phải thi hành án, trừ các trường hợp: (i) Giao quyền sở hữu, sử dụng, quản lý tài sản mà tại thời điểm yêu cầu thi hành án, người được thi hành án không được trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản; (ii) Giao quyền nuôi dưỡng người chưa thành niên mà tại thời điểm nộp yêu cầu thi | | Đã công khai |
| 545 | 1.003915 | Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá | 1458/QĐ-BTP | 11/06/2026 | Bộ Tư pháp | Đấu giá tài sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá:<br>- Không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật đấu giá tài sản.<br>- Đang là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp là công chức, viên chức được đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá để làm việc cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản.<br>- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.<br>- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; đã | | Đã công khai |
| 546 | 1.008904 | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 547 | 1.008888 | Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam | 1856/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | | | Đã công khai |
| 548 | 1.008890 | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 549 | 1.008907 | Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | - Công dân Việt Nam có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP:<br>- Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự; có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín, độc lập, vô tư, khách quan;<br>- Có trình độ đại học trở lên và đã qua thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 02 năm trở lên;<br>- Có kỹ năng hòa giải, hiểu biết pháp luật, tập quán kinh doanh, thương mại và các lĩnh vực liên quan. | | Đã công khai |
| 550 | 1.008906 | Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | | Đã công khai |
| 551 | 1.008886 | Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Văn bản đề nghị thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam được làm bằng tiếng Việt. Các giấy tờ kèm theo Văn bản đề nghị nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Giấy tờ do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp hoặc công chứng, chứng thực ở nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. | | Đã công khai |
| 552 | 1.008905 | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | | | | Đã công khai |
| 553 | 1.008889 | Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập. | | Đã công khai |
| 554 | 1.008908 | Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | | | | Đã công khai |
| 555 | 1.008925 | Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Người thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 9 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP không được đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên. | | Đã công khai |
| 556 | 1.008911 | Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | Tổ chức hòa giải thương mại được thành lập hợp pháp tại nước ngoài. | | Đã công khai |
| 557 | 1.008915 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam có hiệu lực. | | Đã công khai |
| 558 | 1.008921 | Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 559 | 1.008922 | Bổ nhiệm Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Nghị định số 151/2026/NĐ-CP: Công dân Việt Nam không quá 65 tuổi, thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ cử nhân luật trở lên; có thời gian công tác pháp luật ít nhất 03 năm tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật trở lên; tốt nghiệp khóa đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên hoặc được công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP; đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP;<br>- Người đã từng là Chấp hành viên đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, d và e khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 151/2026/NĐ-CP được xem xét bổ nhiệm Thừa hành viên không qua kiểm tra kết | | Đã công khai |
| 560 | 1.008924 | Bổ nhiệm lại Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Thừa hành viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân được xem xét bổ nhiệm lại Thừa hành viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP.<br>- Người bị miễn nhiệm Thừa hành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP chỉ được xem xét bổ nhiệm lại khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP và lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP. Trường hợp người bị miễn nhiệm Thừa hành viên theo quy định tại các điểm c và d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP chỉ được đề nghị bổ nhiệm lại Thừa hành viên sau thời hạn 01 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm Thừa hành viên có hiệu lực. | | Đã công khai |
| 561 | 1.008923 | Miễn nhiệm Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 562 | 1.008909 | Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | Trung tâm trọng tài đã được cấp Giấy phép thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trọng tài thương mại. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 563 | 1.008927 | Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 564 | 1.008926 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 565 | 1.008916 | Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | | | Đã công khai |
| 566 | 1.008910 | Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | | | Đã công khai |
| 567 | 1.008928 | Cấp lại Thẻ Thừa hành viên | 1444/QĐ-BTP | 09/06/2026 | Bộ Tư pháp | Thừa hành viên | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 568 | 1.009284 | Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Người đề nghị đăng ký phải có đủ tiêu chuẩn hòa giải viên thương mại. | | Đã công khai |
| 569 | 1.009832 | Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp | 1998/QĐ-BTP | 03/09/2026 | Bộ Tư pháp | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý lĩnh vực giám định tư pháp hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi thường trú hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 570 | 1.009283 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh) | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động, chi nhánh, thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng lao động, hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. | | Đã công khai |
| 571 | 1.011441 | Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | 570/QĐ-BTP | 06/02/2026 | Bộ Tư pháp | Đăng ký biện pháp bảo đảm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng Đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 572 | 1.013804 | Bổ nhiệm lại công chứng viên | 2009/QĐ-BTP | 30/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Người được miễn nhiệm công chứng viên do chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Luật Công chứng; trường hợp được miễn nhiệm công chứng viên theo nguyện vọng cá nhân thì được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Công chứng.<br>- Người đã bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật Công chứng được xem xét bổ nhiệm lại công chứng viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này, đã hết thời hạn 02 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm công chứng viên có hiệu lực thi hành và lý do miễn nhiệm không còn, trừ các trường hợp không được bổ nhiệm lại .<br>- Người thuộc một trong các trường hợp quy định không được bổ nhiệm lại | | Đã công khai |
| 573 | 1.013803 | Bổ nhiệm công chứng viên | 857/QĐ-BTP | 27/03/2026 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Người đề nghị bổ nhiệm công chứng viên phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Công chứng: Là công dân Việt Nam không quá 70 tuổi; thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng; có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; có thời gian công tác pháp luật từ đủ 03 năm trở lên tại cơ quan, tổ chức sau khi có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng; đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.<br>2. Người thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 của Luật Công chứng thì không được bổ nhiệm công chứng viên bao gồm:<br>a) Người không đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên theo quy định.<br>b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, người đã bị kết án về tội phạm do | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 574 | 1.013816 | Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Việc tập sự chấm dứt khi người tập sự thuộc một trong các trường hợp sau đây (khoản 1 Điều 9 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP):<br>a) Tự chấm dứt tập sự;<br>b) Được tuyển dụng là cán bộ, công chức, viên chức (trừ viên chức làm việc tại Phòng công chứng), sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;<br>c) Ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, trừ trường hợp ký hợp đồng lao động với tổ chức hành nghề công chứng nhân tập sự hoặc ký hợp đồng lao động với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mà thời gian làm việc không trùng với ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự;<br>d) Không còn thường trú tại Việt Nam; | | Đã công khai |
| 575 | 1.013806 | Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài | 2009/QĐ-BTP | 30/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài được công nhận tương đương trong các trường hợp sau đây:<br>- Có văn bản đào tạo nghề công chứng tương đương được cấp bởi cơ sở đào tạo ở nước ngoài theo quy định tại điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên;<br>- Có văn bằng đào tạo nghề công chứng được cấp bởi cơ sở đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài. | | Đã công khai |
| 576 | 1.013807 | Đăng ký tập sự hành nghề công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | 1. Người có giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng.<br>2. Người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì không được đăng ký tập sự:<br>a) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án về tội phạm do vô ý mà chưa được xóa án tích; người đã bị kết án về tội phạm do cố ý, kể cả trường hợp đã được xóa án tích;<br>b) Người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;<br>c) Người bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;<br>d) Người đang là cán bộ, công chức, viên chức, trừ viên chức của Phòng công chứng; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức trong cơ quan, đơn vị thuộc | | Đã công khai |
| 577 | 1.013810 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Người tập sự được thay đổi nơi tập sự trong các trường hợp sau đây:<br>a) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động hoặc chấm dứt hoạt động hoặc chuyển đổi, giải thể theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;<br>b) Tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn đủ các điều kiện nhận tập sự theo quy định của Luật Công chứng;<br>c) Công chứng viên hướng dẫn tập sự thuộc trường hợp phải thay đổi theo quy định của Thông tư này và tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự không còn công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự;<br>d) Là viên chức của Phòng công chứng được điều động đến Phòng công chứng khác; | | Đã công khai |
| 578 | 1.013832 | Thu hồi Thẻ công chứng viên | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Thẻ công chứng viên bị thu hồi trong trường hợp miễn nhiệm công chứng viên hoặc công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng mà mình được cấp thẻ, tổ chức hành nghề công chứng giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc thay đổi tên. | | Đã công khai |
| 579 | 1.013830 | Cấp lại Thẻ công chứng viên | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Thẻ công chứng viên được cấp lại trong trường hợp thẻ đã được cấp bị mất, bị hỏng hoặc tổ chức hành nghề công chứng thay đổi tên. | | Đã công khai |
| 580 | 1.013835 | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định cho phép thành lập có hiệu lực thi hành, Văn phòng công chứng phải đăng ký hoạt động tại Sở Tư pháp ở địa phương nơi đã ra quyết định. | | Đã công khai |
| 581 | 1.013840 | Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Các Văn phòng công chứng bị hợp nhất được tiếp tục hoạt động nhưng không được tiếp nhận các yêu cầu công chứng mới cho đến khi Văn phòng công chứng hợp nhất được cấp giấy đăng ký hoạt động. Văn phòng công chứng hợp nhất kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, yêu cầu công chứng đang thực hiện tại các Văn phòng công chứng bị hợp nhất và có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ công chứng của các Văn phòng công chứng bị hợp nhất. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 582 | 1.013852 | Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Sau khi Văn phòng công chứng đã hoạt động được ít nhất 02 năm, Trưởng Văn phòng công chứng của Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân có quyền bán Văn phòng công chứng của mình cho 01 công chứng viên khác.<br>2. Công chứng viên mua Văn phòng công chứng phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Đã hành nghề công chứng từ đủ 02 năm trở lên;<br>b) Trường hợp đã là công chứng viên hợp danh hoặc Trưởng Văn phòng công chứng của Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thì đã hết thời hạn 02 năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh hoặc kể từ ngày không còn là Trưởng Văn phòng công chứng của Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân; | | Đã công khai |
| 583 | 1.013839 | Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Hai hoặc một số Văn phòng công chứng có trụ sở trong cùng 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể hợp nhất thành 01 Văn phòng công chứng mới bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Văn phòng công chứng hợp nhất, đồng thời chấm dứt hoạt động của các Văn phòng công chứng bị hợp nhất. | | Đã công khai |
| 584 | 1.013836 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Không. | | Đã công khai |
| 585 | 1.013846 | Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Sau khi Văn phòng công chứng đã hoạt động được ít nhất 02 năm, toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng có quyền chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho ít nhất 02 công chứng viên khác đáp ứng đủ các điều kiện quy định.<br>2. Công chứng viên nhận chuyển nhượng phần vốn góp theo quy định phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Đã hành nghề công chứng từ đủ 02 năm trở lên đối với người dự kiến làm Trưởng Văn phòng công chứng;<br>b) Trường hợp đã là công chứng viên hợp danh hoặc Trưởng Văn phòng công chứng của Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thì đã hết thời hạn 02 năm kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh hoặc kể từ ngày không còn là Trưởng Văn phòng công chứng của Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân; | | Đã công khai |
| 586 | 1.013837 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Văn phòng công chứng bị mất, bị hỏng giấy đăng ký hoạt động. | | Đã công khai |
| 587 | 1.013842 | Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Một hoặc một số Văn phòng công chứng có thể sáp nhập vào 01 Văn phòng công chứng khác có trụ sở trong cùng 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang Văn phòng công chứng nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt hoạt động của Văn phòng công chứng bị sáp nhập. | | Đã công khai |
| 588 | 1.013848 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Văn phòng công chứng chuyển nhượng vốn góp được tiếp tục hoạt động nhưng không được tiếp nhận yêu cầu công chứng mới cho đến khi Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp được cấp lại giấy đăng ký hoạt động. | | Đã công khai |
| 589 | 1.013843 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Các Văn phòng công chứng bị hợp nhất được tiếp tục hoạt động nhưng không được tiếp nhận các yêu cầu công chứng mới cho đến khi Văn phòng công chứng hợp nhất được cấp giấy đăng ký hoạt động. Văn phòng công chứng hợp nhất kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ, yêu cầu công chứng đang thực hiện tại các Văn phòng công chứng bị hợp nhất và có trách nhiệm lưu trữ toàn bộ hồ sơ công chứng của các Văn phòng công chứng bị hợp nhất. | | Đã công khai |
| 590 | 1.013856 | Công nhận Điều lệ của Văn phòng công chứng được thành lập trước ngày 01/7/2025 | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Không. | | Đã công khai |
| 591 | 1.013853 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Không. | | Đã công khai |
| 592 | 1.013859 | Cấp thẻ công chứng viên | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | Không. | | Đã công khai |
| 593 | 2.000568 | Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp | 1998/QĐ-BTP | 03/09/2026 | Bộ Tư pháp | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Hồ sơ được trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi văn phòng giám định tư pháp đã đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến | Sở Tư pháp | | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 594 | 2.000555 | Cấp Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của văn phòng giám định tư pháp | 1998/QĐ-BTP | 03/09/2026 | Bộ Tư pháp | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Sở Tư pháp hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi văn phòng giám định tư pháp đã thành lập, đăng ký hoạt động hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử | Sở Tư pháp | | | | Văn phòng giám định tư pháp chỉ được thay đổi địa chỉ trụ sở trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi đặt trụ sở theo giấy đăng ký hoạt động đã được cấp. Việc thay đổi tên của văn phòng giám định tư pháp phải bảo đảm yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 20 của Luật Giám định tư pháp. | | Đã công khai |
| 595 | 2.000635 | Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh | QĐ/0001-BTP | 01/08/2019 | Bộ Tư pháp | Hộ tịch | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 596 | 2.000822 | Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trung tâm trọng tài được thành lập khi có ít nhất 05 sáng lập viên là công dân Việt Nam có đủ điều kiện là trọng tài viên quy định tại Điều 20 của Luật Trọng tài thương mại. | | Đã công khai |
| 597 | 2.000819 | Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài | 1241/QĐ-BTP | 12/05/2026 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 598 | 2.000894 | Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định tư pháp | 1998/QĐ-BTP | 03/09/2026 | Bộ Tư pháp | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý lĩnh vực giám định tư pháp hoặc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi thường trú hoặc trực tuyến trên môi trường điện tử | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quản lý lĩnh vực giám định tư pháp | | | | - Áp dụng đối với trường hợp thực hiện thủ tục hành chính quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 177/2026/NĐ-CP ngày 19/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp.<br>- Giám định viên tư pháp được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân. Trường hợp giám định viên tư pháp đang làm việc tại cơ quan, đơn vị, tổ chức thì phải được sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị, tổ chức đó. | | Đã công khai |
| 599 | 2.001225 | Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến | 1458/QĐ-BTP | 11/06/2026 | Bộ Tư pháp | Đấu giá tài sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Giám đốc Sở Tư pháp | | | Đề án xây dựng trang thông tin đấu giá trực tuyến phải mô tả được các yêu cầu, điều kiện của trang thông tin đấu giá trực tuyến như sau:<br>- Yêu cầu<br>+ Công khai, minh bạch, không hạn chế truy cập và tiếp cận thông tin;<br>+ Thời gian trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, trang thông tin đấu giá trực tuyến là thời gian thực và thời gian chuẩn theo tiêu chuẩn quốc tế (GMT) trong đấu giá trực tuyến;<br>+ Hoạt động ổn định, liên tục và phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin;<br>+ Bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin của người tham gia đấu giá, tài khoản truy cập;<br>+ Đáp ứng các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ thông tin để kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu;<br>+ Đáp ứng yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất và đội ngũ nhân sự cần thiết cho việc vận hành Cổng Đấu giá tài sản | | Đã công khai |
| 600 | 2.001117 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được | 813/QĐ-BTP | 20/03/2026 | Bộ Tư pháp | Quản tài viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | Chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được. | | Đã công khai |
| 601 | 2.001130 | Cấp Chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với luật sư, kiểm toán viên, người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng và có thời gian công tác trong lĩnh vực được đào tạo từ 05 năm trở lên | 813/QĐ-BTP | 20/03/2026 | Bộ Tư pháp | Quản tài viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | Các trường hợp không được cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên:<br><br>- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích; người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;<br><br>- Người bị mất năng lực hành vi dân sự, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;<br><br>- Người đang là cán bộ, công chức, viên chức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; đang là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; đang là sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an | | Đã công khai |
| 602 | 2.002139 | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản | 1458/QĐ-BTP | 11/06/2026 | Bộ Tư pháp | Đấu giá tài sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | | | Những người sau đây được đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá:<br><br>- Người đã hoàn thành thời gian tập sự hành nghề đấu giá theo quy định tại Điều 13 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản và Thông tư này;<br><br>- Người không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước. | | Đã công khai |
| 603 | 2.002191 | Phục hồi danh dự (cấp tỉnh) | 1539/QĐ-BTP | 23/06/2026 | Bộ Tư pháp | Bồi thường nhà nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh. | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 604 | 3.000444 | Công nhận hoàn thành tập sự hành nghề công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | Loại khác | | | Sở Tư Pháp | | | | Người tập sự được công nhận hoàn thành tập sự khi đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>a) Người tập sự có đủ điều kiện tập sự và không thuộc các trường hợp không được đăng ký tập sự;<br>b) Công chứng viên hướng dẫn tập sự đủ điều kiện hướng dẫn tập sự và không thuộc các trường hợp phải thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong quá trình hướng dẫn tập sự;<br>c) Người tập sự hoàn thành thời gian tập sự; có Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự đáp ứng các yêu cầu quy định tại Thông tư này và biểu mẫu kèm theo, không sao chép của người khác và nộp đúng thời hạn; trường hợp nộp sau thời hạn quy định do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì phải có giấy tờ chứng minh;<br>d) Người tập sự thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác của người tập sự. | | Đã công khai |
| 605 | 1.000560 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 606 | 2.002192 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh) | 1539/QĐ-BTP | 23/06/2026 | Bộ Tư pháp | Bồi thường nhà nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan giải quyết bồi thường là cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án quy định từ Điều 33 đến Điều 39 của Luật TNBTCNN năm 2017 ở cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 607 | 1.000544 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 608 | 1.000485 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 609 | 1.000883 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 610 | 1.000904 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 611 | 1.000842 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 612 | 1.000830 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 613 | 1.000983 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 775/QĐ-BVHTTDL | 28/03/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 614 | 1.001082 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam | 4184/QĐ-BVHTTDL | 29/12/2023 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Hợp tác quốc tế | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 615 | 1.001195 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 616 | 1.001091 | Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam | 4184/QĐ-BVHTTDL | 29/12/2023 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Hợp tác quốc tế | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 617 | 1.001056 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 618 | 1.001211 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | Đã công khai |
| 619 | 1.001213 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 620 | 1.001517 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 621 | 1.001440 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;<br>(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;<br>(4) Đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. | | Đã công khai |
| 622 | 1.001738 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Cơ quan, tổ chức Việt Nam được cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc, phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>- Có chức năng hoạt động văn hoá nghệ thuật;<br>- Có đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;<br>- Có thể lệ tổ chức trại sáng tác điêu khắc. | | Đã công khai |
| 623 | 1.001455 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 624 | 1.001801 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 625 | 1.001837 | Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 626 | 1.002001 | Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương) | 353/QĐ-BTTTT | 26/02/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 627 | 1.001976 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương) | 353/QĐ-BTTTT | 26/02/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 628 | 1.001833 | Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | Đã công khai |
| 629 | 1.001782 | Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 630 | 1.002013 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 631 | 1.002022 | Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 632 | 1.002396 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 633 | 1.002445 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 634 | 1.003002 | Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 77/QĐ-BVHTTDL | 14/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 635 | 1.003240 | Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện | 77/QĐ-BVHTTDL | 14/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 636 | 1.003275 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy | 77/QĐ-BVHTTDL | 14/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 637 | 1.003384 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | 1759/QĐ-BVHTTDL | 17/07/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 638 | 1.003441 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận | 775/QĐ-BVHTTDL | 28/03/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 639 | 1.003483 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm | 893/QĐ-BVHTTDL | 21/04/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 640 | 1.003490 | Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh | 2069/QĐ-BVHTTDL | 19/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 641 | 1.003560 | Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghệ nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu | 1122/QĐ-BVHTTDL | 15/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Không | | Đã công khai |
| 642 | 1.003654 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | 2069/QĐ-BVHTTDL | 19/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 643 | 1.003676 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) | 2069/QĐ-BVHTTDL | 19/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 644 | 1.003717 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 77/QĐ-BVHTTDL | 14/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 645 | 1.003784 | Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Không | | Đã công khai |
| 646 | 1.003743 | Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Không | | Đã công khai |
| 647 | 1.003838 | Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương | 2114/QĐ-BVHTTDL | 23/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | Đã công khai |
| 648 | 1.003901 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 649 | 1.003888 | Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương) | 682/QĐ-BVHTTDL | 14/03/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thông tin đối ngoại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 650 | 1.004104 | Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình | 1122/QĐ-BVHTTDL | 15/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | Loại khác | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 651 | 1.004233 | Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền | 1759/QĐ-BVHTTDL | 17/07/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày Giấy phép hết hiệu lực, doanh nghiệp muốn gia hạn Giấy phép phải gửi văn bản đề nghị gia hạn.<br>- Giấy phép được gia hạn không quá 01 (một) lần và có hiệu lực không quá 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn hiệu lực ghi trong Giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ truyền dẫn cho phát thanh, truyền hình hoặc văn bản thỏa thuận được thuê, sử dụng hạ tầng mạng viễn thông. | | Đã công khai |
| 652 | 1.004250 | Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | Không | | Đã công khai |
| 653 | 1.004503 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 654 | 1.004508 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng | 353/QĐ-BTTTT | 26/02/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | Nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng không vi phạm các quy định tại Điều 8 Luật An ninh mạng và quy định về sở hữu trí tuệ; không mô phỏng các trò chơi có thưởng trong các cơ sở kinh doanh casino, các trò chơi sử dụng hình ảnh lá bài; không có các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ miêu tả cụ thể các hành động sau: Khủng bố, giết người, tra tấn người, ngược đãi, xâm hại, buôn bán phụ nữ và trẻ em; kích động tự tử, bạo lực; khiêu dâm, dụng tục trái với truyền thống đạo đức, văn hóa, thuần phong mỹ tục của dân tộc; xuyên tạc, phá hoại truyền thống lịch sử; vi phạm chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ; sử dụng ma túy, uống rượu, hút thuốc lá; đánh bạc và các hành vi vi phạm pháp luật khác. | | Đã công khai |
| 655 | 1.004572 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 656 | 1.004551 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 657 | 1.004580 | Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 658 | 1.004594 | Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch | 77/QĐ-BVHTTDL | 14/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 659 | 1.004645 | Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo | 1326/QĐ-BVHTTDL | 05/06/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Quảng cáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 660 | 1.005162 | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 661 | 1.006412 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam | 4184/QĐ-BVHTTDL | 29/12/2023 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Hợp tác quốc tế | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 662 | 1.005357 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 663 | 1.005452 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Không | | Đã công khai |
| 664 | 1.009374 | Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin có trình độ đại học trở lên thuộc các chuyên ngành đào tạo liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức.<br>- Hình thức bản tin:<br>+ Khuôn khổ tối đa của bản tin là 19cm x 27cm, số trang tối đa là 64 trang. Không được quảng cáo trong bản tin;<br>+ Phần trên của bìa một bản tin phải để chữ "BẢN TIN", tên của bản tin sau hoặc dưới chữ "BẢN TIN", tên cơ quan, tổ chức xuất bản và ngày, tháng, năm xuất bản bản tin dưới tên của bản tin;<br>+ Trang bìa hai hoặc phần cuối của trang bìa cuối bản tin phải ghi số, ngày, tháng, năm của giấy phép, nơi in, số lượng, người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin. | | Đã công khai |
| 665 | 1.009386 | Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin: Người được đề nghị thay đổi phải có trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành đào tạo liên quan đến lĩnh vực hoạt động của cơ quan, tổ chức.<br>- Trường hợp thay đổi tên bản tin: Mẫu trình bày tên gọi bản tin phải đảm bảo các thông tin: Phần trên của bìa một phải để chữ "BẢN TIN"; tên bản tin đặt sau hoặc dưới chữ "BẢN TIN"; tên cơ quan, tổ chức xuất bản và ngày, tháng, năm xuất bản đặt dưới tên bản tin.<br>- Các nội dung thay đổi khác: Không quy định yêu cầu, điều kiện riêng. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 666 | 1.009397 | Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật | 1874/QĐ-BVHTTDL | 28/07/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Nghệ thuật biểu diễn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 667 | 1.009403 | Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu | 1874/QĐ-BVHTTDL | 28/07/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Nghệ thuật biểu diễn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 668 | 1.009398 | Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan | 1874/QĐ-BVHTTDL | 28/07/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Nghệ thuật biểu diễn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 669 | 1.009399 | Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu | 1874/QĐ-BVHTTDL | 28/07/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Nghệ thuật biểu diễn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 670 | 1.011452 | Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam | 1122/QĐ-BVHTTDL | 15/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Điện ảnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Phim tham dự liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim cuộc thi phim phải được cấp Giấy phép phân loại phim hoặc Quyết định phát sóng. | | Đã công khai |
| 671 | 1.011454 | Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (cấp tỉnh) | 895/QĐ-BVHTTDL | 21/04/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Điện ảnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 672 | 1.013699 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài | 893/QĐ-BVHTTDL | 21/04/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 673 | 1.013781 | Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 674 | 1.013782 | Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Có tôn chỉ, mục đích phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; đối tượng phục vụ;<br>- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của ấn phẩm báo chí;<br>- Có tên và hình thức trình bày tên ấn phẩm báo chí;<br>- Có giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. | | Đã công khai |
| 675 | 1.013784 | Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 676 | 1.013785 | Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Có tôn chỉ, mục đích phù hợp với tôn chỉ, mục đích của cơ quan báo chí; đối tượng phục vụ.<br>- Có phương án về tổ chức và nhân sự bảo đảm hoạt động của phụ trương;<br>- Có tên và hình thức trình bày tên phụ trương;<br>- Có giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. | | Đã công khai |
| 677 | 1.013788 | Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san có trình độ đại học trở lên chuyên ngành báo chí hoặc có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực báo chí hoặc có tối thiểu 01 năm tham gia xuất bản các sản phẩm thông tin có tính chất báo chí.<br>- Hình thức đặc san:<br>+ Phần trên của bìa một đặc san phải đề chữ "ĐẶC SAN", tên của đặc san sau hoặc dưới chữ "ĐẶC SAN", tên cơ quan, tổ chức xuất bản và ngày, tháng, năm xuất bản đặc san dưới tên của đặc san;<br>+ Trang bìa hai hoặc phần cuối của trang bìa cuối đặc san ghi rõ số, ngày, tháng, năm của giấy phép, nơi in, người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san. | | Đã công khai |
| 678 | 1.013790 | Thủ tục đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 679 | 1.013789 | Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Trường hợp thay đổi người chịu trách nhiệm xuất bản đặc san: Người được đề nghị thay đổi phải có trình độ đại học trở lên chuyên ngành báo chí hoặc có tối thiểu 01 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực báo chí hoặc có tối thiểu 01 năm tham gia xuất bản các sản phẩm thông tin có tính chất báo chí.<br>- Trường hợp thay đổi tên đặc san: Mẫu trình bày tên gọi đặc san phải đảm bảo các thông tin: Phần trên của bìa một phải đề chữ "ĐẶC SAN"; tên đặc san đặt sau hoặc dưới chữ "ĐẶC SAN"; tên cơ quan, tổ chức xuất bản và ngày, tháng, năm xuất bản đặt dưới tên đặc san.<br>- Các nội dung thay đổi khác: Không quy định yêu cầu, điều kiện riêng. | | Đã công khai |
| 680 | 1.014615 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 681 | 1.014629 | Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 682 | 2.001098 | Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | (1) Là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật Việt Nam, có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề đăng ký kinh doanh đã được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp phù hợp với dịch vụ và nội dung thông tin cung cấp.<br>(2) Đã đăng ký sử dụng tên miền để thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp và đáp ứng quy định tại Điều 26 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:<br>- Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không phải là cơ quan báo chí, tên miền, tên trang không được giống hoặc trùng với tên cơ quan báo chí hoặc có những từ ngữ (bằng tiếng Việt hoặc tiếng nước ngoài tương đương) có thể gây nhầm lẫn là cơ quan báo chí hoặc hoạt động báo chí như: Báo, đài, tạp chí, tin, tin tức, phát thanh, truyền hình, truyền thông, thông tấn, thông tấn xã.<br>- Trang thông tin điện tử tổng hợp sử dụng | | Đã công khai |
| 683 | 2.001091 | Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Không | | Đã công khai |
| 684 | 2.001168 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | Không | | Đã công khai |
| 685 | 2.001169 | Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội | 999/QĐ-BVHTTDL | 04/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | Không | | Đã công khai |
| 686 | 2.001496 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh | 1122/QĐ-BVHTTDL | 15/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Không | | Đã công khai |
| 687 | 2.001564 | Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương) | 893/QĐ-BVHTTDL | 21/04/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 688 | 2.001591 | Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 689 | 2.001584 | Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm | 1122/QĐ-BVHTTDL | 15/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 690 | 2.001594 | Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm | 1122/QĐ-BVHTTDL | 15/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (bao gồm các công đoạn chế bản, in, gia công sau in) khi có đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Người đứng đầu cơ sở in phải là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;<br>b) Có mặt bằng sản xuất, thiết bị để thực hiện một hoặc các công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm;<br>c) Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam. | | Đã công khai |
| 691 | 2.001641 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | | Đã công khai |
| 692 | 2.001737 | Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh) | 1198/QĐ-BVHTTDL | 22/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | Không | | Đã công khai |
| 693 | 2.001740 | Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh) | 1198/QĐ-BVHTTDL | 22/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | - Đối với cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm gồm: Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí; Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành; tem chống giả; hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền) phải đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>(1) Có thiết bị phù hợp để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in theo nhu cầu, khả năng hoạt động của cơ sở in và đúng với tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in;<br>(2) Có mặt bằng hợp pháp để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;<br>(3) Có chủ sở hữu là tổ chức (cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có chủ sở hữu là công dân Việt Nam) hoặc cá nhân là công dân Việt Nam và người | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 694 | 2.001628 | Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | (1) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;<br>(2) Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng);<br>(3) Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa hoặc quốc tế<br>- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.<br>- Chuyên ngành về lữ hành được thể hiện trên bằng tốt nghiệp của một trong các | | Đã công khai |
| 695 | 2.001765 | Thủ tục cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh | 1759/QĐ-BVHTTDL | 17/07/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 696 | 2.002188 | Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thể dục thể thao | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về thể dục, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 697 | 2.002738 | Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng (địa phương) | 353/QĐ-BTTTT | 26/02/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 698 | 2.002739 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng | 353/QĐ-BTTTT | 26/02/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 699 | 2.002773 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội | 2069/QĐ-BVHTTDL | 19/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | | | Đã công khai |
| 700 | 2.002772 | Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội | 2069/QĐ-BVHTTDL | 19/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 701 | 1.000028 | Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Đáp ứng các quy định tại Điều 22, Điều 24 của Thông tư số 12/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 19/2026/TT-BXD ngày 08 tháng 5 năm 2026). | | Đã công khai |
| 702 | 1.000294 | Bãi bỏ đường ngang | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cục Đường sắt Việt Nam, 120 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Tp. Hà Nội<br>Hoặc trụ sở UBND cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 703 | 1.000314 | Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác | 1139/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Khu Quản lý đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | Đấu nối tạm thời vào quốc lộ, đường địa phương đang khai thác được thực hiện trong các trường hợp sau:<br>- Làm đường công vụ phục vụ vận chuyển, khai thác vật liệu và vận chuyển thiết bị thi công xây dựng công trình; thời hạn đấu nối tạm không quá thời gian thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng;<br>- Phục vụ các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, quản lý, khai thác, sử dụng và bảo trì công trình để điều. | | Đã công khai |
| 704 | 1.000344 | Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |
| 705 | 1.000660 | Công bố đưa bến xe khách vào khai thác | 822/QĐ-BXD | 29/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Bến xe khách đưa vào khai thác phải đáp ứng yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 706 | 1.000703 | Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ | 662/QĐ-BXD | 06/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô<br>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.<br>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.<br>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách | | Đã công khai |
| 707 | 1.000672 | Công bố lại bến xe khách | 822/QĐ-BXD | 29/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Bến xe khách đưa vào khai thác phải đáp ứng yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách. | | Đã công khai |
| 708 | 1.001623 | Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe | | Đã công khai |
| 709 | 1.001322 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | 821/QĐ-BXD | 29/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đăng kiểm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 710 | 1.001296 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | 821/QĐ-BXD | 29/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đăng kiểm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | - Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 711 | 1.001319 | Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ | 1063/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đăng kiểm | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Chứng chỉ đăng kiểm viên, đăng kiểm viên | Cục Đăng kiểm Việt Nam - Số 18 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố | Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Xây dựng | Cục Đăng kiểm Việt Nam | | | | | Đã công khai |
| 712 | 1.001751 | Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Cơ sở đào tạo phải có xe tập lái đáp ứng việc đào tạo lái xe theo các hạng được phép đào tạo, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xe tập lái; đối với đơn vị có dịch vụ đào tạo và trung tâm sát hạch lái xe, trong thời gian xe sát hạch không được sử dụng để phục vụ nhu cầu sát hạch và ôn luyện, được sử dụng làm xe tập lái;<br>- Xe tập lái các hạng phải sử dụng các loại xe tương ứng với hạng giấy phép lái xe quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Trong đó: xe tập lái hạng B gồm xe sử dụng loại chuyển số tự động (bao gồm cả ô tô điện) hoặc chuyển số cơ khí (số sàn); xe tập lái hạng C1, C, D1, D2, D, BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE sử dụng loại chuyển số cơ khí (số sàn);<br>- Xe tập lái được gắn 02 biển "TẬP LÁI" trước và sau xe theo mẫu quy định tại Phụ | | Đã công khai |
| 713 | 1.001765 | Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe. | | Đã công khai |
| 714 | 1.001777 | Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Đối với Cơ sở đào tạo: Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 9 của Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe.<br>- Đối với xe tập lái: Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 94/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe. | | Đã công khai |
| 715 | 1.002636 | Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động cho các tổ chức thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng | 648/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Bộ phận Một cửa Cơ quan Bộ Xây dựng, địa chỉ: tầng 1, số 65 Quán Sứ, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội | Bộ Xây dựng | | | | Ít nhất 30 ngày trước khi hết thời hạn trong Giấy chứng nhận, tổ chức đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động có nhu cầu gia hạn. | | Đã công khai |
| 716 | 1.002798 | Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác | 1139/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Đường bộ Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Phương án tổ chức giao thông phải bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn, hiệu quả.<br><br>- Đối với đường cao tốc đã đưa vào khai thác, phương án tổ chức giao thông phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, phù hợp với kết cấu hạ tầng đường bộ đang khai thác, lưu lượng, tải trọng và các loại phương tiện tham gia giao thông trên tuyến. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 717 | 1.003570 | Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 718 | 1.003897 | Cấp lại Giấy phép lái tàu | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 719 | 1.004239 | Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ Đường thủy nội địa, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 720 | 1.004844 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 721 | 1.005021 | Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô | 822/QĐ-BXD | 29/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Bến sử dụng phà một lưỡi khi tham gia vào hoạt động vận tải chở hành khách và xe ô tô phải đáp ứng các quy định của Luật Giao thông đường thủy nội địa, Luật Đường bộ, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc cấp giấy phép hoạt động còn hiệu lực; có quy trình vận hành, khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; chỉ được phép chở hành khách, chở xe ô tô tải có tải trọng dưới 3,5 tấn và chở xe ô tô khách dưới 16 chỗ ngồi;<br>- Bến phải được bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật hiện hành; đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo pháp luật về giao thông đường thủy nội địa; phải có nơi đỗ xe ô tô chờ qua phà và nhà chờ cho hành khách ở trước bến bảo đảm lại ngoài công chắn của bến. | | Đã công khai |
| 722 | 1.004993 | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Là người đã được cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe | | Đã công khai |
| 723 | 1.005210 | Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Cơ sở đào tạo đã được cấp giấy phép đào tạo lái xe | | Đã công khai |
| 724 | 1.005058 | Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cục Đường sắt Việt Nam, 120 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Tp. Hà Nội<br>Hoặc trụ sở UBND cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 725 | 1.005071 | Sát hạch cấp giấy phép lái tàu | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 726 | 1.005126 | Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cục Đường sắt Việt Nam, 120 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Tp. Hà Nội<br>Hoặc trụ sở UBND cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 727 | 1.009459 | Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 728 | 1.009451 | Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Hàng hải và Đường thuỷ phía Bắc, Chi cục Hàng hải và Đường thuỷ phía Nam, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |
| 729 | 1.009448 | Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |
| 730 | 1.009449 | Công bố hoạt động khu neo đậu | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 731 | 1.009460 | Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 732 | 1.009465 | Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cảng vụ hàng hải, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Chi cục Hàng hải và Đường thuỷ phía Bắc, Chi cục Hàng hải và Đường thuỷ phía Nam, Sở Xây dựng, Cảng vụ Đường thủy nội địa | | | | | | Đã công khai |
| 733 | 1.009464 | Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cảng vụ hàng hải, Sở Xây dựng, Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |
| 734 | 1.009479 | Xét cấp giấy phép lái tàu | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 735 | 1.009791 | Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ) | 1092/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Quản lý chất lượng công trình xây dựng | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 736 | 1.009794 | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương | 1092/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Quản lý chất lượng công trình xây dựng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | Đã công khai |
| 737 | 1.010000 | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt | 933/QĐ-BXD | 16/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 738 | 1.012883 | Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Nhà ở đã hoàn thành việc nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng chưa bố trí sử dụng.<br>- Nhà ở chuyển đổi công năng phải đáp ứng quy định sau:<br>+ Việc chuyển đổi công năng nhà ở phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:<br>* Phải phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở cấp tỉnh đã được phê duyệt, không gây thất thoát tài sản công;<br>* Nhà ở sau khi được chuyển đổi công năng phải sử dụng hiệu quả, đúng mục đích và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nhà ở được chuyển đổi;<br>* Phải được Bộ Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận.<br>+ Yêu cầu đối với việc chuyển đổi công năng nhà ở:<br>* Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chưa hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng mà chủ đầu tư có nhu cầu điều chỉnh mục tiêu đầu tư thì thực hiện điều chỉnh | | Đã công khai |
| 739 | 1.012890 | Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Có đơn gửi UBND cấp tỉnh trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng. | | Đã công khai |
| 740 | 1.012887 | Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023 | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (gồm bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử có giá trị pháp lý các giấy tờ: văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án, quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); quyết định giao đất, cho thuê đất (nếu có) và các văn bản khác có liên quan của dự án) và các nội dung ưu đãi đã được hưởng trước đây. | | Đã công khai |
| 741 | 1.012885 | Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 742 | 1.012902 | Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn) | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | | | Đã công khai |
| 743 | 1.012893 | Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở | Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | a) Điều kiện về đối tượng được mua nhà ở:<br>- Đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc tài sản công phải là người đang thực tế sử dụng nhà ở.<br>- Người mua phải có đơn đề nghị mua nhà ở lập theo Mẫu số 03 của Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;<br>- Có hợp đồng thuê nhà ở ký với đơn vị quản lý vận hành nhà ở và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở; trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thuê nhà ở thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên ký hợp đồng mua bán nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở;<br>- Đã đóng đầy đủ tiền thuê nhà ở theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở (nếu có). | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 744 | 1.012892 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở | Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Là người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công do nhà nước bố trí sử dụng trước ngày 19/01/2007, có giấy tờ chứng minh việc được bố trí, sử dụng nhà ở và có nhu cầu thuê nhà ở.<br>- Nhà ở cho thuê không thuộc diện có tranh chấp về quyền sử dụng nhà ở hoặc không thuộc diện chiếm dụng trái pháp luật. | | Đã công khai |
| 745 | 1.012905 | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 746 | 1.012903 | Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | Đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 như sau:<br>- Dự án bất động sản phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.<br>- Dự án bất động sản phải phù hợp với quy hoạch được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về quy hoạch đô thị.<br>- Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng dự án bất động sản thực hiện theo quy định của pháp luật về: quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, nhà ở và pháp luật có liên quan.<br>- Tuân thủ giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải cấp giấy phép xây dựng.<br>- Dự án bất động sản phải được đầu tư xây dựng theo tiến độ, quy hoạch, thiết kế và trong thời hạn thực hiện dự án đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.<br>- Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, ngoài việc đáp ứng quy định nêu trên thì [illegible] | | Đã công khai |
| 747 | 1.012898 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng | Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng | | | Là người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công do nhà nước bố trí sử dụng trước ngày 19/01/2007, có hợp đồng thuê nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở. | | Đã công khai |
| 748 | 1.012901 | Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng) | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 749 | 1.012894 | Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 750 | 1.012900 | Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 751 | 1.012897 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở | 651/QĐ-BXD | 05/05/2026 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Quốc phòng, Sở Xây dựng | Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Là người đang thực tế sử dụng nhà ở cũ thuộc tài sản công do nhà nước bố trí sử dụng trước ngày 19/01/2007, có giấy tờ chứng minh việc được bố trí, sử dụng nhà ở và có nhu cầu thuê nhà ở.<br>Nhà ở cho thuê không thuộc diện có tranh chấp về quyền sử dụng nhà ở hoặc không thuộc diện chiếm dụng trái pháp luật. | | Đã công khai |
| 752 | 1.012910 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn) | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | | | | Đã công khai |
| 753 | 1.012906 | Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản. | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | | | | Đã công khai |
| 754 | 1.013071 | Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ | 1063/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đăng kiểm | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Chứng chỉ đăng kiểm viên, đăng kiểm viên | Cục Đăng kiểm Việt Nam - Số 18 Phạm Hùng, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội và Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố | Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Xây dựng | Cục Đăng kiểm Việt Nam | | | | | | Đã công khai |
| 755 | 1.012907 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác) | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | | | | Đã công khai |
| 756 | 1.013110 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | 821/QĐ-BXD | 29/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đăng kiểm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 757 | 1.013217 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | | Đã công khai |
| 758 | 1.013105 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | 821/QĐ-BXD | 29/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đăng kiểm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | Cơ sở đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp hoặc hợp tác xã được thành lập theo quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 759 | 1.013219 | Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | | Đã công khai |
| 760 | 1.013231 | Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở Xây dựng | | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 761 | 1.013224 | Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.. | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | Đã công khai |
| 762 | 1.013230 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 763 | 1.013233 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban QLDA đầu tư xây dựng khu kinh tế, Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu chế xuất- Khu công nghiệp, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 764 | 1.013222 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.. | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | Đã công khai |
| 765 | 1.013235 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình không theo tuyến/theo tuyến trong đô thị/tín ngưỡng, tôn giáo/tượng đài, tranh hoành tráng/sửa chữa, cải tạo/theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/dự án) | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban QLDA đầu tư xây dựng khu kinh tế, Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu chế xuất- Khu công nghiệp, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 766 | 1.013236 | Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 767 | 1.013274 | Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác | 1139/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 21 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ | | Đã công khai |
| 768 | 1.013259 | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ | 662/QĐ-BXD | 06/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Đáp ứng các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ | | Đã công khai |
| 769 | 1.013237 | Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | | | | | | Đã công khai |
| 770 | 1.013238 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 771 | 1.013260 | Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép | 662/QĐ-BXD | 06/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Đáp ứng các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ | | Đã công khai |
| 772 | 1.013276 | Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đấu nối vào đường cao tốc | 1139/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 và khoản 7 Điều 28 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ | | Đã công khai |
| 773 | 1.013239 | Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh | 1077/QĐ-BXD | 29/06/2026 | Bộ Xây dựng | Hoạt động xây dựng | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban QLDA đầu tư xây dựng khu kinh tế, Bộ phận Một cửa Sở Công thương, Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu chế xuất- Khu công nghiệp | | | | | | Đã công khai |
| 774 | 1.013277 | Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch | 1139/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 29 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 775 | 1.013466 | Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 776 | 1.013467 | Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng - tỉnh Quảng Ninh | | | | | | Đã công khai |
| 777 | 1.014783 | Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cấu kiện ngăn cháy, chống cháy | 649/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Vật liệu xây dựng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lưu thông là hồ sơ điện tử hoặc hồ sơ giấy. Trường hợp hồ sơ giấy thì giấy tờ, tài liệu là bản chính hoặc bản chụp kèm theo bản chính để bộ phận tiếp nhận hồ sơ đối chiếu.<br>Thông tin về thành phần hồ sơ quy định tại điểm a điều này khi đã được kết nối, chia sẻ, cập nhật trên cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc cơ sở dữ liệu chuyên ngành thì cơ quan chuyên môn về xây dựng tại tỉnh, thành phố có thẩm quyền giải quyết phải khai thác trực tuyến để giải quyết mà không được yêu cầu người đề nghị cung cấp hồ sơ giấy | | Đã công khai |
| 778 | 1.014159 | Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn | 898/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Quy hoạch đô thị và nông thôn | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |
| 779 | 1.014158 | Thủ tục phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập | 709/QĐ-BXD | 13/05/2026 | Bộ Xây dựng | Quy hoạch đô thị và nông thôn | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 780 | 1.014157 | Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập | 975/QĐ-BXD | 22/06/2026 | Bộ Xây dựng | Quy hoạch đô thị và nông thôn | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 781 | 1.014155 | Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập | 898/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Quy hoạch đô thị và nông thôn | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, Ban Quản lý Khu kinh tế, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |
| 782 | 1.013777 | Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản | 843/QĐ-BXD | 02/06/2026 | Bộ Xây dựng | Kinh doanh bất động sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 783 | 2.000769 | Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động) | 891/QĐ-BXD | 09/06/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Người có chứng chỉ bị hỏng hoặc có sự sai lệch về thông tin, bị mất có tên trong hồ sơ lưu trữ tại nơi cấp chứng chỉ. | | Đã công khai |
| 784 | 2.001802 | Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 785 | 2.002285 | Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định | 662/QĐ-BXD | 06/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Căn cứ vào danh mục mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định, biểu đồ chạy xe theo tuyến đã công bố và cập nhật trên danh mục tuyến vận tải khách cố định của Bộ Giao thông vận tải, đơn vị kinh doanh vận tải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo loại hình tuyến cố định được quyền lựa chọn giờ xuất bến và thực hiện đăng ký khai thác tuyến theo quy định. | | Đã công khai |
| 786 | 2.001921 | Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ | 1139/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Khu Quản lý đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15 và Điều 16 Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 787 | 2.002286 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi | 662/QĐ-BXD | 06/05/2026 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 788 | 2.002615 | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 789 | 2.002624 | Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 790 | 2.002616 | Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 791 | 2.002617 | Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 792 | 2.002625 | Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 793 | 1.001138 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 2796/QĐ-BYT | 03/09/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều 3 Thông tư số 17/2014/TT-BYT:<br>1. Điều kiện về tổ chức: Là tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực sơ cấp cứu chữ thập đỏ, được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<br>2. Cơ sở vật chất: có địa điểm cố định, phòng sơ cấp cứu diện tích tối thiểu 10 m2; bảo đảm vệ sinh môi trường, quản lý chất thải, phòng cháy chữa cháy; có đủ điện, nước; có biển báo, biểu tượng, cờ chữ thập đỏ; có số điện thoại liên lạc thường xuyên; có sổ ghi chép, phiếu sơ cấp cứu theo mẫu chung<br>của Hội Chữ thập đỏ.<br>3. Trang thiết bị sơ cấp cứu: bộ nẹp cố định gãy xương; bông, băng, băng ga rô, gạc, cồn sát trùng; túi cứu thương; tủ đựng dụng cụ sơ cấp cứu; cáng cứu thương; xe cứu thương (nếu có).<br>4. Nhân lực: tối thiểu 03 tình nguyện viên cấp II, trong đó 01 tình nguyện viên chuyên trách làm việc toàn thời gian tại | | Đã công khai |
| 794 | 1.001386 | Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng | 2001/QĐ-BYT | 02/07/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 795 | 1.003029 | Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B | 2962/QĐ-BYT | 24/07/2023 | Bộ Y tế | Thiết bị y tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Điều 25 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP<br>Điều kiện của tổ chức được đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế<br>1. Tổ chức được đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế bao gồm:<br>a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của Việt Nam là chủ sở hữu trang thiết bị y tế;<br>b) Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh của Việt Nam được ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế;<br>c) Văn phòng đại diện thường trú tại Việt Nam của thương nhân nước ngoài mà thương nhân đó là chủ sở hữu trang thiết bị y tế hoặc được ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế.<br>2. Tổ chức đứng tên công bố tiêu chuẩn áp dụng hoặc đăng ký lưu hành trang thiết bị y tế phải có cơ sở bảo hành tại Việt Nam hoặc phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện bảo hành trang thiết bị y tế tại | | Đã công khai |
| 796 | 1.003068 | Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT | 5229/QĐ-BYT | 29/08/2018 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Khoản 4, Điều 11. Kiểm soát thay đổi<br>Trường hợp cơ sở thử nghiệm có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản 1 Điều này, cơ sở thử nghiệm phải nộp báo cáo thay đổi kèm tài liệu kỹ thuật liên quan về Sở Y tế tại địa bàn nơi đặt địa điểm phòng thí nghiệm. Sở Y tế thực hiện đánh giá báo cáo thay đổi của cơ sở thử nghiệm. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 797 | 1.003580 | Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II | 433/QĐ-BYT | 31/01/2019 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 798 | 1.004944 | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | 1095/QĐ-BYT | 01/04/2025 | Bộ Y tế | Trẻ em | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ sở trợ giúp xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Y tế | | | | - Cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế đề nghị chấm dứt việc chăm sóc trẻ em;<br>- Trẻ em đang được chăm sóc thay thế có hành vi cố ý xâm phạm nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của cá nhân, thành viên gia đình nhận chăm sóc thay thế | | Đã công khai |
| 799 | 1.006424 | Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe | 2078/QĐ-BYT | 08/07/2026 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm. | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều 27 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm<br>- Là thực phẩm bảo vệ sức khỏe;<br>- Có Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm theo quy định hiện hành;<br>- Nội dung quảng cáo phải phù hợp với công dụng, tác dụng của sản phẩm đã được công bố trong bản công bố sản phẩm. Không sử dụng hình ảnh, thiết bị, trang phục, tên, thư tín của các đơn vị, cơ sở y tế, bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế, thư cảm ơn của người bệnh, bài viết của bác sỹ, dược sỹ, nhân viên y tế để quảng cáo thực phẩm;<br>- Phải có khuyến cáo "Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh"; chữ viết phải rõ ràng, có màu tương phản với màu nền;<br>- Quảng cáo trên báo nói, báo hình phải đọc rõ khuyến cáo "Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh". | | Đã công khai |
| 800 | 1.006780 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng | 2796/QĐ-BYT | 03/09/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 801 | 1.004946 | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em | 1095/QĐ-BYT | 01/04/2025 | Bộ Y tế | Trẻ em | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em hoặc khám bệnh, chữa bệnh các cấp hoặc cơ quan Công an các cấp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc | Bộ Công an, Công an cấp Tỉnh, Công an cấp Xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Y tế | | | | - Trẻ em cần được bảo vệ khẩn cấp (là trẻ em đang bị đe dọa hoặc bị gây tổn hại nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm hoặc cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em chính là người gây tổn hại cho trẻ em).<br>- Trẻ em bị xâm hại, có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi bởi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em; trẻ em bị xâm hại nhưng cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em từ chối thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp hoặc trẻ em bị xâm hại có nguy cơ tiếp tục bị xâm hại bởi cha mẹ, người chăm sóc trẻ em. | | Đã công khai |
| 802 | 1.008398 | Cấp lại Giấy chứng nhận được liệu đạt GACP trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng | 1803/QĐ-BYT | 19/06/2026 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 803 | 1.008395 | Đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP) | 1803/QĐ-BYT | 19/06/2026 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều 8. Các trường hợp đánh giá, đánh giá duy trì, đánh giá thay đổi, bổ sung, thu hồi Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP và hiệu lực của<br>Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP<br>1.Cơ sở đề nghị đánh giá dược liệu đạt GACP trong các trường hợp sau:<br>a)Cơ sở có dược liệu chưa được đánh giá, công bố đạt GACP hoặc cấp Giấy chứng nhận được liệu đạt GACP hoặc Phiếu tiếp nhận công bố cơ sở đạt GACP còn hiệu lực được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực;<br>b)Cơ sở có dược liệu đã được công bố hoặc cấp Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP nhưng có thay đổi, bổ sung địa điểm nuôi trồng, thu hái, khai thác dược liệu tại vùng địa lý, thổ nhưỡng, khí hậu khác với vùng trồng, thu hái, khai thác dược liệu đã đạt GACP trước đó hoặc thay đổi toàn bộ quy trình nuôi trồng, thu hái, khai thác, chế biến dược liệu. | | Đã công khai |
| 804 | 1.008397 | Đánh giá thay đổi, bổ sung việc đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP) | 1803/QĐ-BYT | 19/06/2026 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều 8. Các trường hợp đánh giá, đánh giá duy trì, đánh giá thay đổi, bổ sung, thu hồi Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP và hiệu lực của Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP.<br>3. Cơ sở đề nghị đánh giá thay đổi, bổ sung đáp ứng GACP trong thời hạn còn hiệu lực của công bố hoặc Giấy chứng nhận đạt GACP khi có các thay đổi, bổ sung trừ trường hợp thay đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. | | Đã công khai |
| 805 | 1.008396 | Đánh giá định kì việc duy trì đáp ứng Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên (GACP) | 1803/QĐ-BYT | 19/06/2026 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều 8. Các trường hợp đánh giá, đánh giá duy trì, đánh giá thay đổi, bổ sung, thu hồi Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP và hiệu lực của Giấy chứng nhận dược liệu đạt GACP.<br>2. Cơ sở đề nghị đánh giá duy trì đáp ứng GACP khi hết hạn hiệu lực đã được công bố trên Trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hoặc Giấy chứng nhận được liệu đạt GACP hết hiệu lực. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 806 | 1.009249 | Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền | 4942/QĐ-BYT | 25/11/2020 | Bộ Y tế | Thi đua, khen thưởng | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế, Sở Y tế | Bộ Y tế, Sở Y tế | | | 1. Đối với cá nhân công tác tại các cơ sở y tế<br>a) Bảo đảm các tiêu chuẩn chung quy định tại Điều 7 của Thông tư này;<br>b) Đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:<br>- Đúc kết được ít nhất 01 bài thuốc hoặc phương pháp chữa bệnh hoặc sáng kiến kỹ thuật lĩnh vực y dược cổ truyền đã được ứng dụng trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp tỉnh và được cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Y tế) hoặc cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) công nhận;<br>- Chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp bộ, cấp tỉnh hoặc chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại cấp cơ sở [illegible] | | Đã công khai |
| 807 | 1.009407 | Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế | 1145/QĐ-BYT | 08/02/2021 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 808 | 1.009346 | Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng | 5444/QĐ-BYT | 28/12/2020 | Bộ Y tế | Thi đua, khen thưởng | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế, Sở Y tế | | | | Tiêu chuẩn xét tặng cho cá nhân<br>1. Tiêu chuẩn chung:<br>a) Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước;<br>b) Có y đức trong sáng, là tấm gương tận tuy trong sự nghiệp phát triển nền Y tế dự phòng Việt Nam.<br>2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với cá nhân trong ngành y tế có thành tích xuất sắc đột xuất:<br>Có sáng kiến, giải pháp hoặc đóng góp đặc biệt xuất sắc, nổi bật, được áp dụng hiệu quả, rộng rãi trong lĩnh vực Y tế dự phòng.<br>3. Tiêu chuẩn cụ thể đối với cá nhân trong ngành y tế có thành tích cống hiến lâu dài, có thời gian công tác trong lĩnh vực Y tế dự phòng đủ 20 năm trở lên và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:<br>a) Đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Thầy thuốc Ưu tú hoặc Nhà giáo ưu tú hoặc Chiến sỹ thi đua toàn quốc và sau đó [illegible] | | Đã công khai |
| 809 | 1.012257 | Cho phép tổ chức hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt, khám bệnh, chữa bệnh lưu động thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 79 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc cá nhân khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo | 443/QĐ-BYT | 07/02/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế, Sở Y tế | | | | 1. Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt phải được thực hiện bởi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.<br>2. Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo của cá nhân phải được thực hiện bởi người hành nghề đã được cấp giấy phép hành nghề có phạm vi hành nghề phù hợp với hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.<br>3. Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh lưu động phải được thực hiện bởi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với hoạt động khám bệnh, chữa bệnh lưu động.<br>4. Điều kiện về cơ sở vật chất đối với trường hợp thực hiện khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo theo đợt hoặc lưu động, khám sức khỏe tại địa điểm không phải là địa điểm được ghi trong giấy phép hoạt [illegible] | | Đã công khai |
| 810 | 1.012261 | Đề nghị thực hiện thí điểm khám bệnh, chữa bệnh từ xa | 443/QĐ-BYT | 07/02/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | - Được thực hiện bởi người hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc một trong các hình thức tổ chức quy định tại Điều 39 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;<br>- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung khám bệnh, chữa bệnh từ xa của cơ sở;<br>- Có đủ người hành nghề theo phạm vi khám bệnh, chữa bệnh từ xa của cơ sở;<br>- Có hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên dụng, phần mềm công nghệ thông tin phù hợp với loại hình dịch vụ cung cấp và bảo đảm việc truyền tải, hiển thị, xử lý, lưu trữ dữ liệu an toàn, bảo mật. Bảo đảm thời gian lưu trữ, dự phòng dữ liệu đáp ứng quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 811 | 1.012258 | Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh | 443/QĐ-BYT | 07/02/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Y tế | | | | Điều kiện cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh (sau đây viết tắt là khám bệnh, chữa bệnh theo đợt):<br>a) Có giấy phép hành nghề do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp còn hiệu lực tại thời điểm thực hiện;<br>b) Đáp ứng điều kiện quy định về người nước ngoài vào Việt Nam học tập, lao động theo quy định của pháp luật;<br>c) Có người phiên dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, trừ trường hợp biết tiếng Việt thành thạo;<br>d) Thuốc, thiết bị y tế sử dụng phải phù hợp với phạm vi hoạt động chuyên môn mà cá nhân, tổ chức đó đề nghị; có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đã được cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài hoặc Việt Nam cấp phép lưu hành; còn thời hạn và sử [illegible] | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 812 | 1.012260 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa | 2976/QĐ-BYT | 07/10/2024 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | - Được thực hiện bởi người hành nghề của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc một trong các hình thức tổ chức quy định tại Điều 39 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;<br>- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung khám bệnh, chữa bệnh từ xa của cơ sở;<br>- Có đủ người hành nghề theo phạm vi khám bệnh, chữa bệnh từ xa của cơ sở;<br>- Có hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị chuyên dụng, phần mềm công nghệ thông tin phù hợp với loại hình dịch vụ cung cấp và bảo đảm việc truyền tải, hiển thị, xử lý, lưu trữ dữ liệu an toàn, bảo mật. Bảo đảm thời gian lưu trữ, dự phòng dữ liệu đáp ứng quy định của pháp luật. | | Đã công khai |
| 813 | 1.012256 | Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Y tế | | | | Cơ sở hướng dẫn thực hành phải đáp ứng các điều kiện sau đây:<br>a)Là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp giấy phép hoạt động phù hợp với các hình thức tổ chức của cơ sở hướng dẫn thực hành quy định tại Điều 5 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;<br>Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung thực hành theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.<br>Trường hợp không đủ các chuyên khoa theo nội dung thực hành quy định tại Điều 3 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác đáp ứng nội dung thực hành. | | Đã công khai |
| 814 | 1.012271 | Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | 1. Cấp mới giấy phép hành nghề áp dụng đối với các trường hợp sau:<br>a) Người lần đầu tiên đề nghị cấp giấy phép hành nghề quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;<br>b) Người hành nghề thay đổi chức danh chuyên môn đã được ghi trên giấy phép hành nghề quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;<br>c) Người đã được cấp giấy phép hành nghề nhưng bị thu hồi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 hoặc khoản 8 Điều 34 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;<br>d) Người hành nghề không thực hiện thủ tục gia hạn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 26 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.<br>2. Điều kiện cấp mới giấy phép hành nghề: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. | | Đã công khai |
| 815 | 1.012262 | Xếp cấp chuyên môn kỹ thuật | 443/QĐ-BYT | 07/02/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế, Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 816 | 1.012273 | Gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 2976/QĐ-BYT | 07/10/2024 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | 1. Trường hợp gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền: áp dụng đối với giấy phép hành nghề hết thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.<br>2. Điều kiện gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y: thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.<br>3. Điều kiện gia hạn giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. | | Đã công khai |
| 817 | 1.012280 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế, Cục Bà mẹ và Trẻ em, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Các trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động:<br>a) Thay đổi tên, địa chỉ (không thay đổi địa điểm), thời gian làm việc;<br>b) Thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật.<br>2. Đáp ứng theo các điều kiện quy định tại Điều 40 đến Điều 58 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.<br>3. Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn thực hiện kỹ thuật thu tinh trong ống nghiệm cần phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 10 Nghị định số 207/2025/NĐ-CP; trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề nghị bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo cần phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 13 Nghị định số | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 818 | 1.012272 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | 1. Cấp lại giấy phép hành nghề áp dụng đối với các trường hợp sau:<br>a) Giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng;<br>b) Thay đổi thông tin quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc có sai sót thông tin quy định tại khoản 3 Điều 27 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;<br>c) Người đã được cấp giấy phép hành nghề nhưng bị thu hồi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 9 Điều 34 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;<br>d) Giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;<br>2. Điều kiện cấp lại giấy phép hành nghề: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. | | Đã công khai |
| 819 | 1.012281 | Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe, khám và điều trị HIV/AIDS | 1330/QĐ-BYT | 18/04/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Doanh nghiệp, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Y tế | | | | | | | Đã công khai |
| 820 | 1.012278 | Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế, Sở Y tế | | | | Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 49 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.<br>Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 40 đến Điều 58 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. | | Đã công khai |
| 821 | 1.012275 | Đăng ký hành nghề | 443/QĐ-BYT | 07/02/2025 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | | Đã công khai |
| 822 | 1.012276 | Thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 823 | 1.012279 | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Phòng bệnh - Bộ Y tế, Cục Quản lý Khám chữa bệnh - Bộ Y tế, Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế, Sở Y tế | | | | | | | Đã công khai |
| 824 | 1.012292 | Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Có<br>- Khoản 2 Điều 33 Luật Khám Bệnh, chữa bệnh:<br>a)Đã hoàn thành chương trình đào tạo về chuyên môn kỹ thuật phù hợp với phạm vi hành nghề đề nghị điều chỉnh do cơ sở đào tạo, bệnh viện cấp;<br>b)Đáp ứng yêu cầu về thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với một số lĩnh vực chuyên môn;<br>c)Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 20 của Luật này.<br>- Khoản 2 Điều 135 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP: Điều kiện cấp lại giấy phép hành nghề:<br>a)Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 nhưng trong phạm vi hành nghề chưa có chuyên khoa và đề nghị bổ sung thêm chuyên khoa vào phạm vi hành nghề phải đáp ứng các điều kiện quy định | | Đã công khai |
| 825 | 1.012289 | Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện cấp mới giấy phép hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện và tâm lý lâm sàng bao gồm:<br>a) Có văn bằng chuyên môn theo quy định tại Điều 127 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP hoặc giấy phép hành nghề đã được thừa nhận theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP phù hợp với chức danh đề nghị cấp mới giấy phép hành nghề;<br>b) Có đủ sức khỏe để hành nghề;<br>c) Biết tiếng Việt thành thạo theo quy định tại Điều 138 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP hoặc có người phiên dịch đáp ứng quy định tại Điều 139 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP đối với trường hợp người nước ngoài không biết tiếng Việt thành thạo;<br>d) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành nghề khám bệnh, chữa bệnh | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 826 | 1.012290 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Khoản 2 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP: Điều kiện cấp lại giấy phép hành nghề:<br>a)Điều kiện cấp lại giấy phép hành nghề thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;<br>b)Chứng chỉ hành nghề được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 thuộc trường hợp cấp lại quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP được cấp lại thành giấy phép hành nghề theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 và Nghị định số 96/2023/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 827 | 1.012291 | Gia hạn giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 1629/QĐ-BYT | 05/06/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh. | | Đã công khai |
| 828 | 1.012418 | Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 829 | 1.012990 | Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành công tác xã hội | 970/QĐ-BYT | 21/03/2025 | Bộ Y tế | Bảo trợ xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ sở trợ giúp xã hội | | | | - Việc thực hành phải phù hợp với văn bằng chuyên môn được cấp;<br>- Thực hiện tại các đơn vị, cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội (cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và cơ sở khác theo quy định của pháp luật) có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung thực hành;<br>- Thời gian thực hành đối với trình độ đại học trở lên từ đủ 12 tháng, trình độ cao đẳng từ đủ 09 tháng, trình độ trung cấp từ đủ 06 tháng tại cơ sở có cung cấp dịch vụ công tác xã hội;<br>- Người hướng dẫn thực hành phải đáp ứng các điều kiện: Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với nội dung, lĩnh vực thực hành công tác xã hội; có thời gian làm việc tại đơn vị, cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội từ 3 năm trở lên; có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành.<br>- Một người hướng dẫn thực hành chỉ | | Đã công khai |
| 830 | 1.012993 | Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài | 970/QĐ-BYT | 21/03/2025 | Bộ Y tế | Bảo trợ xã hội | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | | Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có giấy phép hành nghề công tác xã hội còn hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp được thừa nhận theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là bên ký kết.<br>Trừ những trường hợp sau đây thì không cần thực hiện thủ tục đăng ký hành nghề công tác xã hội: Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có giấy phép hành nghề công tác xã hội do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp thực hiện công tác xã hội tại Việt Nam cho đối tượng theo đợt, hợp tác đào tạo và thực hành công tác xã hội hoặc chuyển giao kỹ thuật chuyên môn trong thực hành công tác xã hội. | | Đã công khai |
| 831 | 1.012419 | Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 1463/QĐ-BYT | 29/05/2024 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Không | | Đã công khai |
| 832 | 1.012417 | Cấp lại giấy chứng nhận lương y | 1463/QĐ-BYT | 29/05/2024 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Không | | Đã công khai |
| 833 | 1.012416 | Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Điều kiện thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận lương y như sau:<br>1. Điều kiện được cấp giấy chứng nhận lương y đối với đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.<br>Người có giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề được cấp theo quy định của Pháp lệnh Hành nghề y, dược tư nhân; trong đó phạm vi hành nghề là khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền nhưng không phải là bác sỹ, y sỹ y học cổ truyền và chưa được cấp giấy chứng nhận lương y.<br>2. Điều kiện được cấp giấy chứng nhận lương y đối với đối tượng quy định Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024.<br>a) Có thời gian khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hợp pháp từ đủ 30 năm trở lên:<br>- Nếu người khám bệnh, chữa bệnh tại Trạm y tế cấp xã thì phải được Trưởng | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 834 | 1.012422 | Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú" | 2077/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Thi đua, khen thưởng | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Y tế, Chủ tịch nước, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Thầy thuốc ưu tú"<br>1. Cá nhân không thuộc đối tượng tại khoản 4 Điều này phải đạt các tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, b và c khoản 3 Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng, có tài năng xuất sắc trong nghiên cứu, phát triển khoa học, kỹ thuật, công nghệ về y tế, đạt được một trong các tiêu chuẩn sau:<br>a) Chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên;<br>b) Là thành viên nghiên cứu chính thực hiện ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên;<br>c) Là thư ký ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, tỉnh đã được nghiệm thu, kết quả đánh giá, xếp loại ở mức đạt trở lên;<br>d) Là thành viên nghiên cứu chính thực | | | Đã công khai |
| 835 | 1.013034 | Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng | 3555/QĐ-BYT | 25/11/2024 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh | | | | Người đề nghị cấp Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng cần đáp ứng các tiêu chuẩn sau:<br>- Người từ đủ 18 tuổi trở lên;<br>- Tự nguyện tham gia các biện pháp can thiệp giảm tác hại;<br>- Đã được tập huấn kiến thức về các biện pháp can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV. | | | Đã công khai |
| 836 | 1.013035 | Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV | 3555/QĐ-BYT | 25/11/2024 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 837 | 1.013037 | Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | 3555/QĐ-BYT | 25/11/2024 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 838 | 1.013036 | Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế | 3555/QĐ-BYT | 25/11/2024 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Hợp tác xã, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 839 | 1.013817 | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội | 2072/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Bảo trợ xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | | 1. Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội được cấp lại đối với một trong các trường hợp sau đây:<br>- Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội bị mất hoặc hư hỏng.<br>- Thay đổi thông tin hoặc có sai sót thông tin quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 38 của Nghị định số 110/2024/NĐ-CP (gồm: (i) Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quốc tịch; số định danh cá nhân hoặc số căn cước, số hộ chiếu; (ii) Nội dung hành nghề công tác xã hội; (iii) Thời hạn của giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội).<br>- Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội hết thời hạn (thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội là 5 năm).<br>2. Người hành nghề công tác xã hội phải thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề trước ít nhất 15 ngày làm việc trước thời điểm giấy chứng nhận đăng ký hành nghề hết hạn. | | | Đã công khai |
| 840 | 1.013864 | Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | 2093/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Y tế | | | | Người được xác định bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>1. Bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.<br>2. Có kết quả xét nghiệm HIV dương tính do cơ sở xét nghiệm HIV đủ điều kiện khẳng định HIV dương tính thực hiện. Mẫu máu sử dụng xét nghiệm phải lấy từ người bị phơi nhiễm với HIV tại thời điểm từ đủ 30 ngày đến trước 180 ngày kể từ thời điểm bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp. | | | Đã công khai |
| 841 | 1.013860 | Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp | 2093/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Người được xác định bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>1. Khi đang thi hành nhiệm vụ bị một trong các tai nạn sau:<br>a) Bị máu, chế phẩm máu hoặc dịch cơ thể người nhiễm HIV tiếp xúc trực tiếp với niêm mạc hoặc vùng da bị tổn thương;<br>b) Bị máu, chế phẩm máu hoặc dịch cơ thể người không xác định được tình trạng nhiễm HIV tiếp xúc trực tiếp với niêm mạc hoặc vùng da bị tổn thương.<br>2. Có kết quả xét nghiệm HIV âm tính do cơ sở xét nghiệm theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh thực hiện. Mẫu máu sử dụng xét nghiệm HIV phải lấy từ người bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp trong thời gian 72 giờ kể từ thời điểm xảy ra tai nạn quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2023/QĐ-TTg ngày 22/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ. | | | Đã công khai |
| 842 | 1.013870 | Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>- Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 843 | 1.013867 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký lưu hành:<br>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính công ích: theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.<br>- Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 844 | 1.013866 | Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.. | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký lưu hành:<br>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính công ích: theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.<br>- Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 845 | 1.013865 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét nghiệm. | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 846 | 1.013869 | Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính. | 2093/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Sở Y tế Thành phố Đồng Nai | | | | | | Đã công khai |
| 847 | 1.013868 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất. | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký lưu hành:<br>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính công ích: theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.<br>- Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 848 | 1.013873 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính. | 2093/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Y tế Thành phố Đồng Nai, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | | | | Đã công khai |
| 849 | 1.013874 | Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký lưu hành:<br>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính công ích: theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.<br>- Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 850 | 1.013875 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 851 | 1.013872 | Thông báo thay đổi nội dung, hình thức nhãn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>- Yêu cầu đối với hồ sơ thông báo bổ sung nội dung, hình thức nhãn đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 852 | 1.013880 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 853 | 1.013884 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn. | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 854 | 1.013890 | Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động | 2093/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức hoạt động quan trắc môi trường lao động bảo đảm điều kiện sau đây:<br>1. Đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp cung ứng dịch vụ quan trắc môi trường lao động.<br>2. Có đủ nhân lực thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động như sau:<br>a) Người trực tiếp phụ trách quan trắc môi trường lao động có trình độ như sau:<br>- Trình độ từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực y tế, môi trường, hóa sinh;<br>- Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường lao động hoặc 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực y học dự phòng;<br>- Có chứng chỉ đào tạo về quan trắc môi trường lao động.<br>b) Có ít nhất 05 người làm việc theo hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc hợp đồng không xác định thời hạn có trình độ như sau:<br>- Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên | | Đã công khai |
| 855 | 1.013889 | Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Không | | Đã công khai |
| 856 | 1.013881 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 857 | 1.013878 | Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III. | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 858 | 1.013879 | Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính. | 2093/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | | | | Đã công khai |
| 859 | 1.013883 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đề nghị cấp phép nhập khẩu đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 860 | 1.013886 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 861 | 1.013892 | Đình chỉ lưu hành, thu hồi số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | 2093/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 862 | 1.013887 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký lưu hành:<br>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính công ích: theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.<br>- Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 863 | 1.013891 | Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký lưu hành:<br>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính công ích: theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.<br>- Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 864 | 1.014010 | Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân | 2179/QĐ-BYT | 30/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Y tế | | | | a) Cơ sở trợ giúp xã hội khác do tổ chức, cá nhân Việt Nam thành lập, không sử dụng ngân sách nhà nước, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật.<br>b) Đối với cơ sở đăng ký cung cấp dịch vụ lưu trú thì phải đáp ứng điều kiện sau:<br>- Cơ sở vật chất:<br>+ Địa điểm: có địa chỉ rõ ràng, hợp pháp, phù hợp quy hoạch, bảo đảm an toàn; được phép đặt tại nhà dân, cơ sở thuê, mượn, bảo đảm sức khỏe cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người dưới 18 tuổi đi cùng;<br>+ Diện tích sử dụng: diện tích lưu trú tối thiểu 10 m²/người; bố trí không gian sinh hoạt chung, khu vệ sinh, khu tiếp nhận, linh hoạt theo khả năng;<br>+ Trang thiết bị tối thiểu: có giường hoặc chỗ nằm riêng, dụng cụ sinh hoạt cá nhân; có hệ thống chiếu sáng, quạt hoặc điều hòa, bảo đảm vệ sinh, thoáng khí;<br>+ Yêu cầu an toàn: bảo đảm an toàn điện, | | Đã công khai |
| 865 | 1.013895 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế . | 1684/QĐ-BYT | 10/06/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Yêu cầu đối với hồ sơ đăng ký lưu hành:<br>- Đối với hồ sơ nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính công ích: theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 155/2018/NĐ-CP và Nghị định số 129/2024/NĐ-CP.<br>- Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến: theo quy định tại Điều 52 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP.<br>Điều kiện đối với chế phẩm đăng ký lưu hành: theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 91/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 866 | 1.013893 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất. | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 867 | 1.014069 | Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kê thuốc. | 2257/QĐ-BYT | 08/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | 1. Cơ sở có đăng ký kinh doanh;<br>2. Cơ sở có điều kiện bảo quản thuốc phù hợp với điều kiện bảo quản ghi trên nhãn thuốc, có người chịu trách nhiệm chuyên môn có văn bằng chuyên môn sơ cấp dược trở lên và chỉ được bán thuốc thuộc Danh mục thuốc được bán tại kê thuốc tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 31/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết một số Điều của Luật Dược và Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược. | | Đã công khai |
| 868 | 1.014037 | Thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu | 2237/QĐ-BYT | 04/07/2025 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền - Bộ Y tế, Sở Y tế | | | | 1. Đối tượng công bố:<br>1. Vị thuốc cổ truyền, dược liệu phải công bố tiêu chuẩn chất lượng trước khi lưu hành thuốc một trong các trường hợp sau:<br>a) Vị thuốc cổ truyền, dược liệu chưa có tiêu chuẩn chất lượng quy định trong dược điển Việt Nam hoặc dược điển tham chiếu quy định tại Điều 4 Thông tư này;<br>b) Vị thuốc cổ truyền, dược liệu có tiêu chuẩn chất lượng quy định trong dược điển Việt Nam hoặc dược điển tham chiếu quy định tại Điều 4 Thông tư này nhưng cơ sở muốn công bố chỉ tiêu chất lượng và mức chất lượng cao hơn quy định tại dược điển.<br>2. Yêu cầu, điều kiện về thành phần hồ sơ:<br>a) Bản công bố chất lượng vị thuốc cổ truyền, dược liệu theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 32/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025;<br>b) Phiếu kiểm nghiệm vị thuốc cổ truyền, dược liệu đạt theo tiêu chuẩn chất lượng công bố do cơ sở kiểm nghiệm nhà nước | | Đã công khai |
| 869 | 1.014076 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 2014/QĐ-BYT | 03/07/2026 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | 1. Điểm c, d khoản 1 điều 33 Luật Dược:<br>c)Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc phải có địa điểm, kho bảo quản thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>d)Cơ sở bán lẻ thuốc phải có địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc; đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 của Luật Dược;<br>2. Khoản 2 Điều 33 Luật Dược:<br>2. Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược và vị trí công việc quy định tại Điều 11 của Luật Dược phải có Chứng chỉ hành nghề dược phù hợp với cơ sở kinh doanh dược quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Dược | | Đã công khai |
| 870 | 1.014078 | Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Y tế | | | | 1. Các thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn hạn dùng còn lại quy định tại điểm a, b và c khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 75 của Nghị định số 163/2025/NĐ-CP nhưng cần thiết cho nhu cầu sử dụng trong sản xuất, phòng và điều trị bệnh.<br>2. Cơ sở đề nghị là một trong các cơ sở sau: a) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược, phạm vi: xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc hoặc sản xuất thuốc. b) Cơ sở đã được cấp giấy phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 871 | 1.014087 | Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Y tế | | | | Cơ sở kinh doanh doanh dược, các cơ sở không thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (trừ trường hợp cơ sở mua thuốc theo kết quả trúng thầu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt) là cơ sở kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc của Nhà nước mua thuốc để phục vụ hoạt động kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại cơ sở; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở tiêm chủng và cơ sở y tế khác, cơ sở cai nghiện ma túy mua thuốc để phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; tổ chức khoa học và công nghệ mua thuốc để phục vụ hoạt động nghiên cứu của cơ sở; cơ sở đào tạo có hoạt động nghiên cứu, giảng dạy liên quan đến dược mua thuốc để phục vụ hoạt động nghiên cứu, giảng dạy của cơ sở | | Đã công khai |
| 872 | 1.014092 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược cho người bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật Dược) theo hình thức xét hồ sơ | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề dược<br>1. Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận chuyên môn (sau đây gọi chung là văn bằng chuyên môn) được cấp hoặc công nhận tại Việt Nam phù hợp với vị trí công việc và cơ sở kinh doanh dược bao gồm:<br>a) Bằng tốt nghiệp đại học ngành dược (sau đây gọi là Bằng dược sỹ);<br>b) Bằng tốt nghiệp đại học ngành y đa khoa;<br>c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành y học cổ truyền hoặc đại học ngành dược cổ truyền;<br>d) Bằng tốt nghiệp đại học ngành sinh học;<br>đ) Bằng tốt nghiệp đại học ngành hóa học;<br>e) Bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành dược;<br>g) Bằng tốt nghiệp trung cấp ngành dược;<br>h) Bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành y;<br>i) Bằng tốt nghiệp trung cấp y học cổ truyền hoặc dược cổ truyền;<br>k) Văn bằng, chứng chỉ sơ cấp dược;<br>l) Giấy chứng nhận về lương y, giấy chứng nhận về bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận bài | | Đã công khai |
| 873 | 1.014090 | Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Y tế | | | | 1. Thuốc được nhập khẩu theo hình thức nhập khẩu không vì mục đích thương mại khi thuộc một trong các trường hợp sau:<br>a) Thuộc hành lý cá nhân của người nhập cảnh gửi theo vận tải đơn hoặc hàng hóa mang theo người của người nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh;<br>b) Không phải là thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất và thuộc hàng hóa của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam hoặc cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài, những người làm việc tại các cơ quan, tổ chức này hoặc các tổ chức được cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam, cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước ngoài giới thiệu.<br>2. Các thuốc quy định tại khoản 1 được nhập khẩu mà không cần cấp phép nhập khẩu khi thuộc một trong các trường hợp ..... | | Đã công khai |
| 874 | 1.014099 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 875 | 1.014101 | Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng có thay đổi phạm vi hành nghề, hình thức cấp Chứng chỉ hành nghề dược hoặc thông tin của người được cấp Chứng chỉ hành nghề dược<br>Điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề dược<br>1. Có văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận chuyên môn (sau đây gọi chung là văn bằng chuyên môn) được cấp hoặc công nhận tại Việt Nam phù hợp với vị trí công việc và cơ sở kinh doanh dược bao gồm:<br>a) Bằng tốt nghiệp đại học ngành dược (sau đây gọi là Bằng dược sỹ);<br>b) Bằng tốt nghiệp đại học ngành y đa khoa;<br>c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành y học cổ truyền hoặc đại học ngành dược cổ truyền;<br>d) Bằng tốt nghiệp đại học ngành sinh học;<br>đ) Bằng tốt nghiệp đại học ngành hóa học;<br>e) Bằng tốt nghiệp cao đẳng ngành dược;<br>g) Bằng tốt nghiệp trung cấp ngành dược;<br>h) Bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp ngành y; | | Đã công khai |
| 876 | 1.014102 | Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động | 2014/QĐ-BYT | 03/07/2026 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):<br>1. Cơ sở tổ chức bán lẻ thuốc lưu động bao gồm:<br>a)Cơ sở sản xuất thuốc;<br>b)Cơ sở bán buôn thuốc;<br>c)Cơ sở bán lẻ thuốc;<br>d)Cơ sở y tế thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y có hoạt động cung ứng thuốc tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;<br>đ) Cơ sở tổ chức chuỗi nhà thuốc.<br>2. Người bán lẻ thuốc lưu động phải là nhân viên của cơ sở quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 163/2025/NĐ-CP và có một trong các văn bằng chuyên môn quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 13 của Luật Dược.<br>3.Thuốc bán lẻ lưu động phải được bảo quản bằng các phương tiện, thiết bị bảo | | Đã công khai |
| 877 | 1.014100 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ (trường hợp bị hư hỏng hoặc bị mất) | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Chứng chỉ hành nghề dược đã được cấp bị mất hoặc hư hỏng | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 878 | 2.000025 | Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân | 2179/QĐ-BYT | 30/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Y tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. | | | a) Cơ sở vật chất:<br>- Địa điểm: có địa chỉ rõ ràng, hợp pháp, phù hợp quy hoạch, bảo đảm an toàn; được phép đặt tại nhà dân, cơ sở thuê, mượn, bảo đảm sức khỏe cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người dưới 18 tuổi đi cùng;<br>- Diện tích sử dụng: diện tích lưu trú tối thiểu 10 m²/người; bố trí không gian sinh hoạt chung, khu vệ sinh, khu tiếp nhận, linh hoạt theo khả năng;<br>- Trang thiết bị tối thiểu: có giường hoặc chỗ nằm riêng, dụng cụ sinh hoạt cá nhân; có hệ thống chiếu sáng, quạt hoặc điều hòa, bảo đảm vệ sinh, thoáng khí;<br>- Yêu cầu an toàn: bảo đảm an toàn điện, nước, phòng chống cháy nổ; có nội quy, sơ đồ thoát hiểm đơn giản, dễ hiểu.<br>b) Nhân sự:<br>- Người quản lý cơ sở (bắt buộc): có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có trình độ tối thiểu từ cao đẳng trở lên, ưu tiên các | | Đã công khai |
| 879 | 2.000027 | Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân | 2179/QĐ-BYT | 30/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Y tế, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. | | | a) Đối với trường hợp cấp lại: Giấy phép thành lập bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy do hỏa hoạn, thiên tai.<br>b) Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:<br>- Thay đổi người quản lý cơ sở;<br>- Thay đổi địa điểm đặt trụ sở;<br>- Thay đổi tên gọi, phạm vi hoạt động, dịch vụ hỗ trợ. | | Đã công khai |
| 880 | 2.000552 | Cấp lại Giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm | 2796/QĐ-BYT | 03/09/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Trạm, điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 17/2014/TT-BYT tại địa điểm mới | | Đã công khai |
| 881 | 2.000655 | Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng | 433/QĐ-BYT | 31/01/2019 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 882 | 2.000559 | Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ | 2796/QĐ-BYT | 03/09/2026 | Bộ Y tế | Khám bệnh, chữa bệnh | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều 4 Thông tư số 17/2014/TT-BYT:<br>1. Điều kiện về tổ chức: là tổ chức có tư cách pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực sơ cấp cứu chữ thập đỏ, được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<br>2. Cơ sở vật chất: có địa điểm cố định, phòng sơ cấp cứu diện tích tối thiểu 6 m2; có biển báo, biểu tượng, cờ chữ thập đỏ; có số điện thoại liên lạc thường xuyên; có sổ ghi chép, phiếu sơ cấp cứu theo mẫu chung của Hội Chữ thập đỏ.<br>3. Trang, thiết bị sơ cấp cứu: bộ nẹp cố định gãy xương; bông, băng, băng ga rô, cồn sát trùng, gạc; túi cứu thương; cáng cứu thương.<br>4. Nhân lực: tối thiểu 02 tình nguyện viên cấp 1 làm việc tại điểm.<br>5. Địa điểm đặt điểm sơ cấp cứu phải thuận tiện giao thông, nơi thường xuyên xảy ra tai nạn để kịp thời thực hiện sơ cấp cứu. | | Đã công khai |
| 883 | 2.000993 | Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải | 2001/QĐ-BYT | 02/07/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, Trung tâm kiểm dịch Y tế Quốc tế | | | | | | Đã công khai |
| 884 | 2.000972 | Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt | 2001/QĐ-BYT | 02/07/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Người nước ngoài đã cư trú tại Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Trung tâm Kiểm dịch Y tế quốc tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 885 | 2.000981 | Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa | 2001/QĐ-BYT | 02/07/2026 | Bộ Y tế | Phòng bệnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm kiểm dịch Y tế Quốc tế | | | | 1. Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025.<br>2. Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh.<br>3. Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 118/2025/NĐ-CP thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.<br>4. Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải | | Đã công khai |
| 886 | 3.000447 | Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối với thiết bị y tế loại A, B | 2075/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Thiết bị y tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | Loại khác | | | Sở Y tế | | | | Yêu cầu đối với một số giấy tờ trong bộ hồ sơ:<br>Văn bản đề nghị tiếp tục lưu hành thiết bị y tế và cam kết chịu trách nhiệm bảo hành, bảo dưỡng, cung cấp vật tư phục vụ cho việc sử dụng thiết bị y tế theo Mẫu số 01 tại Phần 6 Phụ lục IV Nghị định số 148/2025/NĐ-CP;<br>Điều kiện xử lý đối với các thiết bị y tế khi chủ sở hữu thiết bị y tế hoặc chủ sở hữu số lưu hành thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc bị phá sản, giải thể<br>1. Thiết bị y tế đã được cấp số lưu hành nhưng chủ sở hữu thiết bị y tế tuyên bố không tiếp tục sản xuất hoặc bị phá sản, giải thể được tiếp tục lưu hành trong thời gian tối đa không quá 24 tháng, kể từ thời điểm chủ sở hữu thiết bị y tế tuyên bố không tiếp tục sản xuất hoặc bị phá sản, giải thể nếu chủ sở hữu số lưu hành tại Việt Nam có cam kết chịu trách nhiệm bảo hành, bảo dưỡng cũng như cung cấp các vật tư để thay thế hoặc phục vụ cho việc sử | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 887 | 1.004614 | Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:<br>(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;<br>(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;<br>(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế. Hướng dẫn viên du lịch tại điểm đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.<br>(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch | | Đã công khai |
| 888 | 1.004623 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;<br>(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;<br>(4) Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. | | Đã công khai |
| 889 | 1.004628 | Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | (1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;<br>(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;<br>(4) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;<br>(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề: đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:<br>- Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên ngành ngôn ngữ hoặc tiếng nước ngoài, ngành phiên dịch tiếng nước ngoài, ngành sư phạm tiếng nước ngoài;<br>- Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ hoặc tiếng nước ngoài. Trường hợp văn bằng hoặc phụ lục văn bằng không thể hiện ngôn ngữ đào tạo, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngoại ngữ được sử dụng để | | Đã công khai |
| 890 | 1.014958 | Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | Đã công khai |
| 891 | 2.002850 | Cấp lại văn bằng, chứng chỉ | 754/QĐ-BGDĐT | 31/03/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Văn bằng, chứng chỉ | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ sở giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | Văn bằng, chứng chỉ đã cấp nhưng phát hiện bị viết sai do lỗi của cơ quan cấp văn bằng, chứng chỉ. | | Đã công khai |
| 892 | 2.002848 | Hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện | 1847/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Cục Biến đổi khí hậu - Bộ NN và MT | Biến đổi khí hậu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện. | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Chủ tài khoản đăng ký trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon sở hữu tín chỉ các-bon trên tiểu khoản Đăng ký chung có nhu cầu hủy đăng ký tín chỉ các-bon tự nguyện gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. | | Đã công khai |
| 893 | 2.002849 | Chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon | 1847/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Cục Biến đổi khí hậu - Bộ NN và MT | Biến đổi khí hậu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao thực hiện. | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Cơ quan, tổ chức sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà, tín chỉ các-bon có tài khoản đăng ký trên Hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon có nhu cầu chuyển quyền sở hữu hạn ngạch phát thải khí nhà kính, tín chỉ các-bon ngoài hệ thống giao dịch các-bon gửi hồ sơ tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh từ ngày 01 tháng 8 năm 2026. | | Đã công khai |
| 894 | 1.010774 | Cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng "Tổ quốc ghi công" mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước | 556/QĐ-BNV | 21/05/2026 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Nội vụ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | Đủ điều kiện, tiêu chuẩn xem xét công nhận. | | Đã công khai |
| 895 | 1.014111 | Thi tuyển công chức | 958/QĐ-BNV | 14/08/2026 | Bộ Nội vụ | Công chức, viên chức | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Các tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Quốc hội | | | | a) Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức<br>Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức thực hiện theo quy định tại Điều 19 Luật Cán bộ, công chức. Cơ quan sử dụng công chức xác định các điều kiện theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển quy định tại điểm e khoản 1 Điều 19 Luật Cán bộ, công chức, nhưng không thấp hơn các tiêu chuẩn chung, không được trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo và bảo cáo bằng văn bản để cơ quan quản lý công chức xem xét, quyết định.<br>b) Ưu tiên trong tuyển dụng công chức<br>- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm thi hoặc xét nghiệp vụ chuyên ngành.<br>- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 896 | 1.001432 | Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa | 1225/QĐ-BVHTTDL | 26/05/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:<br>(1) Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;<br>(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>(3) Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;<br>(4) Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;<br>(5) Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:<br>- Có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên | | Đã công khai |
| 897 | 1.003868 | Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh | 2302/QĐ-BVHTTDL | 02/07/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 898 | 1.014967 | Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Văn phòng Bộ | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành.<br>2. Phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Nếu trên một phương tiện có nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau thì phương tiện phải dán đủ biểu trưng của các loại hàng hóa đó. Vị trí dán biểu trưng ở hai bên, phía trước và phía sau của phương tiện bảo đảm dễ quan sát, nhận biết.<br>3. Phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, sau khi dỡ hết hàng hóa nguy hiểm nếu không tiếp tục vận tải loại hàng hóa đó thì người vận tải, lái xe phải có trách | | Đã công khai |
| 899 | 1.014968 | Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Văn phòng Bộ | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành.<br>2. Phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Nếu trên một phương tiện có nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau thì phương tiện phải dán đủ biểu trưng của các loại hàng hóa đó. Vị trí dán biểu trưng ở hai bên, phía trước và phía sau của phương tiện bảo đảm dễ quan sát, nhận biết.<br>3. Phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, sau khi dỡ hết hàng hóa nguy hiểm nếu không tiếp tục vận tải loại hàng hóa đó thì người vận tải, lái xe phải có trách | | Đã công khai |
| 900 | 1.014969 | Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9 | 1213/QĐ-BCT | 22/05/2026 | Văn phòng Bộ | Vận chuyển hàng hóa nguy hiểm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Phương tiện vận chuyển phải đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật. Thiết bị chuyên dùng của phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải bảo đảm tiêu chuẩn quốc gia hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc theo quy định của bộ quản lý chuyên ngành.<br>2. Phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 51 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Nếu trên một phương tiện có nhiều loại hàng hóa nguy hiểm khác nhau thì phương tiện phải dán đủ biểu trưng của các loại hàng hóa đó. Vị trí dán biểu trưng ở hai bên, phía trước và phía sau của phương tiện bảo đảm dễ quan sát, nhận biết.<br>3. Phương tiện vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, sau khi dỡ hết hàng hóa nguy hiểm nếu không tiếp tục vận tải loại hàng hóa đó thì người vận tải, lái xe phải có trách | | Đã công khai |
| 901 | 1.002099 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư | 1262/QĐ-BTP | 14/05/2026 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư Pháp | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 902 | 1.014662 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Cá nhân đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.<br>2. Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm làm việc phù hợp với từng loại hình dịch vụ tương ứng theo quy định về Đào tạo an toàn bức xạ; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và Kiểm xa, tẩy xạ, đánh giá hoạt độ phóng xạ, lắp đặt nguồn phóng xạ, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ, đo liều chiếu xạ cá nhân, kiểm định thiết bị bức xạ, hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ hoặc thử nghiệm thiết bị bức xạ tại Điều 72 và Điều 73 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP.<br>3. Có giấy chứng nhận đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ được cấp bởi cơ sở đào tạo do cơ quan có thẩm quyền cho phép đối với các loại hình dịch vụ từ điểm b đến điểm i khoản 2 Điều 21 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP.<br>Trường hợp [illegible] | | Đã công khai |
| 903 | 1.014675 | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Điều kiện về nhân lực : Có người phụ trách an toàn bức xạ. Người phụ trách an toàn bức xạ phải có Chứng chỉ nhân viên bức xạ.<br>2. Điều kiện về bảo đảm an toàn, an ninh<br>a) Tuân thủ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và công chúng, bảo đảm mức liều chiếu xạ trong điều kiện làm việc bình thường đối với nhân viên bức xạ, công chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; thiết lập khu vực kiểm soát và khu vực giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 332/2025/NĐ-CP; có nội quy an toàn bức xạ phù hợp với công việc bức xạ, bao gồm: các quy định về tuân thủ quy trình làm việc và chỉ dẫn an toàn, sử dụng trang thiết bị bảo hộ cá nhân, thiết bị ghi đo bức xạ và liều kế cá nhân, trách nhiệm thông báo khi có hiện tượng bất thường có thể gây mất an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ; | | Đã công khai |
| 904 | 1.014987 | Thủ tục thẩm định công nghệ trong trường hợp đặc thù. | 2080/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Cục Đổi mới sáng tạo | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 905 | 1.014988 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ | 2580 | 27/05/2026 | Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | 1. Có ít nhất 02 chuyên gia có trình độ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, có kinh nghiệm làm việc từ 01 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá.<br>2. Có phương pháp, quy trình đánh giá công nghệ do tổ chức ban hành. | | Đã công khai |
| 906 | 1.014989 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ | 2580 | 27/05/2026 | Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trường hợp bổ sung lĩnh vực công nghệ đánh giá, phải có ít nhất 02 chuyên gia có trình độ đại học trở lên chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần đánh giá, có kinh nghiệm làm việc từ 01 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần đánh giá. | | Đã công khai |
| 907 | 1.014991 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ | 2580 | 27/05/2026 | Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế đối với giám định chuyên ngành.<br>2. Có ít nhất 02 giám định viên chính thức trong lĩnh vực công nghệ giám định của tổ chức (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện:<br>a) Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định;<br>b) Có kinh nghiệm làm việc từ 01 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần giám định. | | Đã công khai |
| 908 | 1.014992 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ | 2580 | 27/05/2026 | Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trường hợp bổ sung lĩnh vực công nghệ giám định, phải có ít nhất 02 giám định viên trong lĩnh vực công nghệ giám định (viên chức hoặc lao động ký hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên hoặc lao động ký hợp đồng không xác định thời hạn), đáp ứng điều kiện:<br>a) Tốt nghiệp đại học trở lên với chuyên ngành đào tạo phù hợp với lĩnh vực công nghệ cần giám định;<br>b) Có kinh nghiệm làm việc từ 01 năm trở lên trong lĩnh vực công nghệ cần giám định. | | Đã công khai |
| 909 | 1.014965 | Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân | 813/QĐ-BTP | 20/03/2026 | Bộ Tư pháp | Quản tài viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 910 | 1.014966 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề | 813/QĐ-BTP | 20/03/2026 | Bộ Tư pháp | Quản tài viên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư Pháp | | | | Người đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này và lý do bị thu hồi chứng chỉ không còn. | | Đã công khai |
| 911 | 1.014916 | Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên ) | 2636/QĐ-BKHCN | 02/06/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 912 | 1.014917 | Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) | 2636/QĐ-BKHCN | 02/06/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 913 | 1.014918 | Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) | 2636/QĐ-BKHCN | 02/06/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 914 | 1.014919 | Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên) | 2636/QĐ-BKHCN | 02/06/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 915 | 1.014923 | Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố) | 1406/QĐ-BKHCN | 27/02/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Khoa học và Công nghệ | | | | | Đã công khai |
| 916 | 2.002851 | Xét, cấp học bổng chính sách đối với sinh viên học theo chế độ cử tuyển | 843/QĐ-BGDĐT | 09/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh nơi thường trú. | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 917 | 1.014948 | Chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm của Việt Nam cho bên thứ ba | 1829/QĐ-BNNMT | 21/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | | Đã công khai |
| 918 | 1.014952 | Cấp mã số định danh cơ sở chăn nuôi | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | | Đã công khai |
| 919 | 1.014951 | Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi ruồi lính đen | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | | Đã công khai |
| 920 | 1.014954 | Cấp lại mã số định danh cơ sở chăn nuôi | 1878/QĐ-BNNMT | 19/05/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | | | | | | | Đã công khai |
| 921 | 1.015014 | Thủ tục công nhận cơ sở đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp | 2735/QĐ-BKHCN | 09/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Bộ phận Một cửa của Bộ Khoa học và Công nghệ | UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan có thẩm quyền do UBND cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Cục Sở hữu trí tuệ | | - Tổ chức có nhu cầu công nhận đủ điều kiện tổ chức khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp:<br>a) Là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về sở hữu trí tuệ hoặc cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành luật hoặc các trường hợp khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.<br>b) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng yêu cầu tổ chức chương trình đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định;<br>c) Có ít nhất một viên chức thuộc biên chế đã tham gia giảng dạy ở trình độ đại học về sở hữu trí tuệ từ 05 năm trở lên tại thời điểm được công nhận là cơ sở đào tạo đáp ứng tiêu chí, điều kiện tổ chức khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp. | | Đã công khai |
| 922 | 1.015016 | Thủ tục giải quyết khiếu nại liên quan đến sở hữu công nghiệp (cấp tỉnh) | 2113/QĐ-BKHCN | 14/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Người nộp đơn khiếu nại phải là người có quyền, lợi ích liên<br>quan trực tiếp đến quyết định hoặc thông báo bị khiếu nại<br>- Đơn khiếu nại phải được nộp trong thời hiệu quy định tại các<br>Điều 9 và 33 của Luật Khiếu nại. | | Đã công khai |
| 923 | 1.115115 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập | 641/QĐ-BNV | 09/06/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề đáp ứng điều kiện:<br>a) Có hợp đồng nhận lao động thực tập với cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài để đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề phù hợp với quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<br>b) Có tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập theo quy định của Chính phủ.<br>c) Chỉ được đưa người lao động có hợp đồng lao động và hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài đi thực tập nâng cao tay nghề tại cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài theo hợp đồng nhận lao động thực tập.<br>d) Ngành, nghề, công việc cụ thể người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 924 | 1.115116 | Đề nghị sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em cho người chưa thành niên là bị hại | 1294/QĐ-BYT | 08/05/2026 | Bộ Y tế | Trẻ em | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | người chưa thành niên là bị hại | Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi đang điều trị cho người chưa thành niên là bị hại | Quỹ Bảo trợ trẻ em Việt Nam, Quỹ Bảo trợ trẻ em các tỉnh, thành phố | | | | Theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 131/2026/NĐ-CP:<br>10.1. Việc sử dụng kinh phí từ Quỹ Bảo trợ trẻ em được thực hiện khi có<br>đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Người chưa thành niên là bị hại bị xâm phạm tính mạng, sức khỏe đang<br>trong tình trạng cấp cứu cần phải cứu chữa tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh<br>để ngăn ngừa các hậu quả nghiêm trọng;<br>b) Người bồi thường chưa thể thực hiện bồi thường ngay.<br>10.2. Người bồi thường chưa thể thực hiện bồi thường ngay quy định tại<br>điểm b khoản 1 Điều này là người bồi thường thuộc một trong các trường<br>hợp sau đây:<br>a) Hộ nghèo;<br>b) Hộ cận nghèo;<br>c) Đã chết;<br>d) Bỏ trốn hoặc chưa xác định được người thực hiện hành vi phạm tội. | | Đã công khai |
| 925 | 1.115117 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu UAE-VN | 1553/QĐ-BCT | 30/06/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 926 | 1.115134 | Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng trừ loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Doanh nghiệp viễn thông bị thu hồi giấy phép có trách nhiệm hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định liên quan đến giấy phép viễn thông bị thu hồi tính đến thời điểm quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực. | | Đã công khai |
| 927 | 1.115135 | Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá | 2527/QĐ-BKHCN | 21/05/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 928 | 1.115143 | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.<br>- Chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án. | | Đã công khai |
| 929 | 1.115144 | Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng chưa tổ chức lựa chọn nhà đầu tư hoặc chưa lựa chọn được nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố | | | - Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung, khu kinh tế phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.<br>- Bản án, quyết định của tòa án, trọng tài có hiệu lực. | | Đã công khai |
| 930 | 1.115145 | Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh | | | | - Dự án thuộc một trong các trường hợp:<br>+ Đã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 02 lần mà chỉ có một nhà đầu tư đăng ký tham gia hoặc có nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án sau khi tổ chức đấu giá 02 lần mà không có người tham gia theo quy định của Luật Đất đai;<br>+ Đã thực hiện thủ tục mời quan tâm nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng điều kiện mời quan tâm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng điều kiện mời quan tâm theo quy định của pháp luật về đấu thầu.<br>- Đáp ứng các yêu cầu:<br>+ Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất. | | Đã công khai |
| 931 | 1.115146 | Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở tài chính | | | | - Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.<br>- Có thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành. | | Đã công khai |
| 932 | 1.115147 | Thủ tục áp dụng biện pháp bảo đảm đầu tư | 1165/QĐ-BTC | 15/05/2026 | Bộ Tài chính | Đầu tư tại Việt nam | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao các tỉnh, thành phố, Sở tài chính | | | | - Có Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc văn bản khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người có thẩm quyền cấp có quy định về ưu đãi đầu tư (nếu có).<br>- Nhà đầu tư không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Luật Đầu tư. | | Đã công khai |
| 933 | 3.000574 | Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | Loại khác | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 934 | 3.000575 | Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh) | 2044/QĐ-BVHTTDL | 05/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | Loại khác | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không quy định | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 935 | 1.115137 | Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 936 | 2.002884 | Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp cho người khuyết tật | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | 1.10.1. Điều kiện thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp<br>a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp Việt Nam. Đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập khi thành lập phải hoạt động theo cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập do Chính phủ quy định.<br>b) Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng tối thiểu đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp là 1.000 m2; trường trung cấp là 10.000 m2 đối với khu vực đô thị hoặc 20.000 m2 đối với khu vực ngoài đô thị; trường cao đẳng là 20.000 m2 đối với khu vực đô thị hoặc 40.000 m2 đối với khu vực ngoài đô thị. Trường hợp địa điểm xây dựng cơ sở vật chất của trường trung cấp, trường cao đẳng vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực đô thị vừa có diện tích đất sử dụng tại khu vực ngoài đô thị thì thực hiện quy đổi diện tích đất theo tỷ lệ tương ứng giữa đất khu vực đô thị với đất khu vực ngoài đô thị là | | Đã công khai |
| 937 | 1.115138 | Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ. | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác; thay đổi quy mô và phạm vi hoạt động của cơ sở bức xạ; chấm dứt hoạt động của cơ sở bức xạ. | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 938 | 1.115139 | Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác. | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị phát tia X trong chụp ảnh phóng xạ công nghiệp, thiết bị phát notron, electron và hạt mang điện khác. | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 939 | 1.115140 | Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Gia hạn Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 940 | 1.115141 | Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ | 3172/QĐ-BKHCN | 20/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử - dịch vụ Lắp đặt nguồn phóng xạ; Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bức xạ; Thử nghiệm thiết bị bức xạ; Tẩy xạ; Đánh giá hoạt độ phóng xạ; Hiệu chuẩn thiết bị ghi đo bức xạ | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 941 | 2.002885 | Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | a) Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.<br>b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp mới được hình thành sau quá trình chia, tách, sáp nhập phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 942 | 2.002886 | Cho phép giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 1181/QĐ-BGDĐT | 15/05/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 943 | 2.002887 | Thành lập phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề | 1578/QĐ-BGDĐT | 11/06/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | a) Có địa điểm xây dựng cơ sở vật chất bảo đảm diện tích đất sử dụng ít nhất bằng 25% diện tích đất sử dụng tối thiểu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai, quy hoạch, xây dựng và pháp luật có liên quan.<br>b) Có vốn hoặc kinh phí hoạt động ít nhất bằng 25% vốn, kinh phí tối thiểu đầu tư thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp.<br>c) Chương trình đào tạo:<br>Chương trình đào tạo dự kiến phải đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp; không có nội dung gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng; không truyền bá tôn giáo, xuyên tạc lịch sử; không ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục Việt Nam.<br>Phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được tổ chức giảng dạy chương trình đào tạo của Việt Nam; chương trình đào tạo của nước ngoài [illegible] | | Đã công khai |
| 944 | 2.002888 | Giải thể phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề | 1578/QĐ-BGDĐT | 11/06/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Gửi hồ sơ qua Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 945 | 2.002889 | Đổi tên trường trung cấp, trường trung học nghề | 1578/QĐ-BGDĐT | 11/06/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 946 | 2.002890 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp | 1823/QĐ-BGDĐT | 26/06/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | Trường trung cấp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trình độ trung cấp khi có đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Các ngành, nghề đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do cơ quan có thẩm quyền ban hành; phù hợp với cơ cấu ngành, nghề, trình độ đào tạo và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương.<br>b) Trường hợp tên ngành, nghề đào tạo chưa có trong danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng do cơ quan có thẩm quyền ban hành, trường trung cấp phải trình bày luận cứ khoa học về ngành, nghề đào tạo mới; xây dựng bản mô tả ngành, nghề và phân tích công việc của ngành, nghề đó theo Mẫu số 01 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 142/2025/NĐ-CP.<br>c) Có cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo phù | | Đã công khai |
| 947 | 1.115148 | Thủ tục tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ | 1037/QĐ-BTC | 28/04/2026 | Bộ Tài chính | Tài chính đất đai | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp xã, Thuế tỉnh, thành phố, Thuế cơ sở | | | | Không. | | Đã công khai |
| 948 | 1.115159 | Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 949 | 1.115160 | Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 950 | 1.115161 | Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 951 | 1.115162 | Công bố năng lực tư vấn đối với chuyên gia tư vấn độc lập | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Không | | Đã công khai |
| 952 | 1.115163 | Công bố năng lực đánh giá đối với tổ chức chứng nhận | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Không | | Đã công khai |
| 953 | 1.115164 | Điều chỉnh Bản công bố năng lực tư vấn, đánh giá | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Không | | Đã công khai |
| 954 | 1.115165 | Công bố năng lực đào tạo | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Không | | Đã công khai |
| 955 | 1.115166 | Điều chỉnh Bản công bố năng lực đào tạo | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 956 | 1.115169 | Cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu của trường trung cấp, trường trung học nghề | 1578/QĐ-BGDĐT | 11/06/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND tỉnh, thành phố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a. Phân hiệu của cơ sở giáo dục nghề nghiệp được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp theo nhóm ngành, nhóm nghề khi bảo đảm điều kiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.<br>b. Phân hiệu của trường trung cấp, trường cao đẳng đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành, nghề ở một trình độ thì được tuyển sinh, tổ chức đào tạo ở trình độ thấp hơn so với trình độ đã được cấp phép trong cùng nhóm ngành, nghề đó.<br>c. Việc tổ chức đào tạo các ngành, nghề thuộc nhóm ngành, nhóm nghề đã được cấp phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại phân hiệu do Hiệu trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định trên cơ sở đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định. | | Đã công khai |
| 957 | 1.115167 | Công bố năng lực tư vấn đối với tổ chức tư vấn | 2669/QĐ-BKHCN | 04/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Không | | Đã công khai |
| 958 | 1.115184 | Kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu có mức độ rủi ro cao (địa phương) | 2839/QĐ-BKHCN | 18/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài cư trú tại Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Không có | | Đã công khai |
| 959 | 1.115185 | Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp lần đầu (địa phương) | 2839/QĐ-BKHCN | 18/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | 1. Chỉ định chứng nhận đối với quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCDP).<br>2. Đối với tổ chức chứng nhận:<br>a) Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; phải được công nhận đối với phạm vi đăng ký chỉ định.<br>b) Có tối thiểu 06 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn).<br>Có kinh nghiệm đánh giá tối thiểu 20 ngày công đối với sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định.<br>Đối với các chương trình chứng nhận hệ thống quản lý mới, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận các hệ | | Đã công khai |
| 960 | 1.115186 | Đăng ký thay đổi, bổ sung Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (địa phương) | 2839/QĐ-BKHCN | 18/06/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | - Có tối thiểu 06 chuyên gia đánh giá chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn).<br>- Có kinh nghiệm đánh giá tối thiểu 20 ngày công đối với sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định.<br>- Đối với các chương trình chứng nhận hệ thống quản lý mới, chuyên gia phải có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 20 ngày công đối với chương trình chứng nhận các hệ thống quản lý khác có cùng bản chất, logic hoặc thuộc cùng một lĩnh vực hoặc có kinh nghiệm đánh giá ít nhất 05 ngày công đối với chương trình chứng nhận đăng ký.<br>Cụ thể:<br>+ Đối với chương trình chứng nhận sản phẩm mới, sản phẩm đăng ký bổ sung hoạt động chứng nhận, chuyên gia phải có kinh | | Đã công khai |
| 961 | 1.115235 | Hủy đăng ký dự án các-bon rừng | 2334/QĐ-BNNMT | 22/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 962 | 1.115237 | Cấp tín chỉ các-bon rừng | 2334/QĐ-BNNMT | 22/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 963 | 1.115239 | Đăng ký, điều chỉnh dự án các-bon rừng | 2334/QĐ-BNNMT | 22/06/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều chỉnh đăng ký dự án các-bon rừng chỉ thực hiện khi cơ quan, tổ chức có nhu cầu điều chỉnh quy mô, hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đã được phê duyệt đăng ký. | | Đã công khai |
| 964 | 1.115397 | Phê duyệt đề xuất hỗ trợ đối với Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA | 1546/QĐ-BCT | 29/06/2026 | Bộ Công thương | Hội nhập kinh tế quốc tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 965 | 1.115398 | Phê duyệt đề xuất sửa đổi hoặc ngừng thực hiện đề xuất hỗ trợ của Thành viên của Hệ sinh thái tận dụng các FTA | 1546/QĐ-BCT | 29/06/2026 | Bộ Công thương | Hội nhập kinh tế quốc tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 966 | 1.115399 | Thành lập Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng | 1546/QĐ-BCT | 29/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 967 | 1.115400 | Chấm dứt hoạt động của Quỹ Xúc tiến xuất khẩu ngành hàng | 1546/QĐ-BCT | 29/06/2026 | Bộ Công thương | Xúc tiến thương mại | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 968 | 2.002897 | Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh) | 1447/QĐ-BVHTTDL | 22/06/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Điện ảnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 969 | 2.002898 | Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh) | 1447/QĐ-BVHTTDL | 22/06/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Điện ảnh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, Cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 970 | 1.115407 | Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao | 1095/QĐ-BXD | 30/06/2026 | Bộ Xây dựng | Vật liệu xây dựng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | a) Yêu cầu chung:<br>- Sản phẩm hàng hóa, vật liệu xây dựng nhập khẩu thuộc danh mục quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD do Bộ Xây dựng ban hành và có mức độ rủi ro cao.<br>- Các sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phải được đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức đánh giá sự phù hợp được Bộ Xây dựng chỉ định.<br>b) Điều kiện để thực hiện:<br>- Hồ sơ hợp lệ theo quy định;<br>- Kê khai đúng chủng loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với danh mục sản phẩm quy định tại Bảng 1 Phần 2 QCVN 16:2023/BXD. Trong trường hợp chưa xác định rõ chủng loại sản phẩm, cần phối hợp với tổ chức chứng nhận hợp quy để thực hiện việc định danh sản phẩm | | Đã công khai |
| 971 | 1.115417 | Thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến | 1617/QĐ-BCT | 01/07/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 972 | 1.115418 | Sửa đổi, bổ sung thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến | 1617/QĐ-BCT | 01/07/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 973 | 1.115419 | Chấm dứt thông báo nền tảng thương mại điện tử kinh doanh trực tiếp có chức năng đặt hàng trực tuyến | 1617/QĐ-BCT | 01/07/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 974 | 1.115420 | Cấp phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại | 1617/QĐ-BCT | 01/07/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại khi đáp ứng điều kiện sau:<br>- Có Giấy phép kinh doanh dịch vụ tin cậy có loại dịch vụ được phép kinh doanh là cung cấp dịch vụ chứng thực thông điệp dữ liệu theo pháp luật về giao dịch điện tử;<br>- Có Đề án cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại theo quy định tại Điều 44 của Nghị định số 248/2026/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 975 | 1.115421 | Sửa đổi, bổ sung giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại | 1617/QĐ-BCT | 01/07/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 976 | 1.115422 | Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại | 1617/QĐ-BCT | 01/07/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại trong các trường hợp sau đây:<br>a) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại đừng cung cấp dịch vụ và có hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép kinh doanh cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại từ tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực trong thương mại theo quy định tại khoản 4 Điều này;<br>b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử trong thương mại có thực hiện hành vi vi phạm pháp luật mà phải chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | | Đã công khai |
| 977 | 1.115478 | Cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh) | 762/QĐ-BNV | 02/07/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Tổ chức được cấp giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia khi đáp ứng các điều kiện sau:<br>(1) Là tổ chức có tư cách pháp nhân; có chức năng, nhiệm vụ hoặc đăng ký kinh doanh, sản xuất, dịch vụ phù hợp với nghề đề nghị tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia;<br>(2) Có cơ sở vật chất (phòng chuyên môn, kỹ thuật và nhà, xưởng, mặt bằng) và trang thiết bị (phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ tác nghiệp và phương tiện đo kiểm) theo danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị đánh giá kỹ năng nghề quốc gia cho từng nghề do một trong các cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 7 Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 năm 2025 ban hành báo đảm tương ứng với số lượng người tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (sau đây viết tắt là người tham dự) trong một đợt kiểm tra kiến thức chuyên môn, kỹ thuật (sau đây viết tắt là kiểm tra kiến thức) hoặc định | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 978 | 1.115479 | Cấp lại giấy chứng nhận hoạt động đánh giá kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh) | 762/QĐ-BNV | 02/07/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Các trường hợp cấp lại giấy chứng nhận quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Nghị định số 138/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:<br>Trường hợp có thay đổi, bổ sung tên nghề, bậc trình độ kỹ năng nghề hoặc thay đổi tên gọi, địa chỉ nơi đặt trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề quốc gia trong giấy chứng nhận đã được cấp hoặc trường hợp sáp nhập, hợp nhất với tổ chức khác hoặc giấy chứng nhận không còn nguyên vẹn hoặc bị mất. | | Đã công khai |
| 979 | 1.115480 | Cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh) | 762/QĐ-BNV | 02/07/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người lao động phải tham gia đánh giá kỹ năng nghề quốc gia và có kết quả đánh giá đạt yêu cầu (về kiến thức chuyên môn, kỹ thuật và kỹ năng thực hành công việc, quy trình an toàn lao động, vệ sinh lao động) theo quy định ở bậc trình độ kỹ năng nghề tương ứng;<br>- Người tham dự phải đáp ứng các điều kiện về trình độ hoặc kinh nghiệm làm việc tương ứng với từng bậc trình độ kỹ năng nghề (từ bậc 1 đến bậc 5) theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 138/2026/NĐ-CP;<br>- Trường hợp được miễn đánh giá thực hành hoặc công nhận tương đương: Phải thuộc các đối tượng đoạt giải hoặc có chứng chỉ xuất sắc tại các kỳ thi kỹ năng nghề quốc tế, khu vực hoặc quốc gia theo quy định của Nghị định số 138/2026/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 980 | 1.115481 | Cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh) | 762/QĐ-BNV | 02/07/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Cá nhân được đề nghị cấp lại chứng chỉ khi thuộc một trong các trường hợp sau:<br>- Có nhu cầu sửa đổi một số nội dung thông tin ghi trên chứng chỉ đã được cấp;<br>- Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp không còn nguyên vẹn (bị hư hỏng);<br>- Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp bị mất. | | Đã công khai |
| 981 | 1.115482 | Đề nghị hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia (Cấp tỉnh) | 762/QĐ-BNV | 02/07/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người lao động phải thuộc một trong các nhóm đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Việc làm.<br>- Người lao động thuộc đối tượng quy định chỉ được hỗ trợ một lần đối với chính sách hỗ trợ tham gia đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.<br>- Người lao động có nhu cầu, nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định. | | Đã công khai |
| 982 | 1.115483 | Đề nghị hỗ trợ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Cấp tỉnh) | 762/QĐ-BNV | 02/07/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người lao động phải thuộc một trong các nhóm đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 22 Luật Việc làm.<br>- Người lao động chưa được hưởng hỗ trợ tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề.<br>- Người lao động có nhu cầu, nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định. | | Đã công khai |
| 983 | 1.115699 | Thủ tục công nhận Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh) | 3110/QĐ-BKHCN | 13/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức được công nhận là trung tâm nghiên cứu và phát triển khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:<br>a) Có tư cách pháp nhân, được thành lập hợp pháp và đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật Việt Nam;<br>b) Có chức năng, nhiệm vụ chính là nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, được ghi rõ trong một trong các văn bản sau: Quyết định thành lập, Điều lệ tổ chức và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ;<br>c) Có đội ngũ nhân lực nghiên cứu toàn thời gian tối thiểu 10 người, trong đó ít nhất 01 tiến sĩ thuộc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tổ chức;<br>d) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu phù hợp, đáp ứng yêu cầu triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo lĩnh vực đăng ký hoạt động, được sở hữu hoặc có quyền sử dụng | | Đã công khai |
| 984 | 1.115700 | Thủ tục xác nhận doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (Cấp tỉnh) | 3110/QĐ-BKHCN | 13/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 985 | 1.115701 | Thủ tục xác nhận doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh) | 3110/QĐ-BKHCN | 13/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 986 | 1.115702 | Thủ tục xác nhận sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển, sản phẩm công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh) | 3110/QĐ-BKHCN | 13/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 987 | 1.115703 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh) | 3110/QĐ-BKHCN | 13/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 988 | 1.115704 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, công nghệ chiến lược, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ chiến lược (Cấp tỉnh) | 3110/QĐ-BKHCN | 13/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 989 | 1.115705 | Thủ tục xác nhận dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí thực hiện hoạt động công nghệ cao, công nghệ chiến lược đầu tư vào khu công nghệ cao (Cấp tỉnh) | 3110/QĐ-BKHCN | 13/07/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban quản lý khu công nghệ cao | | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 990 | 1.115947 | Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng | Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng | | | Cơ quan có thẩm quyền quyết định:<br>- Bộ Xây dựng cho ý kiến đối với cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài.<br>- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam cho ý kiến đối với cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa quốc gia, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia; cảng thủy nội địa có vùng nước, vùng đất vừa trên đường thủy nội địa quốc gia vừa trên đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa quốc gia, trừ trường hợp cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài và các trường hợp khác do Bộ Xây dựng quyết định.<br>- Sở Xây dựng cho ý kiến cảng thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương; cảng thủy nội địa trong vùng nước cảng biển nối với đường thủy nội địa địa phương, trừ trường | | Đã công khai |
| 991 | 1.115948 | Công bố mở cảng thủy nội địa | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 992 | 1.115949 | Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu | 1136/QĐ-BXD | 01/07/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |
| 993 | 3.000619 | Chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện | 1787/QĐ-BCT | 17/07/2026 | Bộ Công thương | Điện lực | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam | Loại khác | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Dự án thuộc dự án đầu tư kinh doanh lưới điện trong quy hoạch phát triển điện lực hoặc phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh.<br>- Dự án thuộc trường hợp được chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 253/2025/QH15.<br>- Nội dung xem xét chấp thuận nhà đầu tư gồm: sự phù hợp của dự án với quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh; sự phù hợp của dự án với trường hợp được chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 253/2025/QH15; tư cách pháp lý của nhà đầu tư; năng lực tài chính của nhà đầu tư; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, tổng vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm thực hiện dự án, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án; các điều kiện khác đối với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan. | | Đã công khai |
| 994 | 3.000620 | Điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư dự án lưới điện | 1787/QĐ-BCT | 17/07/2026 | Bộ Công thương | Điện lực | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp Việt Nam | Loại khác | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Dự án lưới điện đã được chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 272/2026/NĐ-CP và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư.<br>- Nội dung đề nghị điều chỉnh thuộc trường hợp phải điều chỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về điện lực và pháp luật có liên quan.<br>- Cơ quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ chủ xem xét nội dung đề nghị điều chỉnh và các nội dung liên quan trực tiếp. | | Đã công khai |
| 995 | 1.115984 | Xóa chi phí bồi hoàn (cấp tỉnh) | 2132/QĐ-BGDĐT | 23/07/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền quyết định bồi hoàn<br>Qua dịch vụ bưu chính;<br>Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đơn vị sự nghiệp công lập. | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đơn vị sự nghiệp công lập. | | | | | Đã công khai |
| 996 | 1.115985 | Miễn chi phí bồi hoàn (cấp tỉnh) | 2132/QĐ-BGDĐT | 23/07/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trực tiếp tại cơ quan có thẩm quyền quyết định bồi hoàn;<br>Qua dịch vụ bưu chính;<br>Trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia. | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đơn vị sự nghiệp công lập. | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Đơn vị sự nghiệp công lập. | | | | | Đã công khai |
| 997 | 1.116038 | Đăng ký thay đổi nội dung, cập nhật, bổ sung thông tin, cấp lại giấy chứng nhận, hiệu đính thông tin đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội, chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội. Đăng ký hoạt động lần đầu của chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội | 1997/QĐ-BTC | 24/07/2026 | Bộ Tài chính | Đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội | Cấp tỉnh | Ngân hàng Chính sách xã hội | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh).<br>sotr | Sở tài chính | | | | 1) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: □<br>Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hoạt động và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 998 | 1.116039 | Đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội | 1997/QĐ-BTC | 24/07/2026 | Bộ Tài chính | Đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội | Cấp tỉnh | Ngân hàng Chính sách xã hội | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:<br>Cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Cơ quan đăng ký kinh doanh). | Sở tài chính | | | | l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: <br>Trường hợp đã có số định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký hoạt động và đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký hoạt động Ngân hàng Chính sách xã hội để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định. Các thông tin kê khai được đối chiếu với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai không thống nhất với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, người thực hiện | | Đã công khai |
| 999 | 1.116208 | Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, giấy phép hoạt động truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh) | 2044/QĐ-BVHTTDL | 05/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 1000 | 1.116487 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương | 2149/QĐ-BVHTTDL | 17/08/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Báo chí | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Là cơ quan báo chí được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có chức năng kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.<br>- Có nhân sự, quy trình phù hợp để thực hiện việc kiểm tra nội dung báo chí nhập khẩu trước khi phát hành tại Việt Nam;<br>- Có nhân sự thực hiện kiểm tra nội dung báo chí nhập khẩu phải có năng lực ngoại ngữ phù hợp với ngôn ngữ của sản phẩm báo chí nhập khẩu và có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực báo chí, truyền thông.<br>- Có biện pháp lưu giữ thông tin, tài liệu về việc tổ chức kiểm tra sản phẩm báo chí nhập khẩu để phục vụ công tác thanh tra, hậu kiểm theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. | | Đã công khai |
| 1001 | 1.000168 | Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1002 | 1.000264 | Đăng ký xác nhận Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mặt ong tự nhiên sang Nhật Bản | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 1003 | 1.000358 | Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1004 | 1.000363 | Cấp phép nhập khẩu tự động thuốc lá điếu, xì gà | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1005 | 1.000431 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VK | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1006 | 1.000361 | Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1007 | 1.000382 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EAV | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1008 | 1.000400 | Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may xuất khẩu sang Mêhico | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công thương | | | - Trên cơ sở lượng hạn ngạch và nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2019/TT-BCT.<br>- Chỉ áp dụng đối với mặt hàng dệt may xuất khẩu sang Mê-hi-cô theo CPTPP. | | Đã công khai |
| 1009 | 1.000432 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AJ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công thương, Cục Xuất nhập khẩu | | | | | Đã công khai |
| 1010 | 1.000603 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AK | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1011 | 1.000665 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu D | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1012 | 1.000686 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VJ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công thương, Cục Xuất nhập khẩu | | | | | Đã công khai |
| 1013 | 1.000758 | Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo website thương mại điện tử bán hàng | 926/QĐ-BCT | 17/04/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Bãi bỏ |
| 1014 | 1.000694 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AANZ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1015 | 1.000799 | Sửa đổi, bổ sung thông tin đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử | 926/QĐ-BCT | 17/04/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Bãi bỏ |
| 1016 | 1.000911 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1017 | 1.000948 | Cấp lại Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1018 | 1.000965 | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1019 | 1.000998 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1020 | 1.001104 | Thủ tục sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 1021 | 1.001158 | Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Công nghiệp hỗ trợ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1022 | 1.002968 | Thay đổi, chấm dứt thông tin đã thông báo về ứng dụng bán hàng | 926/QĐ-BCT | 17/04/2026 | Bộ Công thương | Thương mại điện tử | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Bãi bỏ |
| 1023 | 1.002939 | Thủ tục đăng ký kinh doanh tại khu (điểm) chợ biên giới | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | không có | | Đã công khai |
| 1024 | 1.003401 | Thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ giải thể; chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và không còn hoạt động sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ;<br>- Tổ chức, doanh nghiệp không bảo đảm điều kiện về sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; không đáp ứng đầy đủ hoặc không thực hiện đúng nội dung quy định trong giấy phép, giấy chứng nhận;<br>- Doanh nghiệp không kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trong thời gian 02 năm kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh | | Đã công khai |
| 1025 | 1.003860 | Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Đã được Bộ Công Thương chỉ định theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP;<br>- Hệ thống quản lý chất lượng phải được công nhận phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005 và còn hiệu lực ít nhất 01 năm kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chỉ định;<br>- Kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đạt yêu cầu đối với các chỉ tiêu/phép thử đăng ký chỉ định thử nghiệm kiểm chứng. | | Đã công khai |
| 1026 | 1.003929 | Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm | 04/QĐ-BCT | 18/05/2018 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1027 | 1.003951 | Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước | 04/QĐ-BCT | 18/05/2018 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1028 | 1.005190 | Đăng ký đầu nghiệp vụ giám định thương mại | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Giám định thương mại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | không | | Đã công khai |
| 1029 | 1.008667 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu EUR.1 | 1648/QĐ-BCT | 28/06/2021 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1030 | 1.010762 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP | 220/QĐ-BCT | 21/02/2022 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1031 | 1.010056 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA | 937/QĐ-BCT | 20/04/2026 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1032 | 1.012471 | Xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ tại Hội đồng cấp tỉnh | 1200/QĐ-BCT | 16/05/2024 | Bộ Công thương | Nghề thủ công mỹ nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. | | | | a) Cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" đạt các tiêu chuẩn sau:<br>"Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ được tặng cho cá nhân quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị định số 43/2024/NĐ-CP đã được tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ và đạt các tiêu chuẩn sau:<br>1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.<br>2. Có thời gian hoạt động liên tục trong nghề thủ công mỹ nghệ hoặc cộng dồn từ 20 năm trở lên.<br>3. Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống; tâm huyết, tận tuy với nghề; được đồng nghiệp và Nhân dân nơi mô, kính trọng; là đại diện tiêu biểu cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy một tại địa | | Đã công khai |
| 1033 | 1.012567 | Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý | 1825/QĐ-BCT | 09/07/2024 | Bộ Công thương | Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | không có | | Đã công khai |
| 1034 | 1.013058 | Cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 3225/QĐ-BCT | 09/12/2024 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1035 | 1.013395 | Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp | 609/QĐ-BCT | 03/03/2025 | Bộ Công thương | Điện lực | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | | không | | Đã công khai |
| 1036 | 1.013398 | Điều chỉnh phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 628 /QĐ-BCT | 07/03/2025 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Định kỳ 05 năm hoặc khi có sự thay đổi về quy mô, hạng mục công trình thủy điện, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh phương án ứng phó tình huống khẩn cấp trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. | | Đã công khai |
| 1037 | 1.013399 | Thẩm định, phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1752/QĐ-BCT | 19/06/2025 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 1038 | 1.013400 | Điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 1752/QĐ-BCT | 19/06/2025 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Định kỳ 05 năm hoặc khi có sự thay đổi về quy mô, hạng mục công trình thủy điện, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1039 | 1.013394 | Phê duyệt danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp | 609/QĐ-BCT | 03/03/2025 | Bộ Công thương | Điện lực | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương | | | | không | | Đã công khai |
| 1040 | 1.014571 | Cấp Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam | 3697/QĐ-BCT | 20/12/2025 | Bộ Công thương | Sở giao dịch hàng hóa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý Khu kinh tế | | | | - Là Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế hoặc công ty do Thành viên của Trung tâm tài chính quốc tế sở hữu hoặc kiểm soát, trong đó tỷ lệ vốn góp của công ty Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế chiếm tối thiểu 49% vốn điều lệ.<br>- Trường hợp là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổng tỉ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không được quá 49%.<br>- Vốn điều lệ từ 1.500 tỷ đồng (một nghìn năm trăm tỷ đồng) trở lên.<br>- Có mô hình, tổ chức hoạt động, chức năng của Sở giao dịch hàng hóa.<br>- Dự thảo Điều lệ hoạt động phù hợp với quy định của Chính phủ về mua bán hàng hoá qua Sở giao dịch hàng hoá và Nghị định số 330/2025/NĐ-CP.<br>- Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành an toàn, ổn định và bảo mật, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:<br>+ Nền tảng giao dịch điện tử bảo đảm hoạt động thông suốt, an toàn, có khả năng xử | | Đã công khai |
| 1041 | 1.014572 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam | 3697/QĐ-BCT | 20/12/2025 | Bộ Công thương | Sở giao dịch hàng hóa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ban Quản lý Khu kinh tế | | | | Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập được thực hiện trong trường hợp có thay đổi nội dung của Giấy phép thành lập. | | Đã công khai |
| 1042 | 1.014818 | Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 179/QĐ-BCT | 26/01/2026 | Bộ Công thương | Công nghiệp hỗ trợ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1043 | 1.014820 | Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 179/QĐ-BCT | 26/01/2026 | Bộ Công thương | Công nghiệp hỗ trợ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1044 | 2.000046 | Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Chất lượng sản phẩm hàng hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1045 | 2.000117 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Điều kiện chung<br>1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:<br>Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.<br>2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:<br>a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;<br>b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật | | Đã công khai |
| 1046 | 2.000140 | Cấp chứng chỉ kiểm định viên | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn về sinh lao động | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan | | | | Kiểm định viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:<br>- Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (đối tượng kiểm định);<br>- Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;<br>Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2016 | | Đã công khai |
| 1047 | 2.000066 | Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn về sinh lao động | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan | | | | Kiểm định viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:<br>- Có trình độ đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với đối tượng kiểm định thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (đối tượng kiểm định);<br>- Có ít nhất 02 năm làm kỹ thuật kiểm định hoặc làm công việc thiết kế, sản xuất, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo trì về đối tượng kiểm định;<br>- Đã hoàn thành khóa huấn luyện và sát hạch đạt yêu cầu về nghiệp vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động với đối tượng kiểm định hoặc có thời gian thực hiện kiểm định đối tượng kiểm định trên 10 năm tính đến thời điểm 01 tháng 7 năm 2016. | | Đã công khai |
| 1048 | 2.000110 | Đăng ký thay đổi đầu nghiệp vụ giám định thương mại | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Giám định thương mại | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1049 | 2.000115 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Điều kiện chung<br>1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:<br>Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định tại Mục 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Chương VI của Nghị định 77/2016/NĐ-CP.<br>2. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm:<br>a) Có đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm phù hợp với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định của Luật An toàn thực phẩm;<br>b) Đối tượng được quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật | | Đã công khai |
| 1050 | 2.000172 | Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ được cấp lại trong các trường hợp sau: Bị mất, hư hỏng, có sự thay đổi thông tin ghi trên giấy chứng nhận huấn luyện. | | Đã công khai |
| 1051 | 2.000191 | Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1052 | 2.000221 | Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Người huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ phải có trình độ đại học trở lên và có kinh nghiệm thực tế làm việc về kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ, an toàn hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp từ 05 năm liền kề trở lên hoặc làm việc trong lĩnh vực quản lý nhà nước về vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ, hóa chất từ 03 năm liền kề trở lên; có kiến thức pháp luật về tiền chất thuốc nổ. | | Đã công khai |
| 1053 | 2.000209 | Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Công nghiệp tiêu dùng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1054 | 2.000210 | Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp được cấp lại trong các trường hợp sau: Bị mất, hư hỏng, có sự thay đổi thông tin ghi trên giấy chứng nhận huấn luyện. | | Đã công khai |
| 1055 | 2.000229 | Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người quản lý của tổ chức, doanh nghiệp sản xuất, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các ngành kỹ thuật: Hoá chất; vũ khí; vật liệu nổ; chỉ huy kỹ thuật công binh; khai thác mỏ; kỹ thuật mỏ; địa chất; xây dựng công trình; giao thông; thủy lợi; địa vật lý; dầu khí;<br>- Người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ đại học trở lên;<br>- Người làm công tác phân tích, thử nghiệm vật liệu nổ công nghiệp phải có trình độ trung cấp trở lên thuộc một trong các ngành kỹ thuật: Hoá chất, vũ khí, vật liệu nổ, chỉ huy kỹ thuật công binh, khai thác mỏ, kỹ thuật mỏ, địa chất hoặc khoan nổ mìn;<br>- Chỉ huy nổ mìn phải có trình độ từ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, cụ thể như sau:<br>+ Đối với chuyên ngành quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số | | Đã công khai |
| 1056 | 2.000314 | Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền cấp của Cơ quan cấp Giấy phép | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu chế xuất-Khu công nghiệp | | | | Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:<br>1. Theo đề nghị của thương nhân nước ngoài.<br>2. Khi thương nhân nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ nơi thương nhân đó thành lập hoặc đăng ký kinh doanh.<br>3. Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà thương nhân nước ngoài không đề nghị gia hạn.<br>4. Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được Cơ quan cấp Giấy phép đồng ý gia hạn.<br>5. Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP.<br>6. Thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện không còn đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định 07/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 1057 | 2.000334 | Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2 | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Sở Công Thương | | | | - Điều kiện chung:<br>Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP<br>- Điều kiện riêng:<br>Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện dích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m2 | | Đã công khai |
| 1058 | 2.000327 | Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu chế xuất-Khu công nghiệp | | | | Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi hết thời hạn quy định trong Giấy phép, trừ trường hợp có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1059 | 2.000303 | Xuất nhập khẩu Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AI | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Bộ Công thương, Cục Xuất nhập khẩu | | | | | Đã công khai |
| 1060 | 2.000339 | Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Sở Công Thương | | | | - Điều kiện chung:<br>Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP<br>- Điều kiện riêng:<br>Trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có nhu cầu điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | | Đã công khai |
| 1061 | 2.000340 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Sở Công Thương | | | | a. Điều kiện chung<br>Đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Nghị định 09/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 tương ứng như đối với thủ tục cấp mới<br>b. Điều kiện riêng:<br>- Giấy phép kinh doanh được cấp lại trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở chính từ một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương khác<br>- Giấy phép kinh doanh bị mất hoặc bị hỏng | | Đã công khai |
| 1062 | 2.000450 | Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Văn phòng Ban chỉ đạo liên ngành hội nhập quốc tế về kinh tế, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, Ban Quản lý Khu chế xuất-Khu công nghiệp | | | | định biểu mẫu thực hiện Nghị định số 07/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về Văn phòng đại diện, Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam | | Đã công khai |
| 1063 | 2.000535 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm | 926/QĐ-BCT | 17/04/2026 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 1 Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm có nhu cầu cấp lại. | | Đã công khai |
| 1064 | 2.000665 | Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại quốc tế | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ Công thương, Sở Công Thương | | | | - Điều kiện chung:<br>Đảm bảo các điều kiện chung được quy định tại Điều 22 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP<br>- Điều kiện riêng:<br>Giấy phép lập cơ sở bán lẻ bị mất, rách, hỏng. | | Đã công khai |
| 1065 | 2.001272 | Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Thương mại biên giới và miền núi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 1066 | 2.001292 | Điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Định kỳ 05 năm hoặc khi có sự thay đổi về quy mô, hạng mục công trình thủy điện, chủ sở hữu công trình thủy điện có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. | | Đã công khai |
| 1067 | 2.001300 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 1068 | 2.001433 | Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1069 | 2.001384 | Phê duyệt phương án cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Các trường hợp phải cắm mốc chỉ giới:<br>- Đập của hồ chứa thủy điện có dung tích từ 500.000 m3 trở lên;<br>- Đập có chiều cao từ 15 m trở lên. | | Đã công khai |
| 1070 | 2.001322 | Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không có | | Đã công khai |
| 1071 | 2.001434 | Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1072 | 2.001313 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Công thương | | | | Không có | | Đã công khai |
| 1073 | 2.001372 | Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | Xuất nhập khẩu | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cục Xuất nhập khẩu, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1074 | 2.001595 | Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1075 | 2.001682 | Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước | 04/QĐ-BCT | 18/05/2018 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Được thành lập theo quy định của pháp luật hoặc quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền;<br>- Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005;<br>- Trang thiết bị, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu phương pháp thử;<br>- Có ít nhất 02 thử nghiệm viên là cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học được đào tạo về kiểm nghiệm trong cùng lĩnh vực;<br>- Các phương pháp thử được cập nhật và xác nhận giá trị sử dụng;<br>- Các chỉ tiêu/phép thử phải đáp ứng quy định hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và các yêu cầu khác có liên quan theo quy định của bộ quản lý ngành. | | Đã công khai |
| 1076 | 2.001660 | Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước | 01/QĐ-BCT | 11/08/2019 | Bộ Công thương | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không có | | Đã công khai |
| 1077 | 2.002817 | Cấp lại Giấy phép thành lập Sở giao dịch hàng hóa trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam | 3697/QĐ-BCT | 20/12/2025 | Bộ Công thương | Sở giao dịch hàng hóa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ban Quản lý Khu kinh tế | | | | Không quy định | | Đã công khai |
| 1078 | 1.012607 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1079 | 1.012606 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1080 | 1.012605 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở NHIỀU XÃ THUỘC MỘT TỈNH HOẶC Ở NHIỀU TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1081 | 1.012616 | THỦ TỤC ĐĂNG KÝ MỞ LỚP BỒI DƯỠNG VỀ TÔN GIÁO CHO NGƯỜI CHUYỂN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 1082 | 1.012628 | THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC CỦA TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo | | | | | | Đã công khai |
| 1083 | 1.012629 | THỦ TỤC ĐĂNG KÝ NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM, BẦU CỬ, SUY CỬ LÀM CHỨC VIỆC ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 2 ĐIỀU 34 CỦA LUẬT TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo | | | | | | Đã công khai |
| 1084 | 1.012639 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỰ GIẢI THỂ CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1085 | 1.012637 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢI THỂ TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH THEO QUY ĐỊNH CỦA HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1086 | 1.012655 | Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (Cấp Tỉnh) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1087 | 1.012648 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1088 | 1.012646 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ MỜI CHỨC SẮC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI ĐẾN GIẢNG ĐẠO CHO TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trong quá trình giảng đạo, chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài phải tôn trọng quy định của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. | | Đã công khai |
| 1089 | 1.012645 | THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI TÊN CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Yêu cầu:<br>+ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có tên bằng tiếng Việt.<br>+ Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không trùng với tên tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khác hoặc tổ chức khác đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.<br>- Điều kiện: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh thay đổi tên phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận. | | Đã công khai |
| 1090 | 1.012657 | THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ HỢP PHÁP TẠI VIỆT NAM (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1091 | 1.012660 | Thủ tục đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt nam (Cấp Tỉnh) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1092 | 1.012664 | THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SỬA ĐỔI HIẾN CHƯƠNG CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT TỈNH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Dân tộc và Tôn giáo, Sở Nội Vụ | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1093 | 1.012659 | THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THUYÊN CHUYỂN CHỨC SẮC, CHỨC VIỆC, NHÀ TU HÀNH LÀ NGƯỜI ĐANG BỊ BUỘC TỘI HOẶC CHƯA ĐƯỢC XOÁ ÁN TÍCH (CẤP TỈNH) | 134/QĐ-BDTTG | 28/03/2025 | Bộ Dân tộc và Tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, Sở Dân tộc và Tôn giáo | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1094 | 1.001714 | Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục | 2108/QĐ-BGDĐT | 24/06/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục | | | | Là người khuyết tật thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đang đi học tại các cơ sở giáo dục ngoài công lập. | | Đã công khai |
| 1095 | 1.003734 | Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin | 985/QĐ-BGDĐT | 22/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm sát hạch | | | | Điều kiện dự thi<br>a) Cá nhân có hồ sơ đăng ký dự thi hợp lệ; đóng đầy đủ lệ phí thi theo quy định hiện hành;<br>b) Thí sinh dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao phải có chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản. | | Đã công khai |
| 1096 | 1.002982 | Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người | 2108/QĐ-BGDĐT | 24/06/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | Học sinh trung học phổ thông thuộc 16 dân tộc: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ơ Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ đang học tập tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. | | Đã công khai |
| 1097 | 1.004889 | Công nhận bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam | 1508/QĐ-BGDĐT | 11/05/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Văn bằng, chứng chỉ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan hành chính | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | 1. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học được công nhận khi chương trình giáo dục có thời gian học, nghiên cứu phù hợp với Khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam và đáp ứng một trong hai điều kiện sau:<br>a) Chương trình giáo dục được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng tương ứng với hình thức đào tạo;<br>b) Cơ sở giáo dục nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính cho phép đào tạo, cấp bằng hoặc đã được tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của nước nơi cơ sở giáo dục nước ngoài đặt trụ sở chính kiểm định chất lượng.<br>2. Văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục nước ngoài đang hoạt động tại nước khác nơi cơ sở giáo dục đặt trụ sở chính (bao gồm cả Việt Nam) được công nhận khi cơ sở giáo dục đó được cơ quan có thẩm | | Đã công khai |
| 1098 | 1.005095 | Phúc khảo bài thi tốt nghiệp trung học phổ thông | 1584/QĐ-BGDĐT | 20/05/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trường phổ thông, nơi thí sinh đăng ký dự thi | Sở Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | Thí sinh đã dự thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT và nộp đơn đề nghị phúc khảo theo đúng thời hạn quy định. | | Đã công khai |
| 1099 | 1.005090 | Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú | 2108/QĐ-BGDĐT | 24/06/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | | a) Thuộc đối tượng tuyển sinh quy định tại Điều 9 của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;<br>b) Đảm bảo các quy định tại Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.<br>c) Tuyển thẳng vào trường PTDTNT các đối tượng sau:<br>- Học sinh dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ.<br>;<br>- Học sinh trung học cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 của Quy chế này đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, | | Đã công khai |
| 1100 | 1.005142 | Đăng ký dự thi tốt nghiệp trung học phổ thông | 1584/QĐ-BGDĐT | 20/05/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Nơi đăng ký dự thi theo quy định | Sở Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | a) Các đối tượng dự thi phải đăng ký dự thi và nộp đầy đủ các giấy tờ đúng thời hạn;<br>b) Đối tượng là người đã có Bằng tốt nghiệp trung cấp dự thi để lấy kết quả làm cơ sở đăng ký xét tuyển sinh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. | | Đã công khai |
| 1101 | 1.005098 | Xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông | 1584/QĐ-BGDĐT | 20/05/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | đơn vị nơi thí sinh đăng ký dự thi | Sở Giáo dục và Đào tạo, Cơ sở giáo dục | Sở Giáo dục và Đào tạo | | | a) Điều kiện đối với người học thuộc các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 19 Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông được xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hoặc có việc đột xuất đặc biệt trước ngày thi không quá 10 ngày hoặc ngay trong buổi thi đầu tiên, không thể dự thi:<br>Đủ điều kiện dự thi, có kết quả rèn luyện và học tập cả năm ở lớp 12 đều được đánh giá từ mức khá trở lên.<br>b) Điều kiện đối với người học thuộc các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 19 Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông được xét đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông trong trường hợp bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt sau khi đã thi ít nhất một bài thi và không thể tiếp tục dự thi hoặc sau khi bị tai nạn, bị ốm hay có việc đột xuất đặc biệt tự nguyện dự thi số bài thi còn lại:<br>Đủ điều kiện dự thi, có điểm của những | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1102 | 1.008723 | Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư; cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 843/QĐ-BGDĐT | 09/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục, đào tạo với nước ngoài | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trụ sở UBND cấp tỉnh hoặc theo quy định của địa phương | Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | a) Trường trung học phổ thông tư thục, trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động.<br>b) Cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động. | | Đã công khai |
| 1103 | 1.008721 | Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận | 843/QĐ-BGDĐT | 09/04/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục, đào tạo với nước ngoài | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo) | Sở Giáo dục và Đào tạo | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập bảo đảm điều kiện hoạt động. | | Đã công khai |
| 1104 | 1.009002 | Đăng ký hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học các ngành đào tạo giáo viên tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên | 3227/QĐ-BGDĐT | 28/10/2020 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Tại cơ sở giáo dục | Cơ sở giáo dục, Cơ sở giáo dục đại học | | | | | | Đã công khai |
| 1105 | 1.013338 | Xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông | 420/QĐ-BGDĐT | 19/02/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội | | | | a) Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, không bị kỷ luật hủy kết quả thi, tất cả các môn thi đều đạt trên 1,0 điểm theo thang điểm 10 và có điểm xét tốt nghiệp từ 5,0 (năm) điểm trở lên được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông.<br>b) Những thí sinh đủ điều kiện dự thi, được miễn thi tất cả các bài thi trong xét tốt nghiệp trung học phổ thông theo quy định khoản 1 tại Điều 39 Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông. | | Đã công khai |
| 1106 | 1.014333 | Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập | 2624/QĐ-BGDĐT | 17/09/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập | | | | a) Học sinh, sinh viên thuộc đối tượng được miễn, giảm học phí theo quy định tại Điều 15; khoản 1, khoản 2 Điều 16 của Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.<br>b) Học sinh, sinh viên không thuộc các trường hợp không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí theo quy định tại khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP | | Đã công khai |
| 1107 | 1.014334 | Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong trường trung học phổ thông tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, trường trung học phổ thông trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu | 2624/QĐ-BGDĐT | 17/09/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội, Cơ sở giáo dục | | | | a) Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông thuộc đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.<br>b) Không áp dụng chế độ hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông trong thời gian người học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, bảo lưu, học lưu ban, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại, bảo lưu, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì thủ trưởng cơ sở giáo dục xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP theo quy định tại khoản 8 Điều 19 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP | | Đã công khai |
| 1108 | 1.013767 | Giải thể, chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập | 1649/QĐ-BGDĐT | 20/06/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục, đào tạo với nước ngoài | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Sở Giáo dục và Đào tạo) | Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1109 | 2.000632 | Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục | 683/QĐ-BGDĐT | 14/03/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp (G07-LD06) | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương., Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương., Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1110 | 2.001959 | Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 683/QĐ-BGDĐT | 14/03/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục nghề nghiệp (G07-LD06) | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp | Cơ sở giáo dục nghề nghiệp | | | Học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc một trong những đối tượng sau:<br>- Học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật.<br>- Học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú.<br>- Học sinh, sinh viên người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo, thuộc hộ cận nghèo hoặc là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo. | | Đã công khai |
| 1111 | 2.002593 | Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh | 98/QĐ-BGDĐT | 05/01/2024 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Các Đơn vị cấp tỉnh phải có kết quả tự đánh giá, công nhận và nộp đầy đủ các hồ sơ đúng thời hạn.<br>a) Đơn vị cấp tỉnh được công nhận đạt "Đơn vị học tập" cấp tỉnh mức độ 1 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 12 Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá, công nhận "Đơn vị học tập" cấp huyện, tỉnh.<br>b) Đơn vị cấp tỉnh được công nhận đạt "Đơn vị học tập" cấp tỉnh mức độ 2 khi đạt đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu được quy định tại Điều 13 Thông tư số 24/2023/TT-BGDĐT ngày 11/12/2023. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1112 | 2.002811 | Phê duyệt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài | 2750/QĐ-BGDĐT | 03/10/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội | | | | 1.10.1. Chương trình, giáo trình, tài liệu sử dụng để dạy và học bằng tiếng nước ngoài<br>a) Đối với giáo dục phổ thông<br>- Cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam được dạy và học một số môn học, hoạt động giáo dục hoặc một số nội dung của một số môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng nước ngoài, ưu tiên đối với các môn học thuộc các lĩnh vực toán học, khoa học tự nhiên, công nghệ và tin học;<br>- Chương trình, tài liệu giảng dạy bằng tiếng nước ngoài trong các cơ sở giáo dục phổ thông bảo đảm đáp ứng các yêu cầu tương ứng quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục của Chương trình giáo dục phổ thông của Việt Nam và được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 222/2025/NĐ-CP.<br>b) Đối với giáo dục thường xuyên | | Đã công khai |
| 1113 | 2.002813 | Chấm dứt hoạt động của Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài | 2750/QĐ-BGDĐT | 03/10/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội | | | | Việc chấm dứt Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài phải bảo đảm quyền lợi của người dạy và người học. | | Đã công khai |
| 1114 | 2.002812 | Gia hạn hoặc điều chỉnh Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài | 2750/QĐ-BGDĐT | 03/10/2025 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hà Nội | | | | Cơ sở giáo dục được xem xét gia hạn hiệu lực thực hiện Đề án dạy và học bằng tiếng nước ngoài hoặc điều chỉnh Đề án khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Thực hiện đúng các nội dung trong Quyết định phê duyệt Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;<br>- Tiếp tục đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 222/2025/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 1115 | 3.000181 | Tuyển sinh trung học phổ thông | 2108/QĐ-BGDĐT | 24/06/2021 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Giáo dục trung học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | Loại khác | | Trực tuyến. Trường hợp địa phương chưa đủ điều kiện thực hiện đăng ký tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến thì thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc qua đường bưu điện theo Kế hoạch và Thông báo tuyển sinh hằng năm | Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Trung học phổ thông | | | | 1.10.1. Học sinh, học viên (sau đây gọi chung là học sinh) tốt nghiệp trung học cơ sở, trong độ tuổi vào học lớp 10 theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.<br>1.10.2. Tuyển thẳng, chế độ ưu tiên tuyển sinh trung học phổ thông:<br>1.10.2.1. Tuyển thẳng vào trung học phổ thông các đối tượng sau đây:<br>a) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú cấp trung học cơ sở.<br>b) Học sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người.<br>c) Học sinh là người khuyết tật.<br>d) Học sinh trung học cơ sở đạt giải cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ và cơ quan ngang Bộ tổ chức trên quy mô toàn quốc đối với các cuộc thi, kì thi, hội thi (sau đây gọi chung là cuộc thi) về văn hóa, văn nghệ, thể thao; cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật | | Đã công khai |
| 1116 | 1.000449 | Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng | | | | | | Đã công khai |
| 1117 | 1.013888 | Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông | 1442/QĐ-BKHCN | 24/06/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1118 | 1.013885 | Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông | 1442/QĐ-BKHCN | 24/06/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1119 | 1.013922 | Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp (bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt, địa chỉ của tổ chức, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, họ tên và số Chứng chỉ của người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức. | | Đã công khai |
| 1120 | 1.013919 | Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp. | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1121 | 1.013927 | Thủ tục Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ - | 672/QĐ-BKHCN | 29/01/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1122 | 1.013928 | Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Có sự thay đổi thông tin đã được ghi nhận trong Sổ đăng ký quốc gia về đại diện sở hữu công nghiệp (bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch, tên viết tắt, địa chỉ của tổ chức, lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp, họ tên và số Chứng chỉ của người đại diện sở hữu công nghiệp hành nghề trong tổ chức. | | Đã công khai |
| 1123 | 1.013944 | Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư - | 675/QĐ-BKHCN | 29/01/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1124 | 1.013955 | Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Điều kiện đăng ký dự kỳ kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp:<br>- Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>- Thường trú tại Việt Nam;<br>- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, chống cạnh tranh không lành mạnh, bí mật kinh doanh; có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương chuyên ngành khoa học tự nhiên hoặc khoa học kỹ thuật đối với trường hợp hành nghề trong lĩnh vực sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;<br>- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định các loại đơn đăng ký sở hữu công nghiệp tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về sở hữu công nghiệp từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về sở hữu công nghiệp được cơ quan có thẩm | | Đã công khai |
| 1125 | 1.013972 | Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp. | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1126 | 1.013966 | Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Trong trường hợp sau đây, các đồng sở hữu quyền sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu cấp phó bản văn bằng bảo hộ, cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ:<br>- Trường hợp quyền sở hữu công nghiệp thuộc sở hữu chung, văn bằng bảo hộ chỉ được cấp cho người đầu tiên trong danh sách những người nộp đơn chung. Các đồng sở hữu khác có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp phó bản văn bằng bảo hộ, với điều kiện phải nộp phí cấp phó bản;<br>- Trường hợp văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ bị mất hoặc bị hỏng, rách, bẩn, phai mờ đến mức không sử dụng được, bị tháo rời không giữ được niêm phong, chủ sở hữu quyền sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ, với điều kiện phải nộp phí tương ứng. | | Đã công khai |
| 1127 | 1.013970 | Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp | 2075/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Sở hữu trí tuệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1128 | 1.014393 | Công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển (Sở Khoa học và Công nghệ) | 3212/QĐ-BKHCN. | 17/10/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ, Sở khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 1129 | 1.014388 | Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài | 3212/QĐ-BKHCN. | 17/10/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Điều lệ tổ chức và hoạt động<br>a) Có điều lệ tổ chức và hoạt động quy định rõ: tên gọi, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, cơ cấu tổ chức, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, phương thức quản lý và điều hành, điều kiện chia, tách, sáp nhập, giải thể và các nội dung khác theo quy định của pháp luật;<br>b) Tên tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm tên đầy đủ, tên giao dịch quốc tế và tên viết tắt (nếu có), được viết bằng các chữ cái trong Bảng chữ cái tiếng Việt; có thể kèm theo các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu, bảo đảm dễ đọc, dễ phát âm. Tên tổ chức khoa học và công nghệ bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của tổ chức khoa học và công nghệ có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.<br>Tên tổ chức không được trùng hoặc gây | | Đã công khai |
| 1130 | 1.014440 | Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không | | Đã công khai |
| 1131 | 1.014436 | Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1132 | 1.014435 | Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1133 | 1.014437 | Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1134 | 1.014439 | Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Là các loại hình tổ chức có hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 47 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có mục tiêu kết nối, tập hợp và huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo; cung cấp dịch vụ, hạ tầng và giải pháp để thúc đẩy ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời kết nối và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo.<br>2. Thực hiện một số hoạt động chính sau:<br>a) Khảo sát, thu thập và phân tích nhu cầu ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng suất và phát triển sản phẩm mới của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân | | Đã công khai |
| 1135 | 1.014445 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP) | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1136 | 1.014438 | Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Đáp ứng tiêu chí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP, cụ thể:<br>(1). Là các loại hình tổ chức có hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 47 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, có mục tiêu kết nối, tập hợp và huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo; cung cấp dịch vụ, hạ tầng và giải pháp để thúc đẩy ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, khai thác và thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ, nâng cao năng suất, chuyển đổi số, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời kết nối và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo.<br>(2). Thực hiện một số hoạt động chính sau:<br>a) Khảo sát, thu thập và phân tích nhu cầu ứng dụng công nghệ, chuyển giao công | | Đã công khai |
| 1137 | 1.014446 | Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ (Nghị định số 268/2025/NĐ-CP) | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1138 | 1.014451 | Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1139 | 1.014444 | Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1140 | 1.014454 | Thủ tục đề xuất tham gia chương trình hỗ trợ voucher. | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1141 | 1.014453 | Thủ tục đề nghị hỗ trợ lãi suất vay. | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1142 | 1.014452 | Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo. | 3578/QĐ-BKHCN | 07/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1143 | 1.014540 | Thủ tục hỗ trợ thực tập, nghiên cứu ngắn hạn ở nước ngoài (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1144 | 1.014539 | Thủ tục hỗ trợ hoạt động truyền thông khoa học , công nghệ và đổi mới sáng tạo phổ biến tri thức (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1145 | 1.014460 | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước | 3659/QĐ-BKHCN | 13/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước | Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1146 | 1.014536 | Thủ tục hỗ trợ tổ chức hội thảo khoa học tại Việt Nam (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1147 | 1.014461 | Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 3659/QĐ-BKHCN | 13/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1148 | 1.014538 | Thủ tục hỗ trợ hoạt động sáng kiến, giải pháp cải tiến kỹ thuật hoặc hợp lý hóa sản xuất (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1149 | 1.014525 | Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh) | 4063/QĐ-BKHCN | 08/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1150 | 1.014459 | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 3659/QĐ-BKHCN | 13/11/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | Tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ cấp tỉnh | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1151 | 1.014537 | Thủ tục hỗ trợ phát triển tạp chí khoa học (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1152 | 1.014549 | Thủ tục hỗ trợ tham dự và báo cáo kết quả nghiên cứu tại hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1153 | 1.014551 | Thủ tục hỗ trợ công bố công trình khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1154 | 1.014547 | Thủ tục hỗ trợ mời nhà khoa học xuất sắc nước ngoài đến Việt Nam trao đổi học thuật ngắn hạn (cấp tỉnh) | 4211/QĐ-BKHCN | 17/12/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1155 | 1.014674 | Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | 248/QĐ-BKHCN | 12/01/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | An toàn bức xạ và hạt nhân | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phòng xạ công nghiệp) | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Không có | | Đã công khai |
| 1156 | 1.014891 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1157 | 1.014881 | Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1158 | 1.014882 | Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1159 | 1.014885 | Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1160 | 1.014879 | Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1161 | 1.014880 | Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1162 | 1.014889 | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm.<br>2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành đối với lĩnh vực đăng ký sửa đổi, bổ sung.<br>3. Phải có ít nhất 01 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) cho từng lĩnh vực, đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 42 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.<br>4. Có máy móc, thiết bị, dụng cụ thử [illegible] | | Đã công khai |
| 1163 | 1.014888 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Là một trong các loại hình tổ chức quy định tại Điều 50 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.<br>2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực thử nghiệm chuyên ngành.<br>3. Có ít nhất 06 thử nghiệm viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn), đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Tốt nghiệp cao đẳng trở lên với chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực thử nghiệm đăng ký;<br>b) Được đào tạo về tiêu chuẩn quốc gia | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1164 | 1.014883 | Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1165 | 1.014892 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1166 | 1.014895 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1167 | 1.014894 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1168 | 1.014893 | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định.<br>2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17020 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực giám định chuyên ngành đối với lĩnh vực đăng ký sửa đổi, bổ sung.<br>3. Có ít nhất 02 giám định viên chính thức của tổ chức (viên chức hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên hoặc người lao động ký kết hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ không xác định thời hạn) đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 46 Nghị định số 22/2026/NĐ-CP. | | Đã công khai |
| 1169 | 1.014897 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác, Sở Khoa học và Công nghệ | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1170 | 1.014896 | Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý. | 1263/QĐ-BKHCN | 15/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | 1. Đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận.<br>2. Có hệ thống quản lý và năng lực hoạt động đối với lĩnh vực đăng ký bổ sung, sửa đổi đáp ứng các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn quốc tế cho mỗi loại hình tương ứng sau đây:<br>a) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17065 hoặc tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế áp dụng trong lĩnh vực chứng nhận sản phẩm chuyên ngành và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc tiêu chuẩn tương ứng với yêu cầu của chương trình chứng nhận đặc thù đối với hoạt động chứng nhận sản phẩm, hàng hoá;<br>b) Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17021-1 hoặc tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17021-1 và các hướng dẫn liên quan của Diễn đàn Công nhận Quốc tế (IAF) hoặc | | Đã công khai |
| 1171 | 2.000212 | Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất Lượng | | | | | | Đã công khai |
| 1172 | 2.002249 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | | Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký văn bản thỏa thuận gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, bên nhận công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam, chuyển giao công nghệ trong nước hoặc bên giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ từ Việt Nam ra nước ngoài thay mặt các bên phải gửi hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ. | | Đã công khai |
| 1173 | 2.002248 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) | | Sở Khoa học và Công nghệ, Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1174 | 2.002253 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân. | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | Điều kiện hoạt động đối với đơn vị tổ chức xét thưởng:<br>- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng, có trụ sở, con dấu và tài khoản độc lập.<br>- Đối với cá nhân: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có tài khoản độc lập.<br>- Có đủ năng lực tài chính để bảo đảm tổ chức thành công hoạt động xét tặng giải thưởng. Trường hợp sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đơn vị tổ chức xét thưởng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức xét tặng giải thưởng bằng văn bản và việc sử dụng kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng giải thưởng phải tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.<br>- Có đủ cán bộ, nhân viên có năng lực | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1175 | 2.002548 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1176 | 2.002544 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Khoa học và Công nghệ) | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Sở Khoa học và Công nghệ nơi có chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao trong dự án đầu tư tại địa phương | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh, Sở khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Sở khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1177 | 2.002724 | Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm cả thời gian gia hạn thực hiện nhiệm vụ (nếu có). | | Đã công khai |
| 1178 | 2.002711 | Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước | 753/QĐ-BKHCN | 29/04/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Khoa học và Công nghệ | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | | | Việc nộp hồ sơ thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh theo hợp đồng, tính cả thời gian được gia hạn thực hiện nhiệm vụ (nếu có). | | Đã công khai |
| 1179 | 2.002847 | Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập | 851/QĐ-BKHCN | 04/02/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Viễn thông và Internet | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1180 | 3.000474 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức) | 1466/QĐ-BKHCN | 25/06/2025 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | Loại khác | | | Cơ quan phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh | | | | Điều kiện hoạt động đối với đơn vị tổ chức xét thưởng:<br>- Được thành lập theo quy định của pháp luật, có chức năng tổ chức hoạt động xét tặng giải thưởng, có trụ sở, con dấu và tài khoản độc lập.<br>- Đối với cá nhân: phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có tài khoản độc lập.<br>- Có đủ năng lực tài chính để bảo đảm tổ chức thành công hoạt động xét tặng giải thưởng. Trường hợp sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để tổ chức xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá, đơn vị tổ chức xét thưởng phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép tổ chức xét tặng giải thưởng bằng văn bản và việc sử dụng kinh phí cho hoạt động tổ chức xét tặng giải thưởng phải tuân thủ các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định về quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.<br>- Có đủ cán bộ, nhân viên có năng lực | | Đã công khai |
| 1181 | 1.000025 | Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý doanh nghiệp | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chủ quản | | | | | | Đã công khai |
| 1182 | 1.000045 | Xác nhận bảng kê lâm sản | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Kiểm lâm | Chi cục Kiểm lâm | | | | | Đã công khai |
| 1183 | 1.000047 | Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Kiểm lâm | Chi cục Kiểm lâm, Chi cục Kiểm lâm | | | | | Đã công khai |
| 1184 | 1.000055 | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Kiểm Lâm sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1185 | 1.000071 | Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phí dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh | | | | không | | Đã công khai |
| 1186 | 1.000081 | Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | QĐ/0001-NNPTNT | 06/08/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1187 | 1.000084 | Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1188 | 1.000987 | Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khí tượng, thủy văn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hoặc qua thuế điện tử của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc phương thức tiếp nhận khác theo quy định của pháp luật | Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | (1) Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức:<br>- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự.<br>- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn gồm: trang thiết bị, hệ thống tính toán, thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo.<br>- Có đội ngũ nhân lực tối thiểu 01 người, tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khí tượng thủy văn và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.<br>(2) Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của cá nhân:<br>- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng | | Đã công khai |
| 1189 | 1.000943 | Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khí tượng, thủy văn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hoặc qua thuế điện tử của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc phương thức tiếp nhận khác theo quy định của pháp luật | Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | (1) Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức:<br>- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự.<br>- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn gồm: trang thiết bị, hệ thống tính toán, thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo.<br>- Có đội ngũ nhân lực tối thiểu 01 người tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khí tượng thủy văn và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.<br>(2) Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của cá nhân:<br>- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng | | Đã công khai |
| 1190 | 1.000970 | Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khí tượng, thủy văn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ hoặc qua thuế điện tử của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc phương thức tiếp nhận khác theo quy định của pháp luật | Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | (1) Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của tổ chức:<br>- Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật về dân sự.<br>- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn gồm: trang thiết bị, hệ thống tính toán, thu nhận, xử lý thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn; thông tin, dữ liệu phục vụ dự báo, cảnh báo.<br>- Có đội ngũ nhân lực tối thiểu 01 người tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành khí tượng thủy văn và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.<br>(2) Điều kiện hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn của cá nhân:<br>- Có cơ sở vật chất, kỹ thuật thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật, bảo đảm đáp ứng | | Đã công khai |
| 1191 | 1.000942 | Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1192 | 1.002338 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1193 | 1.002373 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1194 | 1.002560 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật | 678/QĐ-BNN-BVTV | 28/02/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:<br>- Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất.<br>- Nhà xưởng, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong cụm công nghiệp, khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.<br>- Thiết bị sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng quy trình, công nghệ sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn theo quy | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1195 | 1.002996 | Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1196 | 1.003221 | Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1197 | 1.003203 | Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1198 | 1.003232 | Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1199 | 1.003211 | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1200 | 1.002432 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1201 | 1.003397 | Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.<br>- Hợp đồng liên kết được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền.<br>- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.<br>- Liên kết đảm bảo ổn định:<br>+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 05 năm;<br>+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết theo dự án liên kết tối thiểu là 03 năm.<br>- Dự án liên kết có sự hỗ trợ của nhà nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. | | Đã công khai |
| 1202 | 1.003395 | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu | 559/QĐ-BNN-BVTV | 19/02/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1203 | 1.003486 | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | Người nhập khẩu phải thực hiện tự công bố sản phẩm muối nhập khẩu theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP mới được phép lưu thông trên thị trường và có trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP:<br>- Đối với nhập khẩu muối thực phẩm (muối ăn): Bản tự công bố sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-193: 2021/BNNPTNT đối với muối (Natri clorua) thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.<br>- Đối với nhập khẩu muối tinh: Bản tự công bố sản phẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-194: 2021/BNNPTNT đối với muối (Natri clorua) tinh của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. | | Đã công khai |
| 1204 | 1.003586 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản | 4866/QĐ-BNN-TCTS | 10/12/2018 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1205 | 1.003593 | Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác | 4866/QĐ-BNN-TCTS | 10/12/2018 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1206 | 1.003650 | Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản | 4866/QĐ-BNN-TCTS | 10/12/2018 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1207 | 1.003634 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản | 4866/QĐ-BNN-TCTS | 10/12/2018 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1208 | 1.003695 | Công nhận làng nghề | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định 52/2018/NĐ-CP;<br>- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận;<br>- Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành. | | Đã công khai |
| 1209 | 1.003666 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1210 | 1.003681 | Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản | 4866/QĐ-BNN-TCTS | 10/12/2018 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1211 | 1.003727 | Công nhận làng nghề truyền thống | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Đạt tiêu chí làng nghề nông thôn (đạt cả 3 tiêu chí):<br>+ Có tối thiểu 20% tổng số hộ trên địa bàn tham gia một trong các hoạt động hoặc các hoạt động ngành nghề nông thôn quy định tại Điều 4 Nghị định 52/2018/NĐ-CP;<br>+ Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định tối thiểu 02 năm liên tục tính đến thời điểm đề nghị công nhận;<br>+ Đáp ứng các điều kiện bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định của pháp luật hiện hành.<br>- Có ít nhất một nghề truyền thống nông thôn (là nghề đạt cả 3 tiêu chí):<br>+ Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận;<br>+ Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hoá dân tộc;<br>+ Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề; | | Đã công khai |
| 1212 | 1.003712 | Công nhận nghề truyền thống | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Nghề đã xuất hiện tại địa phương từ trên 50 năm và hiện đang tiếp tục phát triển tính đến thời điểm đề nghị công nhận;<br>- Nghề tạo ra những sản phẩm mang bản sắc văn hoá dân tộc;<br>- Nghề gắn với tên tuổi của một hay nhiều nghệ nhân hoặc tên tuổi của làng nghề. | | Đã công khai |
| 1213 | 1.003741 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan phân cấp, ủy quyền của UBND cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1214 | 1.003851 | Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1215 | 1.003867 | Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1216 | 1.003971 | Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Việc nhập khẩu và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide phải tuân thủ theo Nghị định thư Montreal (Nghị định thư về các chất làm suy giảm tầng ôzôn):<br>- Chỉ được nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất methyl bromide từ các nước tham gia Nghị định thư Montreal.<br>- Chỉ được nhập khẩu và sử dụng methyl bromide với mục đích kiểm dịch thực vật, khử trùng nông sản xuất khẩu (QPS) và các trường hợp theo quy định của Nghị định thư Montreal. | | Đã công khai |
| 1217 | 1.003984 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật | 4307/QĐ-BNN-BVTV | 24/10/2016 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1218 | 1.004022 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1219 | 1.004117 | Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1220 | 1.004096 | Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1221 | 1.004122 | Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1222 | 1.004150 | Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1223 | 1.004179 | Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1224 | 1.004167 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1225 | 1.004232 | Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1226 | 1.004211 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1227 | 1.004283 | Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1228 | 1.004228 | Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1229 | 1.004237 | Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tổng hợp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | Đã công khai |
| 1230 | 1.004223 | Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1231 | 1.004359 | Cấp, cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1232 | 1.004344 | Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam | 1154/QĐ-BNN-TCTS | 05/04/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1233 | 1.004692 | Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1234 | 1.004694 | Công bố mở cảng cá loại I, loại II | 1154/QĐ-BNN-TCTS | 05/04/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1235 | 1.004913 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân | 1154/QĐ-BNN-TCTS | 05/04/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1236 | 1.004839 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không | | Đã công khai |
| 1237 | 1.004929 | Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Thủy sản | | | | | | Đã công khai |
| 1238 | 1.004918 | Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1239 | 1.004915 | Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1240 | 1.005319 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Không. | | Đã công khai |
| 1241 | 1.005189 | Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1242 | 1.005401 | Giao khu vực biển (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1243 | 1.005399 | Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1244 | 1.007916 | Nộp tiền trồng rừng thay thế | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Kiểm Lâm sở Nông nghiệp và Môi trường | Chi cục Kiểm lâm | | | | | Đã công khai |
| 1245 | 1.007918 | Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng | | | | | Đã công khai |
| 1246 | 1.007926 | Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón | 2286/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | 7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:<br>Tổ chức khảo nghiệm phân bón phải bảo đảm các điều kiện sau đây:<br>a) Có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, không kể người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm, có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học và phải tham gia tập huấn khảo nghiệm phân bón theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.<br>Tổ chức khảo nghiệm phân bón phải có đủ số lượng nhân lực thực hiện khảo nghiệm, trong đó ngoài người trực tiếp phụ trách khảo nghiệm phải có tối thiểu 05 nhân lực chính thức thực hiện khảo nghiệm (viên chức hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn tối thiểu 12 tháng).<br>b) Có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1247 | 1.007927 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón | 174/QĐ-BNN-BVTV | 09/01/2023 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón bao gồm:<br>- Có địa điểm sản xuất, diện tích nhà xưởng phù hợp với quy mô sản xuất: Khu sản xuất có tường, trần, vách ngăn, cửa bảo đảm yêu cầu về kiểm soát chất lượng.<br>- Có dây chuyền, máy móc, thiết bị phù hợp với quy trình sản xuất từng loại, dạng phân bón: Dây chuyền, máy móc, thiết bị sản xuất phân bón phải phù hợp với quy trình sản xuất từng loại phân bón, dạng phân bón quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 84/2019/NĐ-CP.<br>- Có khu vực chứa nguyên liệu và khu vực thành phẩm riêng biệt;<br>- Người trực tiếp điều hành sản xuất phải có trình độ từ đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về trồng trọt, bảo vệ thực vật, nông hóa thổ nhưỡng, khoa học đất, nông học, hóa học, sinh học. | | Đã công khai |
| 1248 | 1.007929 | Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1249 | 1.008003 | Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1250 | 1.007994 | Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. | 174/QĐ-BNN-BVTV | 09/01/2023 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1251 | 1.007999 | Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định lưu hành giống cây trồng). | 174/QĐ-BNN-BVTV | 09/01/2023 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1252 | 1.008675 | Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Giám đốc Sở và cấp tương đương | | | | | Đã công khai |
| 1253 | 1.008682 | Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Sở Nông nghiệp và Môi trường bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1254 | 1.009481 | Công nhận khu vực biển (cấp tỉnh) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1255 | 1.010090 | Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản | 419/QĐ-BNN-TT | 02/02/2015 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1256 | 1.010727 | Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) ( 1.010727 ) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Môi trường | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) ( 1.010727 ) | Bước 1: Nộp hồ sơ: Tổ chức/cá nhân (chủ dự án đầu tư, cơ sở) nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đến Cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan thẩm định cấp phép) thông qua một trong các hình thức sau:<br>+ Trực tuyến: thông qua Cổng Dịch Công dịch vụ công quốc gia (địa chỉ https://dichvucong.gov.vn) hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức.<br>- Dự án đầu tư, cơ sở hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành có tiêu chí về môi trường như Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý khi đi vào vận hành chính thức. | | Đã công khai |
| 1257 | 1.010729 | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729) | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Môi trường | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Tỉnh) (1.010729) | Tổ chức/cá nhân (chủ dự án đầu tư, cơ sở) nộp hồ sơ đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đến Cơ quan được giao nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là Cơ quan thẩm định cấp phép) thông qua một trong các hình thức sau:<br>+ Trực tuyến: thông qua Cổng Dịch Công dịch vụ công quốc gia (địa chỉ https://dichvucong.gov.vn) hoặc Ứng dụng định danh quốc gia. | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi nội dung cấp phép nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ, (trừ trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường hoặc thay đổi khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh; trường hợp thay đổi giảm nội dung cấp phép môi trường, việc điều chỉnh giấy phép môi trường được thực hiện khi có đề nghị của chủ dự án đầu tư, cơ sở).<br>- Dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có thay đổi tăng quy mô, công suất sản xuất, thay đổi công nghệ sản xuất như đối với trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm | | Đã công khai |
| 1258 | 1.011518 | Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước . | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1259 | 1.012072 | Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng | 4953/QĐ-BNN-TT | 22/11/2023 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | - Là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>- Thường trú tại Việt Nam;<br>- Có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương;<br>- Đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng từ năm năm trở lên hoặc đã trực tiếp làm công tác thẩm định đơn đăng ký quyền đối với giống cây trồng tại cơ quan quốc gia hoặc quốc tế về quyền đối với giống cây trồng từ năm năm trở lên hoặc đã tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng được cơ quan có thẩm quyền công nhận;<br>- Không phải là công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác lập và bảo vệ quyền đối với giống cây trồng;<br>- Đã đạt yêu cầu tại kỳ kiểm tra về nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng do cơ quan có thẩm quyền tổ chức | | Đã công khai |
| 1260 | 1.012071 | Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ | 4953/QĐ-BNN-TT | 22/11/2023 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1261 | 1.012503 | Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1262 | 1.012501 | Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1263 | 1.012504 | Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | Đã công khai |
| 1264 | 1.012687 | Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1265 | 1.012689 | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1266 | 1.012690 | Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1267 | 1.012692 | Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Bộ, Cơ quan ngang Bộ | | | | | Đã công khai |
| 1268 | 1.012756 | Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý. | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1269 | 1.012783 | Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1270 | 1.012781 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1271 | 1.012784 | Tách thửa hoặc hợp thửa đất. | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1272 | 1.012782 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | | Đã công khai |
| 1273 | 1.012793 | Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1274 | 1.012786 | Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1275 | 1.012785 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1276 | 1.012791 | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh., Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh., Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1277 | 1.012787 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1278 | 1.012790 | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp. | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh., Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh., Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1279 | 1.012805 | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1280 | 1.012821 | Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1281 | 1.012834 | Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh An Giang | | | | | | | Đã công khai |
| 1282 | 1.012832 | Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | | Đã công khai |
| 1283 | 1.012835 | Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi | 705/QĐ-BNNMT | 09/04/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tài chính Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1284 | 1.012833 | Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Chăn nuôi | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh An Giang | | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1285 | 1.012921 | Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Hội đồng nhân dân tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1286 | 1.013799 | Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước | 248/QĐ-BNNMT | 20/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1287 | 1.013823 | Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1288 | 1.013827 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa. | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | | | | | | Đã công khai |
| 1289 | 1.013826 | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1290 | 1.013831 | Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa; chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; bán hoặc tặng cho hoặc để thừa kế hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1291 | 1.013825 | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1292 | 1.013833 | Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi số hiệu hoặc địa chỉ của thửa đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1293 | 1.013945 | Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | | | | | | Đã công khai |
| 1294 | 1.013828 | Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | | | | | | Đã công khai |
| 1295 | 1.013946 | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | | | | | | Đã công khai |
| 1296 | 1.013861 | Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh | 1345/QĐ-BNNMT | 17/04/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Khí tượng, thủy văn | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Bất kỳ Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) hoặc phương thức tiếp nhận khác theo quy định của pháp luật | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | | | Không quy định. | | Đã công khai |
| 1297 | 1.013993 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |
| 1298 | 1.013977 | Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1299 | 1.013992 | Đăng ký biến động chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |
| 1300 | 1.013947 | Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1301 | 1.013980 | Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm; quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc bản án, quyết định của Tòa án, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án đã được thi hành; quyết định hoặc phán quyết của Trọng tài thương mại Việt Nam về giải quyết tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại liên quan đến đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |
| 1302 | 1.013988 | Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ trên Giấy chứng nhận đã cấp | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |
| 1303 | 1.013995 | Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai | | | | | Đã công khai |
| 1304 | 1.013994 | Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư có sử dụng đất | 2304/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | Văn phòng đăng ký đất đai, Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | | | | | Đã công khai |
| 1305 | 1.014256 | Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1245/QĐ-BNNMT | 10/04/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1306 | 1.014257 | Cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | *Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III (trừ trường hợp cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản); giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố<br>Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng các điều kiện sau:<br>- Là tổ chức đăng ký kinh doanh ngành, nghề khai thác khoáng sản, cụ thể: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký | | Đã công khai |
| 1307 | 1.014265 | Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức, cá nhân được xem xét cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Khi thời hạn khai thác khoáng sản đã hết hoặc đã được gia hạn nhưng giấy phép đã hết hiệu lực mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng hoặc khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản sau ngày giấy phép khai thác khoáng sản đã hết hiệu lực mà khu vực được phép khai thác còn trữ lượng.<br>- Đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật) và không vi phạm các nghĩa vụ của pháp luật về khoáng sản đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước đó | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1308 | 1.014261 | Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | (1) Tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản, gồm:<br>- Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;<br>- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;<br>- Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.<br>- Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động hoàng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III).<br>(2) Thuộc đối tượng trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ, gồm:<br>- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền | | Đã công khai |
| 1309 | 1.014260 | Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 của Luật Địa chất và khoáng sản:<br>+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp;<br>+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã;<br>+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam;<br>+ Cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề thuộc lĩnh vực hoạt động khoáng sản được xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nhóm III.<br>- Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải có vốn chủ sở hữu, bảo lãnh ngân hàng bảo đảm 100% dự toán để ấn thăm dò khoáng sản theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | | Đã công khai |
| 1310 | 1.014270 | Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức cá nhân được xem xét chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>- Tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản chỉ được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản sau khi đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác.<br>- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản phải có đủ điều kiện được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.<br>- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định theo quy định tại các điểm a, d, đ, g, h, i, và k khoản 2 Điều 59 của Luật Địa chất và khoáng sản kèm theo các tài liệu chứng minh, cụ thể gồm:<br>+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; hoàn trả chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản; nộp thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật; | | Đã công khai |
| 1311 | 1.014266 | Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | (1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố<br>Tổ chức, cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Việc gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với trữ lượng còn lại khi giấy phép khai thác khoáng sản hết hiệu lực.<br>- Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi | | Đã công khai |
| 1312 | 1.014269 | Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | (1) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm II; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III; giấy phép khai thác khoáng sản nhóm I tại khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường khoanh định và công bố<br>Tổ chức, cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác khoáng sản không có nhu cầu tiếp tục khai thác khoáng sản;<br>- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 65 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.<br>(2) Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị | | Đã công khai |
| 1313 | 1.014267 | Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1314 | 1.014280 | Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức cá nhân được xem xét gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Việc gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản được thực hiện để kéo dài thời hạn khai thác đối với khối lượng khoáng sản còn lại khi giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hết hiệu lực;<br>- Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực ít nhất 30 ngày tại thời điểm cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn. Trường hợp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực ít hơn 30 ngày, người có thẩm quyền quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp bất khả kháng, trước khi xem xét gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. | | Đã công khai |
| 1315 | 1.014279 | Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức cá nhân được xem xét cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền lựa chọn cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản ở khu vực không đấu giá theo quy định tại khoản 2 Điều 79 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;<br>- Đáp ứng các yêu cầu về năng lực tài chính quy định tại Điều 55 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ;<br>- Đã được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư | | Đã công khai |
| 1316 | 1.014272 | Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Nội dung giấy phép khai thác khoáng sản được cấp trước ngày 01/01/2026 có nội dung không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật Địa chất và khoáng sản (cụ thể, nội dung giấy phép khai thác khoáng sản bao gồm: Vị trí, diện tích khu vực khai thác khoáng sản; mức sâu được phép khai thác; Loại khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm (nếu có); Trữ lượng hoặc khối lượng khoáng sản được phép khai thác; Công suất khai thác, phương pháp khai thác khoáng sản; Thời hạn khai thác khoáng sản).<br>- Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản trong thời hạn từ ngày 01/01/2026 đến ngày 01/01/2029. Sau thời hạn ngày 01/01/2029, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải tạm dừng khai thác cho đến khi được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản. | | Đã công khai |
| 1317 | 1.014281 | Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | 1245/QĐ-BNNMT | 10/04/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức, cá nhân được xem xét điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Được cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư khai thác khoáng sản điều chỉnh hoặc cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có); trừ trường hợp quy định tại khoản 1a Điều 57 của Luật Địa chất và khoáng sản;<br>- Được cơ quan có thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công chấp thuận bằng văn bản đối với nội dung điều chỉnh so với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc thiết kế bản vẽ thi công trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng;<br>- Trường hợp điều chỉnh giảm công suất và kéo dài thời gian khai thác so với thời gian quy định trong giấy phép khai thác tận thu | | Đã công khai |
| 1318 | 1.014295 | Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1319 | 1.014283 | Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Điều kiện chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản:<br>- Tuân thủ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 của Luật Địa chất và khoáng sản được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 20 Điều 1 của Luật số 147/2025/QH15;<br>- Đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, d, đ, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 70 của Luật Địa chất và khoáng sản, cụ thể:<br>+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;<br>+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và các hoạt động khác được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ được phê duyệt theo quy định của pháp luật; trừ trường hợp bất khả kháng;<br>+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1320 | 1.014282 | Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Tổ chức, cá nhân được xem xét trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:<br>- Tổ chức, các nhân được cấp phép khai thác khoáng sản không có nhu cầu tiếp tục khai thác khoáng sản;<br>- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 2 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | | Đã công khai |
| 1321 | 1.014290 | Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1322 | 1.014289 | Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | | | Tổ chức cá nhân được xem xét để chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi có đủ năng lực tài chính để thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản quy định khoản 3 Điều 53 của Luật Địa chất và khoáng sản, Điều 55 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ. | | Đã công khai |
| 1323 | 1.014346 | Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | | | Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giao nộp trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ khi hoàn thành nhiệm vụ, dự án hoặc đề án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 119 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ. | | Đã công khai |
| 1324 | 1.014605 | Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng | 01/QĐ-BNNMT | 02/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chi cục Kiểm lâm | Chi cục Kiểm lâm | | | | | Đã công khai |
| 1325 | 1.014466 | Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản (cấp Tỉnh) | 1245/QĐ-BNNMT | 10/04/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1326 | 1.014716 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền | 248/QĐ-BNNMT | 20/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1327 | 1.014786 | Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | Đã công khai |
| 1328 | 1.014838 | Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 364/QĐ-BNNMT | 29/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1329 | 1.014833 | Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen | 375/QĐ-BNNMT | 29/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân công bằng một trong các hình thức trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1330 | 1.014836 | Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 364/QĐ-BNNMT | 29/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1331 | 1.014788 | Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản (cấp Tỉnh) | 279/QĐ-BNNMT | 23/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Địa chất và khoáng sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1332 | 1.014837 | Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 364/QĐ-BNNMT | 29/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1333 | 1.014839 | Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 364/QĐ-BNNMT | 29/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1334 | 1.014847 | Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | 498/QĐ-BNNMT | 09/02/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1335 | 2.001064 | Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Chi cục chăn nuôi và thú y, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y đối với hành nghề thú y cho động vật trên cạn hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y cho động vật thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật tối thiểu phải được tập huấn về kỹ thuật tiêm phòng.<br>- Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng Đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thuỷ sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thuỷ sản.<br>- Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thuỷ sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thuỷ sản | | Đã công khai |
| 1336 | 2.001241 | Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1337 | 2.001236 | Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật | 678/QĐ-BNN-BVTV | 28/02/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1338 | 2.000873 | Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thú y | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1339 | 2.001427 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật | 678/QĐ-BNN-BVTV | 28/02/2019 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Trồng trọt và Bảo vệ thực vật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | Tổ chức sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải bảo đảm các điều kiện quy định tại Điều 61 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật và các điều kiện chi tiết sau:<br>- Người trực tiếp quản lý, điều hành sản xuất có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành hóa học, bảo vệ thực vật, sinh học, nông học; người lao động trực tiếp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật phải được huấn luyện an toàn về chuyên ngành hóa chất.<br>- Nhà xưởng, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải được bố trí trong cụm công nghiệp, khu công nghiệp và đảm bảo yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.<br>- Thiết bị sản xuất hoạt chất, thuốc kỹ thuật, sản xuất thuốc thành phẩm từ thuốc kỹ thuật và đóng gói thuốc bảo vệ thực vật phải đáp ứng quy trình, công nghệ sản xuất và đạt yêu cầu về an toàn theo quy | | Đã công khai |
| 1340 | 2.001726 | Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | | | Đã công khai |
| 1341 | 2.001738 | Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1342 | 2.001770 | Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành . | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1343 | 2.001804 | Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Thủy lợi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1344 | 2.001838 | Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ | 3279/QĐ-BNN-VP | 22/07/2021 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1345 | 2.001850 | Thẩm định, phê duyệt phương án cắm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1346 | 2.002750 | Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất | 629/QĐ-BNNMT | 03/04/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Đất đai | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh. | Hội đồng nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1347 | 2.002835 | Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đáo hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch | 248/QĐ-BNNMT | 20/01/2026 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Tài nguyên nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hải Phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1348 | 3.000152 | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | Loại khác | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh An Giang, Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | | Đã công khai |
| 1349 | 3.000160 | Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | Loại khác | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1350 | 3.000179 | Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | Loại khác | | | Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm - Bộ NN và MT, Chi Cục Kiểm Lâm | Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm - Bộ NN và MT, Chi cục Kiểm lâm | | | | | Đã công khai |
| 1351 | 3.000215 | Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác của Hội đồng nhân dân các tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An và Khánh Hoà theo ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ | 379/QĐ-BNNMT | 12/03/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | Loại khác | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường - tỉnh An Giang | | | | | | Đã công khai |
| 1352 | 3.000435 | Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh | 2298/QĐ-BNNMT | 23/06/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Biển và hải đảo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | Loại khác | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1353 | 3.000501 | Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý | 2653/QĐ-BNNMT | 11/07/2025 | Bộ Nông nghiệp và Môi trường | Lâm nghiệp và Kiểm lâm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | Loại khác | | | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Môi trường | Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Môi trường | | | | | Đã công khai |
| 1354 | 1.000502 | Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày) | 458/QĐ-BNV | 21/04/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính) | | | | - Doanh nghiệp đã đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập và đã ký quỹ tại ngân hàng nhận ký quỹ theo quy định trước thời điểm Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP có hiệu lực.<br>- Doanh nghiệp đã thanh lý Hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài với người lao động. | | Đã công khai |
| 1355 | 1.001257 | Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn. | | | | Người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (gọi chung là Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ) hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ (gọi chung là Bằng khen của cấp bộ), Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Bằng khen của cấp tỉnh). | | Đã công khai |
| 1356 | 1.004964 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a | 547/QĐ-LĐTBXH | 21/05/2020 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn., Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1357 | 1.005132 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày | 458/QĐ-BNV | 21/04/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính), Sở Nội Vụ | | | | Doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề đáp ứng điều kiện:<br>a) Có hợp đồng nhận lao động thực tập với cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài để đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề phù hợp với quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<br>b) Có tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập theo quy định của Chính phủ.<br>c) Chỉ được đưa người lao động có hợp đồng lao động và hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài đi thực tập nâng cao tay nghề tại cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài theo hợp đồng nhận lao động thực tập.<br>d) Ngành, nghề, công việc cụ thể người lao | | Bãi bỏ |
| 1358 | 1.009466 | Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể | 321/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Lao động, tiền lương | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Dựa trên cơ sở đồng thuận của người sử dụng lao động và các tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở của các doanh nghiệp tham gia thương lượng tập thể nhiều doanh nghiệp thông qua Hội đồng thương lượng tập thể. | | Đã công khai |
| 1359 | 1.009467 | Thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể. | 321/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Lao động, tiền lương | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Khi có phát sinh yêu cầu về việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể để phù hợp với tình hình thực tế. | | Đã công khai |
| 1360 | 1.010801 | Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1361 | 1.010809 | Giải quyết chế độ đối với thương binh đang hưởng chế độ mất sức lao động | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | | | Đã công khai |
| 1362 | 1.010813 | Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Đưa người có công về nuôi dưỡng tại gia đình đối với những trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý. | | Đã công khai |
| 1363 | 1.010821 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Nội vụ | | | | - Con người có công đang theo học tại các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên (đối với người học đang theo học Chương trình trung học cơ sở, trung học phổ thông), phổ thông dân tộc nội trú, trường dự bị đại học, trường năng khiếu, trường lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật (sau đây gọi là cơ sở giáo dục phổ thông).<br>- Người có công và con của họ đang theo học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có khóa học từ 01 năm trở lên hoặc cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học).<br>- Không áp dụng chế độ ưu đãi đối với người học đã hưởng chế độ ưu đãi đủ thời gian theo quy định tại Khoản 3 Điều 96 Nghị định 131/2021/NĐ-CP tại một cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học cùng trình độ đào tạo.<br>- Không áp dụng trợ cấp hàng tháng đối với trường hợp đang hưởng lương hoặc đã chết sinh hoạt phí | | Đã công khai |
| 1364 | 1.010822 | Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | | | Đã công khai |
| 1365 | 1.010825 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ. | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |
| 1366 | 1.010824 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | - Trợ cấp tuất hàng tháng, trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng<br>+ Được thực hiện đối với thân nhân của người có công còn sống.<br>+ Trợ cấp tuất hằng tháng đối với con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng nếu đủ điều kiện sau:<br>+Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng từ nhỏ nếu tổn thương cơ thể từ 61% trở lên được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận.<br>+ Con bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng sau khi đủ 18 tuổi nếu tổn thương cơ thể từ 61% trở lên được Hội đồng giám định y khoa có thẩm quyền kết luận, không có thu nhập hằng tháng hoặc tổng thu nhập hằng tháng thấp hơn 0,6 lần mức chuẩn.<br>+ Trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng đối với người quy định tại khoản 4 Điều 121 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP nếu dưới 18 tuổi mà mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc sau khi đủ 18 tuổi mà vẫn có đơn | | Đã công khai |
| 1367 | 1.010823 | Hưởng lại chế độ ưu đãi | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | | | Đã công khai |
| 1368 | 1.010827 | Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Mọi vướng mắc về chế độ và hồ sơ phải được giải quyết trước khi di chuyển. Thời điểm tiếp tục hưởng chế độ trợ cấp theo Phiếu báo di chuyển hồ sơ. | | Đã công khai |
| 1369 | 1.010830 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | k.1 Yêu cầu<br>- Thân nhân liệt sĩ, người được thân nhân liệt sĩ ủy quyền, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (tối đa 03 người) được hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ.<br>- Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ: tiền cất bốc và di chuyển hài cốt liệt sĩ; tiền đi lại và tiền ăn theo khoảng cách từ nơi di chuyển đến nghĩa trang liệt sĩ nơi đón nhận hài cốt liệt sĩ.<br>- Chỉ hỗ trợ một lần khi di chuyển hài cốt liệt sĩ.<br>k.2. Điều kiện<br>Chỉ áp dụng việc di chuyển hài cốt liệt sĩ đối với các trường hợp mộ liệt sĩ sau:<br>- Mộ liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ nhưng có biên bản bàn giao hài cốt liệt sĩ của cơ quan có thẩm quyền, nay đưa vào an táng trong nghĩa trang liệt sĩ.<br>- Mộ của thương binh chết do vết thương tái phát được công nhận là liệt sĩ nay đưa | | Đã công khai |
| 1370 | 1.010829 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | *k.1. Yêu cầu<br>- Thân nhân liệt sĩ, người được thân nhân liệt sĩ ủy quyền, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (tối đa 03 người) được hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ.<br>- Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ: tiền cất bốc và di chuyển hài cốt liệt sĩ; tiền đi lại và tiền ăn theo khoảng cách từ nơi cư trú đến nơi có mộ liệt sĩ; tiền xây vỏ mộ liệt sĩ đối với trường hợp an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ.<br>- Chỉ hỗ trợ một lần khi di chuyển hài cốt liệt sĩ.<br><br>k.2. Điều kiện<br>Chỉ áp dụng việc di chuyển hài cốt liệt sĩ đối với trường hợp mộ liệt sĩ có đầy đủ thông tin đang an táng trong nghĩa trang liệt sĩ. | | Đã công khai |
| 1371 | 1.012091 | Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc | 499/QĐ-BNV | 17/05/2025 | Bộ Nội vụ | Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | Người sử dụng lao động tuyển dụng và sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm các công việc nghệ thuật, thể dục, thể thao nhưng không làm tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa đủ 13 tuổi và phải có sự đồng ý của Sở Nội vụ. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1372 | 1.010828 | Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | - Cấp trích lục hồ sơ người có công hoặc sao một số giấy tờ trong hồ sơ người có công theo đề nghị của người có công hoặc thân nhân để giải quyết chế độ có liên quan đến nội dung đề nghị.<br>Thân nhân đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng thay đổi nơi thường trú mà vẫn còn thân nhân khác đang hưởng trợ cấp tuất hằng tháng tại nơi đi thì Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cấp bản trích lục hồ sơ người có công kèm bản sao y quyết định hưởng trợ cấp tuất hàng tháng đến nơi thường trú mới.<br>- Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công theo đề nghị của cơ quan, tổ chức để giải quyết vụ việc có liên quan. | | Đã công khai |
| 1373 | 1.010826 | Sửa đổi, bổ sung thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ | | | | Trường hợp áp dụng:<br>- Người có công đề nghị sửa đổi, bổ sung những thông tin sau: họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; quê quán của người có công hoặc thân nhân của họ ghi trong hồ sơ người có công để phù hợp với giấy tờ về hộ tịch.<br>- Thân nhân liệt sĩ, thân nhân người có công, người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, người hưởng chế độ đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác đề nghị sửa đổi, bổ sung những thông tin sau của bản thân: họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; quê quán để phù hợp với giấy tờ về hộ tịch.<br>- Thân nhân liệt sĩ hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ đề nghị sửa đổi, bổ sung những thông tin sau của liệt sĩ: họ, tên, chữ đệm; ngày, tháng, năm sinh; ngày, tháng, năm hy sinh; quê quán (theo địa danh khi xác lập hồ sơ công nhận liệt sĩ); cấp bậc, chức vụ; cơ quan, đơn vị khi hy sinh; trường hợp hy sinh, mai táng | | Đã công khai |
| 1374 | 1.013729 | Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài . | 458/QĐ-BNV | 21/04/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Có hợp đồng trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài.<br>b) Có phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính<br>c) Chỉ đưa người lao động Việt Nam đang làm việc cho chính doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu đi làm việc tại công trình, dự án ở nước ngoài theo hợp đồng trúng thầu, nhận thầu. | | Bãi bỏ |
| 1375 | 1.013728 | Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. | 458/QĐ-BNV | 21/04/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện sau:<br>a) Có Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài.<br>b) Có phương án đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật của nước mà người lao động đến làm việc.<br>c) Chỉ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình do tổ chức, cá nhân đầu tư thành lập ở nước ngoài. | | Bãi bỏ |
| 1376 | 1.013730 | Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên) | 458/QĐ-BNV | 21/04/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Doanh nghiệp đã đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập và đã ký quỹ tại ngân hàng nhận ký quỹ theo quy định trước thời điểm Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP có hiệu lực.<br>- Doanh nghiệp đã thanh lý Hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài với người lao động. | | Đã công khai |
| 1377 | 1.013727 | Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên . | 458/QĐ-BNV | 21/04/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý lao động ngoài nước | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | | | | | Doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề đáp ứng điều kiện:<br>a) Có hợp đồng nhận lao động thực tập với cơ sở tiếp nhận thực tập ở nước ngoài để đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề phù hợp với quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<br>b) Có tiền ký quỹ thực hiện hợp đồng nhận lao động thực tập bằng 10% một lượt vé máy bay hạng phổ thông từ nơi làm việc về Việt Nam tính theo số lượng người lao động đi làm việc ở nước ngoài trong Hợp đồng nhận lao động thực tập.<br>c) Chỉ được đưa người lao động có hợp đồng lao động và hợp đồng đào tạo nghề ở nước ngoài đi thực tập nâng cao tay nghề | | Bãi bỏ |
| 1378 | 1.013744 | Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý | 639/QĐ-BNV | 20/06/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Tài chính, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |
| 1379 | 1.013746 | Xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp thực chứng. | 639/QĐ-BNV | 20/06/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | Mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ còn chưa đầy đủ thông tin | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1380 | 1.013747 | Lấy mẫu để giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin. | 639/QĐ-BNV | 20/06/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | - Mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ còn thiếu thông tin nhưng có thông tin về nơi hy sinh, nơi an táng ban đầu trong các giấy tờ sau: giấy báo tử, giấy báo tử trận, giấy chứng nhận hy sinh, giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh theo Mẫu số 44 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP và các giấy tờ có thông tin liên quan về nơi liệt sĩ hy sinh hoặc nơi an táng liệt sĩ.<br>- Mộ liệt sĩ trong nghĩa trang liệt sĩ không có thông tin nhưng danh sách liệt sĩ của cơ quan quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh có chung thông tin về nơi hy sinh, nơi an táng ban đầu và đã được quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ. Trường hợp cơ quan quản lý liệt sĩ trước khi hy sinh không còn tồn tại thì cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp cung cấp danh sách.<br>- Mộ liệt sĩ thiếu thông tin trong nghĩa trang liệt sĩ mà có nhiều đại diện thân nhân liệt sĩ cùng nhận. | | Đã công khai |
| 1381 | 1.013937 | Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt. | 647/QĐ-BNV | 24/06/2025 | Bộ Nội vụ | Văn thư và Lưu trữ nhà nước | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Tài liệu đề nghị công nhận là tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt phải đáp ứng một trong các tiêu chí về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Lưu trữ năm 2024 và một trong các tiêu chí về hình thức, xuất xứ quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Lưu trữ năm 2024, cụ thể:<br>- Tiêu chí về nội dung bao gồm:<br>+ Phản ánh lịch sử hình thành và phát triển của quốc gia, dân tộc, của ngành, lĩnh vực;<br>+ Quá trình hình thành, xác lập và thực thi chủ quyền lãnh thổ Việt Nam, biên giới quốc gia;<br>+ Công trình khoa học, sản phẩm tiêu biểu của ngành, lĩnh vực;<br>+ Thân thế, sự nghiệp và đóng góp của cá nhân, gia đình, dòng họ tiêu biểu;<br>+ Tài liệu lưu trữ khác có tầm quan trọng đặc biệt đối với quốc gia, dân tộc hoặc thế giới.<br>- Tiêu chí về hình thức, xuất xứ bao gồm: [illegible] | | Đã công khai |
| 1382 | 1.013749 | Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng | 639/QĐ-BNV | 20/06/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | Đối tượng quy định tại điểm 1 Phần I Thông tư liên tịch số 17/1999/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BTCCBCP nếu đào ngũ hoặc theo dịch thì không thuộc đối tượng áp dụng. | | Đã công khai |
| 1383 | 1.014318 | THỦ TỤC TUYỂN CHỌN TỔNG CÔNG TRÌNH SƯ DỰ ÁN | 997/QĐ-BNV | 05/09/2025 | Bộ Nội vụ | Lao động | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chủ quản, Cơ quan chủ trì thực hiện dự án | | | | Đáp ứng đồng thời 02 Tiêu chí:<br>a) Tiêu chí chung:<br>- Có trình độ chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhiệm vụ ứng tuyển. Ưu tiên người có bằng cấp, chứng chỉ về quản lý chương trình công nghệ lõi, công nghệ tiên tiến, người đã được tặng giải thưởng quốc gia và quốc tế về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.<br>- Có mong muốn cống hiến phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam, có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt; đủ sức khỏe để làm việc; tâm huyết với công việc.<br>- Có uy tín, kinh nghiệm, năng lực vượt trội, tiêu biểu trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ được giao, đã có các công trình, sáng chế,<br>sản phẩm có giá trị thực tiễn phù hợp với lĩnh vực nhiệm vụ được giao.<br>- Có khả năng giải quyết vấn đề kỹ thuật phức tạp, liên ngành; xử lý khủng hoảng [illegible] | | Đã công khai |
| 1384 | 1.014319 | THỦ TỤC TUYỂN CHỌN KIẾN TRÚC SƯ TRƯỞNG CẤP BỘ, CẤP TỈNH, DỰ ÁN | 997/QĐ-BNV | 05/09/2025 | Bộ Nội vụ | Lao động | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan, Cơ quan cấp bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban quản lý dự án | | | | Đáp ứng đồng thời 02 Tiêu chí: Tiêu chí chung và một trong các tiêu chí cụ thể theo từng chức danh ứng viên (Tiêu chí tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng cấp bộ/Tiêu chí tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng cấp tỉnh/Tiêu chí tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng Dự án), cụ thể:<br>a) Tiêu chí chung:<br>- Có trình độ chuyên ngành đào tạo phù hợp với nhiệm vụ ứng tuyển. Ưu tiên người có bằng cấp, chứng chỉ về quản lý chương trình công nghệ lõi, công nghệ tiên tiến, người đã được tặng giải thưởng quốc gia và quốc tế về lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.<br>- Có mong muốn cống hiến phát triển kinh tế - xã hội cho Việt Nam, có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt; đủ sức khỏe để làm việc; tâm huyết với công việc.<br>- Có uy tín, kinh nghiệm, năng lực vượt trội, tiêu biểu trong lĩnh vực chuyên môn [illegible] | | Đã công khai |
| 1385 | 1.014352 | Thủ tục tuyển chọn chuyên gia | 1091/QĐ-BNV | 22/09/2025 | Bộ Nội vụ | Lao động | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Các cơ quan, tổ chức liên quan, Các tổ chức chính trị - xã hội, Cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và địa phương, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp được giao chủ trì thực hiện chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. | | | | Đáp ứng tiêu chí tuyển chọn chuyên gia quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 249/2025/NĐ-CP, cụ thể:<br>"2. Tiêu chí chung:<br>a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên các ngành công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược do cấp có thẩm quyền ban hành, có đóng góp thiết thực cho sự phát triển của quốc gia, khu vực và quốc tế;<br>b) Có lý lịch rõ ràng, có đạo đức tốt;<br>c) Có mong muốn cống hiến cho sự phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Việt Nam.<br>3. Đồng thời đáp ứng một trong các tiêu chí cụ thể sau đây:<br>a) Là tác giả hoặc đồng tác giả sáng chế được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn; hoặc có [illegible] | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1386 | 1.014748 | Hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Nội Vụ | | | | Người lao động đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:<br>1. Chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc chấm dứt làm việc theo quy định của pháp luật và không thuộc một trong các trường hợp sau đây:<br>- Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật theo quy định của Bộ luật Lao động;<br>- Người lao động nghỉ việc khi đủ điều kiện hưởng lương hưu.<br>2. Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc chấm dứt làm việc theo quy định của pháp luật. Trường hợp người lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 12 tháng thì phải đóng đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 36 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động.<br>3. Đã nộp đủ hồ sơ hưởng trợ cấp thất | | Đã công khai |
| 1387 | 1.014751 | Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Nội Vụ | | | | Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định. | | Đã công khai |
| 1388 | 1.014359 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế | 1136/QĐ-BNV | 03/10/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nội Vụ | | | | - Đối tượng đáp ứng điều kiện sau thì thân nhân được hưởng trợ cấp mai táng phí:<br>Người được Ủy ban hành chính hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã trở lên hoặc cơ quan, đơn vị có thẩm quyền huy động, quản lý tập trung, được giao làm nhiệm vụ phục vụ chiến đấu cho các đơn vị Quân đội hoặc phục vụ các chiến trường, bao gồm: Vận chuyển vũ khí trang bị, đạn dược, lương thực, thực phẩm, vận chuyển thương binh, bệnh binh; làm đường cơ động, san lấp hố bom, bảo đảm giao thông, liên lạc, vót chông, làm cạm bẫy; đào hầm hào, xây dựng công sự, trận địa, khu vực phòng thủ, trong thời gian và địa bàn theo quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 2 Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg.<br>- Dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc một trong các trường hợp sau đây, không thuộc đối tượng áp dụng:<br>a) Hiện đang hưởng chế độ hưu trí, chế độ | | Đã công khai |
| 1389 | 1.014747 | Hỗ trợ người lao động tham gia đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | | | Đã công khai |
| 1390 | 1.014746 | Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Nội Vụ | | | | Người lao động đang đóng bảo hiểm thất nghiệp bị chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc chấm dứt làm việc mà có nhu cầu tìm kiếm việc làm được tư vấn, giới thiệu việc làm, bao gồm:<br>- Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 01 tháng trở lên, kể cả trường hợp người lao động và người sử dụng lao động thỏa thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lý, điều hành, giám sát của một bên;<br>- Người lao động quy định tại điểm a khoản này làm việc không trọn thời gian, có tiền lương trong tháng bằng hoặc cao hơn tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp nhất theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;<br>- Người làm việc theo hợp đồng làm việc;<br>- Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành | | Đã công khai |
| 1391 | 1.014749 | Thông báo hằng tháng về việc tìm kiếm việc làm (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Dịch vụ việc làm | | | | Trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp, hằng tháng người lao động phải thông báo về việc tìm kiếm việc làm cho tổ chức dịch vụ việc làm công nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp. | | Đã công khai |
| 1392 | 1.014752 | Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Dịch vụ việc làm Cao Bằng, Sở Nội Vụ | | | | Người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp trong các trường hợp cụ thể sau:<br>(1) Người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp trong các trường hợp: Có việc làm và thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo Luật BHXH; thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân và dân quân thường trực; hưởng lương hưu hằng tháng; đi học tập có thời hạn trên 12 tháng trở; chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện; bị tòa án tuyên bố mất tích; bị tạm giam, chấp hành hình phạt tù; theo đề nghị của người lao động thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp người lao động phải thông báo với tổ chức dịch vụ việc làm công nơi đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định và kèm theo bản sao giấy tờ có liên quan đến việc chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp. | | Đã công khai |
| 1393 | 1.014750 | Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Nội Vụ | | | | Người lao động đang hưởng trợ cấp thất nghiệp không thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng theo quy định. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1394 | 1.014754 | Hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Dịch vụ việc làm, Sở Nội Vụ | | | | - Đối tượng hỗ trợ: Người sử dụng lao động quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật Việc làm phải cắt giảm hoặc có nguy cơ phải cắt giảm lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp hiện có từ 30% hoặc từ 30 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng dưới 200 lao động; từ 50 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng từ 200 đến 1000 lao động; từ 100 lao động trở lên đối với người sử dụng lao động có sử dụng trên 1000 lao động và thuộc một trong các trường hợp sau đây:<br>+ Thay đổi cơ cấu, công nghệ theo quy định tại Bộ luật Lao động.<br>+ Vì lý do kinh tế theo quy định tại Bộ luật Lao động có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.<br>+ Trụ sở chính hoặc nơi đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện hoặc cơ sở sản xuất, kinh doanh nằm trong vùng xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa, dịch bệnh | | Đã công khai |
| 1395 | 1.014753 | Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (Cấp tỉnh) | 107/QĐ-BNV | 22/01/2026 | Bộ Nội vụ | Việc làm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Trung tâm Dịch vụ việc làm | | | | Người lao động đã hưởng ít nhất 01 tháng trợ cấp thất nghiệp theo quy định và có nhu cầu chuyển hưởng trợ cấp nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp đến tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác. | | Đã công khai |
| 1396 | 2.000111 | Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động | 323/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | An toàn, vệ sinh lao động | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Không có thông tin | Sở Nội vụ, Bảo hiểm xã hội cấp Tỉnh | | | | Người sử dụng lao động được nhận kinh phí hỗ trợ huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động khi có đủ các điều kiện sau: | | Đã công khai |
| 1397 | 2.001396 | Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn., Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1398 | 2.001157 | Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến | 320/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn., Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1399 | 2.001683 | Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | 631/QĐ-BNV | 28/07/2015 | Bộ Nội vụ | Công tác thanh niên | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. | | | | | | Đã công khai |
| 1400 | 2.002307 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh | 547/QĐ-LĐTBXH | 21/05/2020 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Ủy ban nhân dân cấp xã | Sở Nội Vụ | | | | Không | | Đã công khai |
| 1401 | 2.002341 | Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động. | 323/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | An toàn, vệ sinh lao động | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Không có thông tin | Bảo hiểm xã hội cấp Tỉnh, Sở Nội Vụ | | | | | Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp: Người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động theo quy định tại Điều 55 Luật An toàn, vệ sinh lao động khi người lao động có đủ các điều kiện sau đây: | | Đã công khai |
| 1402 | 2.002308 | Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp | 547/QĐ-LĐTBXH | 21/05/2020 | Bộ Nội vụ | Người có công | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |
| 1403 | 2.002340 | Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Chi phí giám định thương tật, bệnh tật; trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ; hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình; dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; trợ cấp khi người lao động chết do tai nạn lao động; đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng. | 323/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | An toàn, vệ sinh lao động | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Cơ quan bảo hiểm xã hội | Bảo hiểm xã hội cấp Tỉnh | | | | Điều kiện hưởng chế độ tai nạn lao động: | | Đã công khai |
| 1404 | 2.002343 | Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp | 323/QĐ-BNV | 08/04/2025 | Bộ Nội vụ | An toàn, vệ sinh lao động | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Không có thông tin | Bảo hiểm xã hội cấp Tỉnh, Sở Nội Vụ | | | | - Người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp trong khoảng thời gian bao đảm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.<br>- Có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời gian làm nghề, công việc gây ra bệnh nghề nghiệp.<br>- Bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên do bị bệnh nghề nghiệp. | | Đã công khai |
| 1405 | 1.013126 | Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương | 6225/QĐ-BQP | 23/12/2024 | Bộ Quốc phòng | Ứng phó sự cố tràn dầu BQP | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1406 | 1.013127 | Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m3 đến dưới 50.000 m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT | 6225/QĐ-BQP | 23/12/2024 | Bộ Quốc phòng | Ứng phó sự cố tràn dầu BQP | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1407 | 1.000016 | Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh) | 2915/QĐ-BTC | 26/08/2025 | Bộ Tài chính | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | | | Đã công khai |
| 1408 | 1.012735 | Hiệp thương giá | 1917/QĐ-BTC | 12/08/2024 | Bộ Tài chính | Quản lý giá | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan khác | | | | | | Đã công khai |
| 1409 | 1.013040 | Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải | 2869/QĐ-BTC | 02/12/2024 | Bộ Tài chính | Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | Đã công khai |
| 1410 | 2.000005 | Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh) | 2915/QĐ-BTC | 26/08/2025 | Bộ Tài chính | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | Các cơ quan, tổ chức liên quan | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1411 | 2.001999 | Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp | 1474/QĐ-BTC | 24/04/2025 | Bộ Tài chính | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | | | | | | Đã công khai |
| 1412 | 2.002004 | Thủ tục thông báo về việc chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (cấp tỉnh) | 2915/QĐ-BTC | 26/08/2025 | Bộ Tài chính | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | Các cơ quan, tổ chức liên quan | | | | | Đã công khai |
| 1413 | 2.002005 | Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (cấp tỉnh) | 2915/QĐ-BTC | 26/08/2025 | Bộ Tài chính | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tài chính các tỉnh, thành phố | Các cơ quan, tổ chức liên quan | | | | | Đã công khai |
| 1414 | 2.002058 | Xác nhận chuyên gia (cấp tỉnh) | 1474/QĐ-BTC | 24/04/2025 | Bộ Tài chính | Đầu tư bằng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan chủ quản | | | | | | Đã công khai |
| 1415 | 2.002418 | Hỗ trợ tư vấn, công nghệ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị | 1474/QĐ-BTC | 24/04/2025 | Bộ Tài chính | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Doanh nghiệp nhỏ và vừa và cơ quan, Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. | Cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. | | | | | Đã công khai |
| 1416 | 2.002732 | Thủ tục Chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái | 1474/QĐ-BTC | 24/04/2025 | Bộ Tài chính | Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ban quản lý | | | | | | Đã công khai |
| 1417 | 2.002731 | Thủ tục chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái | 1474/QĐ-BTC | 24/04/2025 | Bộ Tài chính | Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ban quản lý | | | | | | Đã công khai |
| 1418 | 2.002729 | Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái | 1474/QĐ-BTC | 24/04/2025 | Bộ Tài chính | Quản lý nhà nước về khu công nghiệp, khu kinh tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ban quản lý | | | | | | Đã công khai |
| 1419 | 1.000404 | Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật | 516/QĐ-BTP | 30/01/2026 | Bộ Tư pháp | Tư vấn pháp luật | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | không | | Đã công khai |
| 1420 | 1.000390 | Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật | 516/QĐ-BTP | 30/01/2026 | Bộ Tư pháp | Tư vấn pháp luật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | không | | Đã công khai |
| 1421 | 1.000426 | Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật | 1853/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Tư vấn pháp luật | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Tư vấn viên pháp luật phải có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 19 của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP, cụ thể như sau:<br>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích;<br>- Có Bằng cử nhân luật;<br>- Có thời gian công tác pháp luật từ ba năm trở lên. | | Đã công khai |
| 1422 | 1.000588 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh | 516/QĐ-BTP | 30/01/2026 | Bộ Tư pháp | Tư vấn pháp luật | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | không | | Đã công khai |
| 1423 | 1.000828 | Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Luật sư: công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khoẻ bảo đảm hành nghề luật sư thì có thể trở thành luật sư.<br>2. Người thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2a của Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ mà quyết định kỷ luật đã chấm dứt hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thôi việc có hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính hoặc người bị kết án về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý mà đã | | Đã công khai |
| 1424 | 1.000614 | Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật | 516/QĐ-BTP | 30/01/2026 | Bộ Tư pháp | Tư vấn pháp luật | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1425 | 1.000627 | Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật | 516/QĐ-BTP | 30/01/2026 | Bộ Tư pháp | Tư vấn pháp luật | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | không | | Đã công khai |
| 1426 | 1.000688 | Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | 1. Người đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Luật sư: công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khoẻ bảo đảm hành nghề luật sư thì có thể trở thành luật sư.<br>2. Người thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2a của Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ mà quyết định kỷ luật đã chấm dứt hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thôi việc có hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính hoặc người bị kết án về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý mà đã | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1427 | 1.001233 | Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 172/QĐ-BTP | 16/02/2024 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1428 | 1.001928 | Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1429 | 1.002079 | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh phải là luật sư và là thành viên của công ty luật. | | Đã công khai |
| 1430 | 1.002055 | Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Người đại diện theo pháp luật của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải là luật sư chủ sở hữu của văn phòng luật sư, công ty luật. | | Đã công khai |
| 1431 | 1.002032 | Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1432 | 1.002234 | Sáp nhập công ty luật | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1433 | 1.002198 | Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1434 | 1.002218 | Hợp nhất công ty luật | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1435 | 1.002384 | Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1436 | 1.002398 | Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Tên của công ty luật Việt Nam chuyển đổi phải tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 34 của Luật Luật sư và không được trùng với tên của công ty luật nước ngoài đã chuyển đổi. | | Đã công khai |
| 1437 | 1.003160 | Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | 1848/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Nuôi con nuôi | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. | | | Người nhận con nuôi phải có đủ điều kiện như sau:<br>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;<br>- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu,dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;<br>- Có tư cách đạo đức tốt.<br>Các trường hợp không được nhận con nuôi<br>- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;<br>- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;<br>- Đang chấp hành hình phạt tù; | | Đã công khai |
| 1438 | 1.003179 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài | 1848/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Nuôi con nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. | | | - Việc nuôi con nuôi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam nhưng sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ đăng ký nuôi con nuôi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được;<br>- Cha, mẹ nuôi và con nuôi đều còn sống vào thời điểm yêu cầu đăng ký lại. | | Đã công khai |
| 1439 | 1.003198 | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi | 1848/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Nuôi con nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Người xin nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:<br>- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>- Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên – không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu, dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;<br>- Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi - không áp dụng đối với trường hợp cha dượng nhận con riêng của vợ, mẹ kế nhận con riêng của chồng làm con nuôi hoặc cô, cậu,dì, chú bác ruột nhận cháu làm con nuôi;<br>- Có tư cách đạo đức tốt.<br>Các trường hợp không được nhận con nuôi<br>- Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;<br>- Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;<br>- Đang chấp hành hình phạt tù; | | Đã công khai |
| 1440 | 1.005136 | Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 3713/QĐ-BTP | 26/12/2025 | Bộ Tư pháp | Quốc tịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | | | Không | | Đã công khai |
| 1441 | 1.004878 | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi | 1848/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Nuôi con nuôi | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Hành chính tư pháp, Sở Tư pháp | | | | - Người nhận con nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:<br>+) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú.<br>+) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật nuôi con nuôi, gồm:<br>i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>ii) Có tư cách đạo đức tốt;<br>iii) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây:<br>+) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;<br>+) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;<br>+) Đang chấp hành hình phạt tù;<br>+) Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác; ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, cha mẹ, vợ chồng, con, cháu, người có công nuôi dưỡng mình; dụ dỗ, ép buộc hoặc chứa chấp người chưa thành niên vi phạm pháp | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1442 | 1.008614 | Thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Luật sư bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư nếu thuộc một trong các trường hợp, cụ thể như sau:<br>- Không còn đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại Điều 10 của Luật Luật sư;<br>- Được tuyển dụng, bổ nhiệm làm cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;<br>- Không còn thường trú tại Việt Nam;<br>- Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn luật sư.<br>- Bị xử phạt hành chính bằng hình thức tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư có thời hạn; bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;<br>- Bị kết án và bản án đã có hiệu lực pháp luật. | | Đã công khai |
| 1443 | 1.008709 | Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Sở Tư pháp nơi Công ty luật chuyển đổi đăng ký hoạt động | Sở Tư pháp | | | | Không | | Đã công khai |
| 1444 | 1.008885 | Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài | 1856/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1445 | 1.008628 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư:<br>- Không đủ tiêu chuẩn luật sư quy định tại Điều 10 của Luật Luật sư;<br>- Đang là cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;<br>- Không thường trú tại Việt Nam;<br>- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xoá án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xóa án tích;<br>- Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; | | Đã công khai |
| 1446 | 1.005464 | Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | 523/QĐ-BTP | 30/01/2026 | Bộ Tư pháp | Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1447 | 1.008887 | Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài | 1856/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Trọng tài thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Chi nhánh, Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài, Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài. | | Đã công khai |
| 1448 | 1.008624 | Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư | 1852/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Luật sư | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Người đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật Luật sư: công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khoẻ bảo đảm hành nghề luật sư thì có thể trở thành luật sư.<br>b) Người thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2a của Nghị định số 137/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ mà quyết định kỷ luật đã chấm dứt hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật buộc thôi việc có hiệu lực hoặc đã hết thời hạn 01 năm, kể từ ngày chấp hành xong quyết định xử lý hành chính hoặc người bị kết án về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý mà đã | | Đã công khai |
| 1449 | 1.008913 | Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy phép thành lập | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định cấp Giấy phép thành lập có hiệu lực. | | Đã công khai |
| 1450 | 1.008914 | Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Không | | Đã công khai |
| 1451 | 1.011445 | Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất | 570/QĐ-BTP | 06/02/2026 | Bộ Tư pháp | Đăng ký biện pháp bảo đảm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng Đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1452 | 1.011443 | Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | 570/QĐ-BTP | 06/02/2026 | Bộ Tư pháp | Đăng ký biện pháp bảo đảm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng Đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1453 | 1.011444 | Đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | 570/QĐ-BTP | 06/02/2026 | Bộ Tư pháp | Đăng ký biện pháp bảo đảm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng Đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1454 | 1.011442 | Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất | 570/QĐ-BTP | 06/02/2026 | Bộ Tư pháp | Đăng ký biện pháp bảo đảm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Văn phòng Đăng ký đất đai | | | | | | Đã công khai |
| 1455 | 1.013805 | Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) | 2009/QĐ-BTP | 30/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Công chứng viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân hoặc khi được chuyển làm công việc khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. | | Đã công khai |
| 1456 | 1.013808 | Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | 1. Người không được công nhận tập sự, bị hủy kết quả công nhận tập sự, không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra kết quả tập sự trước đó được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định.<br>2. Người đã chấm dứt tập sự theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư số 06/2025/TT-BTP được xem xét đăng ký tập sự lại khi đủ điều kiện đăng ký tập sự theo quy định tại Thông tư này và thuộc một trong các trường hợp sau đây:<br>a) Lý do chấm dứt tập sự quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h và i khoản 1 Điều này không còn;<br>b) Đã có quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án hoặc bản án đã có hiệu lực của Tòa án tuyên không có tội; đã được xóa án tích, trừ trường hợp bị kết án về tội phạm do cố ý;<br>c) Đã chấp hành xong biện pháp xử lý hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. | | Đã công khai |
| 1457 | 1.013812 | Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | Người tập sự được thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác trong trường hợp thay đổi nơi cư trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác và có nguyện vọng thay đổi nơi tập sự hoặc thuộc trường hợp phải thay đổi tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự theo quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 7 Thông tư số 06/2025/TT-BTP mà địa phương không còn tổ chức hành nghề công chứng khác đủ điều kiện nhận tập sự. | | Đã công khai |
| 1458 | 1.013834 | Thành lập Văn phòng công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | Công chứng viên thuộc một trong các trường hợp sau đây không được thành lập, tham gia thành lập Văn phòng công chứng mới:<br>- Đang là viên chức của Phòng công chứng;<br>- Đang là thành viên hợp danh của 01 Văn phòng công chứng;<br>- Đang là Trưởng Văn phòng công chứng của Văn phòng công chứng được tổ chức và hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tư nhân;<br>- Chưa hết thời hạn 02 năm theo quy định tại khoản 6 Điều 27, khoản 5 Điều 31 và khoản 4 Điều 34 của Luật Công chứng năm 2024. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1459 | 1.013818 | Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | 1. Những người sau đây được đăng ký tham dự kiểm tra:<br><br>a) Đã được công nhận hoàn thành tập sự theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 06/2025/TT-BTP;<br><br>b) Đã tham dự nhưng không đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trước, trừ trường hợp không đạt yêu cầu trong 03 kỳ kiểm tra trước mà chưa tập sự lại.<br><br>2. Những người sau đây không được đăng ký tham dự kiểm tra:<br><br>a) Đã được công nhận hoàn thành tập sự nhưng bị hủy bỏ kết quả đã được công nhận;<br><br>b) Sao chép Báo cáo kết quả tập sự, Sổ nhật ký tập sự của người khác hoặc có hành vi gian dối, không trung thực khác để được tham dự kiểm tra. | | Đã công khai |
| 1460 | 1.013849 | Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh | 1859/QĐ-BTP | 23/06/2025 | Bộ Tư pháp | Công chứng | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | - Văn phòng công chứng được chuyển đổi không thuộc trường hợp tạm ngừng hoạt động hoặc bị thu hồi quyết định cho phép thành lập, thu hồi giấy đăng ký hoạt động tại thời điểm dề nghị chuyển đổi;<br>- Trưởng Văn phòng công chứng được chuyển đổi cam kết bằng văn bản về việc chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán và cam kết thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác khi đến hạn, trừ trường hợp các thành viên hợp danh dự kiến của Văn phòng công chứng chuyển đổi có thỏa thuận khác;<br>- Các thành viên hợp danh dự kiến của Văn phòng công chứng chuyển đổi có thỏa thuận bằng văn bản về việc tiếp tục thực hiện các yêu cầu công chứng đang được giải quyết; các giao dịch khác đang thực hiện hoặc chưa chấm dứt, hủy bỏ; tiếp nhận và sử dụng người lao động hiện có của Văn phòng công chứng được chuyển | | Đã công khai |
| 1461 | 2.000518 | Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý | 172/QĐ-BTP | 16/02/2024 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý, Giám đốc Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1462 | 2.000515 | Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động, Trung tâm hòa giải thương mại thanh toán xong các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác, thanh lý các hợp đồng, hoàn tất các vụ việc đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. | | Đã công khai |
| 1463 | 2.000592 | Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý | 172/QĐ-BTP | 16/02/2024 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Giám đốc Sở Tư pháp, Người đứng đầu của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý | | | | | | Đã công khai |
| 1464 | 2.000587 | Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý | 172/QĐ-BTP | 16/02/2024 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Giám đốc Sở Tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước | | | | | | Đã công khai |
| 1465 | 2.000596 | Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 1540/QĐ-BTP | 06/07/2018 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1466 | 2.000840 | Thủ tục chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý | 172/QĐ-BTP | 16/02/2024 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1467 | 2.000829 | Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý | 3791/QĐ-BTP | 31/12/2025 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Tổ chức hành nghề luật sư, Tổ chức tư vấn pháp luật | | | | | | Đã công khai |
| 1468 | 2.000908 | Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc | 858/QĐ-BTP | 27/03/2026 | Bộ Tư pháp | Chứng thực | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ quan, tổ chức đang quản lý sổ gốc | | | | Cơ quan, tổ chức căn cứ vào sổ gốc để cấp bản sao; nội dung bản sao phải đúng theo sổ gốc. | | Đã công khai |
| 1469 | 2.000954 | Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý | 1540/QĐ-BTP | 06/07/2018 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1470 | 2.000977 | Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư | 1170/QĐ-BTP | 15/07/2021 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước | | | | | | Đã công khai |
| 1471 | 2.000970 | Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật | 1170/QĐ-BTP | 15/07/2021 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | | | | | | Đã công khai |
| 1472 | 2.001680 | Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý | 172/QĐ-BTP | 16/02/2024 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Tổ chức hành nghề luật sư, Tổ chức tư vấn pháp luật | | | | | | Đã công khai |
| 1473 | 2.001716 | Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại | 1940/QĐ-BTP | 26/06/2025 | Bộ Tư pháp | Hòa giải thương mại | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp | Sở Tư pháp | | | | | Đã công khai |
| 1474 | 2.001687 | Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý | 172/QĐ-BTP | 16/02/2024 | Bộ Tư pháp | Trợ giúp pháp lý | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Tổ chức hành nghề luật sư, Tổ chức tư vấn pháp luật | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1475 | 2.002038 | Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 3713/QĐ-BTP | 26/12/2025 | Bộ Tư pháp | Quốc tịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp | Chủ tịch nước | | | - Người đã mất quốc tịch Việt Nam theo quy định tại Điều 26 Luật Quốc tịch Việt Nam có đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì được xem xét giải quyết trở lại quốc tịch Việt Nam.<br>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam không được trở lại quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.<br>- Trường hợp người bị tước quốc tịch Việt Nam xin trở lại quốc tịch Việt Nam thì phải sau ít nhất 5 năm, kể từ ngày bị tước quốc tịch mới được xem xét cho trở lại quốc tịch Việt Nam.<br>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam phải lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây. Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài thì có thể lựa chọn tên ghép giữa tên Việt Nam và tên nước ngoài. Tên gọi này phải được ghi rõ trong Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam.<br>- Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam | | Đã công khai |
| 1476 | 2.002036 | Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 3713/QĐ-BTP | 26/12/2025 | Bộ Tư pháp | Quốc tịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp | Chủ tịch nước | | | - Người xin thôi quốc tịch Việt Nam chưa được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:<br>+ Đang nợ thuế đối với Nhà nước hoặc đang có nghĩa vụ tài sản đối với cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân ở Việt Nam;<br>+ Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;<br>+ Đang chấp hành bản án, quyết định của Toà án Việt Nam;<br>+ Đang bị tạm giam để chờ thi hành án;<br>+ Đang chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh, trường giáo dưỡng.<br>- Người xin thôi quốc tịch Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam, nếu việc đó làm phương hại đến lợi ích quốc gia của Việt Nam.<br>- Cán bộ, công chức và những người đang phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được thôi quốc tịch Việt Nam.<br>- Trường hợp được miễn xác minh về nhân | | Đã công khai |
| 1477 | 2.002039 | Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước | 3713/QĐ-BTP | 26/12/2025 | Bộ Tư pháp | Quốc tịch | Cấp tỉnh | Người nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp | Chủ tịch nước | | | - Người nước ngoài và người không quốc tịch đang cư trú ở trong nước có đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam thì có thể được nhập quốc tịch Việt Nam, nếu có đủ các điều kiện sau đây:<br>+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ trường hợp là người chưa thành niên xin nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ, người chưa thành niên có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam;<br>+ Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; tôn trọng văn hóa, truyền thống, phong tục, tập quán của dân tộc Việt Nam;<br>+ Biết tiếng Việt đủ để hoà nhập vào cộng đồng Việt Nam;<br>+ Đang thường trú ở Việt Nam;<br>+ Thời gian thường trú ở Việt Nam từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm xin nhập quốc tịch Việt Nam;<br>+ Có khả năng bảo đảm cuộc sống tại Việt Nam.<br>- Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có | | Đã công khai |
| 1478 | 2.001895 | Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam | 3713/QĐ-BTP | 26/12/2025 | Bộ Tư pháp | Quốc tịch | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài | Sở Tư pháp, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài | | | Không | | Đã công khai |
| 1479 | 2.002516 | Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch | 163/QĐ-BTP | 16/01/2026 | Bộ Tư pháp | Hộ tịch | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội, Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Ủy ban nhân dân cấp xã | | Cơ quan khác, Cơ quan công an | | | | Đã công khai |
| 1480 | 1.000564 | Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật | 1158/QĐ-BVHTTDL | 25/04/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thi đua – Khen thưởng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Chủ tịch nước | | | | | Đã công khai |
| 1481 | 1.000871 | Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật | 1158/QĐ-BVHTTDL | 25/04/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thi đua – Khen thưởng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Chủ tịch nước | | | | | Đã công khai |
| 1482 | 1.000971 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể | 305/QĐ-BVHTTDL | 05/02/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thi đua – Khen thưởng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước | | | | | Đã công khai |
| 1483 | 1.001147 | Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | Đã công khai |
| 1484 | 1.001108 | Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương) | 1739/QĐ-BVHTTDL | 27/06/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thi đua – Khen thưởng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội, Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước | Chủ tịch nước | | | | | Đã công khai |
| 1485 | 1.001032 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể | 305/QĐ-BVHTTDL | 05/02/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thi đua – Khen thưởng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước | | | | | Đã công khai |
| 1486 | 1.001229 | Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại | 4508/QĐ-BVHTTDL | 28/11/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | Đã công khai |
| 1487 | 1.001106 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1488 | 1.001123 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hoá và Thể thao | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1489 | 1.001704 | Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) | 12/QĐ-BVHTTDL | 04/01/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1490 | 1.001376 | Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương) | 1739/QĐ-BVHTTDL | 27/06/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Thi đua – Khen thưởng | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội, Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan hành chính nhà nước | Chủ tịch nước | | | | | Đã công khai |
| 1491 | 1.001755 | Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1492 | 1.001778 | Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | | | | | Đã công khai |
| 1493 | 1.001671 | Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao) | 12/QĐ-BVHTTDL | 04/01/2024 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1494 | 1.001809 | Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1495 | 1.001822 | Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1496 | 1.002003 | Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 1497 | 1.003738 | Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1498 | 1.003793 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 1499 | 1.004528 | Thủ tục công nhận điểm du lịch | 3684/QĐ-BVHTTDL | 28/12/2022 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch - TP. Hải Phòng | | | | | | Đã công khai |
| 1500 | 1.004605 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế | 5001/QĐ-BVHTTDL | 30/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Du lịch Thành phố Hà Nội | | | | | | Đã công khai |
| 1501 | 1.004650 | Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn | 190/QĐ-BVHTTDL | 28/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Quảng cáo | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1502 | 1.012081 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình | 3657/QĐ-BVHTTDL | 29/11/2023 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Gia đình | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | Đã công khai |
| 1503 | 1.012082 | Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình | 776/QĐ-BVHTTDL | 07/04/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Gia đình | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | Điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở<br>- Có đủ sức khỏe được cơ sở y tế có thẩm quyền kết luận theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe.<br>- Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.<br>- Trình độ từ đại học trở lên về ngành, nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp được quy định như sau:<br>+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có bằng đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; pháp luật ; xã hội học; công tác xã hội;<br>+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên;<br>+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục, tư vấn chuyển đổi hành vi bạo lực gia | | Đã công khai |
| 1504 | 1.012080 | Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình | 776/QĐ-BVHTTDL | 07/04/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Gia đình | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | * Điều kiện đối với người đứng đầu cơ sở<br>- Có đủ sức khỏe được cơ sở y tế có thẩm quyền kết luận theo quy định của pháp luật về khám sức khỏe.<br>- Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình.<br>- Trình độ từ đại học trở lên về ngành, nhóm ngành, lĩnh vực đào tạo liên quan đến dịch vụ đăng ký tham gia cung cấp được quy định như sau:<br>+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có bằng đại học trở lên về ngành đào tạo giáo viên; ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; tâm lý học; pháp luật ; xã hội học; công tác xã hội;<br>+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ nơi tạm lánh cho người bị bạo lực gia đình: Người đứng đầu cơ sở có trình độ đại học trở lên;<br>+ Đối với cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục, tư vấn chuyển đổi hành vi bạo lực gia | | Đã công khai |
| 1505 | 1.013456 | Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh | 759/QĐ-BVHTTDL | 21/03/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai | | | | | Đã công khai |
| 1506 | 1.013698 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài | 2069/QĐ-BVHTTDL | 19/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Xuất Bản, In và Phát hành | Cấp tỉnh | Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở văn hóa - Thể thao và Du lịch - TP Hải Phòng, Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1507 | 1.013801 | Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương) | 2114/QĐ-BVHTTDL | 23/06/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Tổ chức nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tây Ninh | | | | | | | Đã công khai |
| 1508 | 1.014144 | Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài | 77/QĐ-BVHTTDL | 14/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Du lịch | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Du lịch Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1509 | 1.014217 | Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng) | 2906/QĐ-BVHTTDL | 12/08/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1510 | 1.014218 | Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng) | 2906/QĐ-BVHTTDL | 12/08/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1511 | 1.014608 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1512 | 1.014611 | Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1513 | 1.014609 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1514 | 1.014614 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1515 | 1.014612 | Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh) | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1516 | 1.014613 | Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1517 | 1.014610 | Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh) | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1518 | 1.014616 | Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hà Nội | | | | | | | Đã công khai |
| 1519 | 2.001631 | Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật | 4884/QĐ-BVHTTDL | 26/12/2025 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Di sản văn hóa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hoá và Thể thao | | | | | | | Đã công khai |
| 1520 | 2.002840 | Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh) | 143/QĐ-BVHTTDL | 23/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Văn học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1521 | 2.002839 | Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh) | 143/QĐ-BVHTTDL | 23/01/2026 | Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Văn học | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Tỉnh Phú Thọ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1522 | 1.000302 | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia | 52/QĐ-BGTVT | 09/01/2019 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia được cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam.<br>- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất. | | Đã công khai |
| 1523 | 1.000321 | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia | 52/QĐ-BGTVT | 09/01/2019 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1524 | 1.001023 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | | | | Đã công khai |
| 1525 | 1.000892 | Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Bãi bỏ |
| 1526 | 1.000940 | Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Bãi bỏ |
| 1527 | 1.001223 | Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải | 55/QĐ-BXD | 15/01/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1528 | 1.001061 | Cấp phép thi công nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác | 2503/QĐ-BXD | 31/12/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Khu Quản lý đường bộ | | | | - Vị trí đấu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường;<br>- Trường hợp đấu nối đường khác với đường cao tốc, ngoài các quy định trên, khoảng cách giữa các vị trí đấu nối phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế đường cao tốc. | | Đã công khai |
| 1529 | 1.001046 | Chấp thuận thiết kế nút giao đấu nối vào đường quốc lộ đang khai thác | 2503/QĐ-BXD | 31/12/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Khu Quản lý đường bộ, Cục Đường bộ Việt Nam | | | | - Vị trí đấu nối được thiết kế, xây dựng tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; phù hợp với cấp đường và bảo đảm an toàn giao thông, năng lực thông hành của tuyến đường;<br>- Trường hợp đấu nối đường khác với đường cao tốc, ngoài các quy định trên, khoảng cách giữa các vị trí đấu nối phải tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về thiết kế đường cao tốc. | | Đã công khai |
| 1530 | 1.001577 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Phương tiện của Campuchia quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn và mỗi lần gia hạn không quá 10 ngày | | Đã công khai |
| 1531 | 1.001737 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Phương tiện của Trung Quốc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc nếu có lý do chính đáng được gia hạn 01 lần với thời hạn không quá 10 ngày | | Đã công khai |
| 1532 | 1.002046 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD trong trường hợp bất khả kháng. | | Đã công khai |
| 1533 | 1.002063 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Phương tiện của Lào quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại giấy phép liên vận trong trường hợp bất khả kháng thì được gia hạn 01 lần với thời gian không quá 10 ngày | | Đã công khai |
| 1534 | 1.002268 | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia | | Đã công khai |
| 1535 | 1.002286 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 1536 | 1.002334 | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Đơn vị kinh doanh vận tải có đủ điều kiện theo quy định hiện hành được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc. | | Đã công khai |
| 1537 | 1.002381 | Giới thiệu đề nghị cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Việt Nam | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Giấy phép vận tải loại D do cơ quan quản lý có thẩm quyền của Trung Quốc cấp cho phương tiện của Việt Nam. Trước khi lập hồ sơ đề nghị phía Trung Quốc cấp giấy phép, đơn vị kinh doanh vận tải thực hiện thủ tục đề nghị giới thiệu như quy định | | Đã công khai |
| 1538 | 1.002357 | Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cục Đường bộ Việt Nam, Sở Xây dựng | | | | | | Đã công khai |
| 1539 | 1.002374 | Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại D cho phương tiện của Trung Quốc | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | Giấy phép vận tải loại D do cơ quan quản lý có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho phương tiện của Trung Quốc trên cơ sở Giấy giới thiệu của cơ quan có thẩm quyền phía Trung Quốc | | Đã công khai |
| 1540 | 1.002551 | Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên cho các cá nhân thực hiện kiểm định đối với các máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động sử dụng trong thi công xây dựng | 984/QĐ-BXD | 22/10/2024 | Bộ Xây dựng | Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn được Bộ, cơ quan ngang Bộ giao | Bộ Xây dựng | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1541 | 1.002693 | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh | 1813/QĐ-BXD | 20/10/2025 | Bộ Xây dựng | Hạ tầng kỹ thuật | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định | | | | - Hồ sơ đề nghị cấp phép phải bảo đảm hợp lệ, đầy đủ thành phần hồ sơ.<br>- Cây xanh được cấp phép chặt hạ, dịch chuyển khi bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1, 3 Điều 27 Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước. | | Đã công khai |
| 1542 | 1.002829 | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS | 52/QĐ-BGTVT | 09/01/2019 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1543 | 1.002856 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam và Lào và các quy định của Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.<br>- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất. | | Đã công khai |
| 1544 | 1.002861 | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải của Việt Nam đáp ứng quy định tại Điều 19 Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.<br>- Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào được cấp lại trong trường hợp bị hư hỏng, bị mất. | | Đã công khai |
| 1545 | 1.002847 | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào | 52/QĐ-BGTVT | 09/01/2019 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1546 | 1.002771 | Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm | 55/QĐ-BXD | 15/01/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Cảng vụ hàng hải, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | | Đã công khai |
| 1547 | 1.002817 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD | 52/QĐ-BGTVT | 09/01/2019 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD được cấp cho các phương tiện thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.<br>- Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất. | | Đã công khai |
| 1548 | 1.002877 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp cho phương tiện của các tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.<br>- Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia được cấp lại trong trường hợp hết thời hạn sử dụng hoặc còn thời hạn sử dụng nhưng hết trang đóng dấu xác nhận của các cơ quan quản lý tại cửa khẩu hoặc bị hư hỏng, bị mất. | | Đã công khai |
| 1549 | 1.003135 | Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Cơ sở đào tạo đủ điều kiện được công nhận | Sở Xây dựng, Cơ sở đào tạo đủ điều kiện được công nhận | | | | | | Đã công khai |
| 1550 | 1.003640 | Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | | | | Đã công khai |
| 1551 | 1.003930 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1552 | 1.003970 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1553 | 1.004002 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1554 | 1.004047 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1555 | 1.004036 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1556 | 1.004088 | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1557 | 1.004681 | Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt | 2267/QĐ-BXD | 10/12/2025 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cục Đường sắt Việt Nam, 120 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Tp. Hà Nội<br>Hoặc trụ sở UBND cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1558 | 1.004685 | Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt | 2267/QĐ-BXD | 10/12/2025 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cục Đường sắt Việt Nam, 120 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Tp. Hà Nội<br>Hoặc trụ sở UBND cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1559 | 1.005040 | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | | | Đã công khai |
| 1560 | 1.005134 | Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, đùng chung với đường sắt | 2267/QĐ-BXD | 10/12/2025 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cục Đường sắt Việt Nam, 120 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Tp. Hà Nội<br>Hoặc trụ sở UBND cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1561 | 1.005123 | Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, đùng chung với đường sắt | 2267/QĐ-BXD | 10/12/2025 | Bộ Xây dựng | Đường sắt | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Cục Đường sắt Việt Nam, 120 Lê Duẩn, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám - Tp. Hà Nội<br>Hoặc trụ sở UBND cấp tỉnh | Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1562 | 1.006391 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1563 | 1.007765 | Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước | 837/QĐ-BXD | 29/08/2016 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Đơn vị quản lý vận hành nhà ở | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1564 | 1.007949 | Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Bãi bỏ |
| 1565 | 1.009445 | Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Bãi bỏ |
| 1566 | 1.009458 | Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Xây dựng, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |
| 1567 | 1.010702 | Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN | 871/QĐ-BXD | 19/06/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1568 | 1.010707 | Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới quá thời gian lưu hành tại Việt Nam quy định tại Giấy phép liên vận ASEAN trong trường hợp bất khả kháng | | Đã công khai |
| 1569 | 1.010704 | Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN | 871/QĐ-BXD | 19/06/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1570 | 1.011675 | Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương | 694/QĐ-BXD | 03/07/2023 | Bộ Xây dựng | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội | Khoản 1 Điều 10 Luật Giám định tư pháp được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật số 56/2020/QH14, cụ thể như sau:<br>+ Không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp;<br>+ Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Giám định tư pháp;<br>+ Bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính do cố ý vi phạm quy định của pháp luật về giám định tư pháp;<br>+ Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điều 6 của Luật Giám định tư pháp;<br>+ Có quyết định nghỉ hưu hoặc quyết định thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định của pháp luật;<br>+ Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển | | Đã công khai |
| 1571 | 1.012882 | Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở | 891/QĐ-BXD | 25/09/2024 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | | | Đã công khai |
| 1572 | 1.012886 | Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư làm chủ đầu tư đối với dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công | 891/QĐ-BXD | 25/09/2024 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1573 | 1.012891 | Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương | 891/QĐ-BXD | 25/09/2024 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1574 | 1.012896 | Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công | 891/QĐ-BXD | 25/09/2024 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Đảng viên, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Đơn vị quản lý vận hành nhà ở | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1575 | 1.012895 | Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân | 891/QĐ-BXD | 25/09/2024 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1576 | 1.013061 | Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác | 2503/QĐ-BXD | 31/12/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh, Cấp xã | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Khu Quản lý đường bộ, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | - Đảm bảo các yêu cầu về kỹ thuật, an toàn giao thông và không thuộc các trường hợp không phải cấp giấy phép thi công theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ | | Đã công khai |
| 1577 | 1.013261 | Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ | 1744/QĐ-BGTVT | 31/12/2024 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp bộ, Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Công an, Bộ Công thương, Bộ Quốc phòng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Đáp ứng các quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ | | Đã công khai |
| 1578 | 1.013769 | Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công | 872/QĐ-BXD | 19/06/2025 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1579 | 1.013468 | Chấm dứt hoạt động tàu lặn | 55/QĐ-BXD | 15/01/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1580 | 1.014156 | Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập | 1218/QĐ-BXD | 05/08/2025 | Bộ Xây dựng | Quy hoạch đô thị và nông thôn | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chức năng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ định, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1581 | 2.000795 | Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | Sở Xây dựng | | | | | Đã công khai |
| 1582 | 2.000378 | Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Bãi bỏ |
| 1583 | 2.001116 | Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương | 833/QĐ-BXD | 29/08/2016 | Bộ Xây dựng | Giám định tư pháp | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Sở Xây dựng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội | Giám định viên tư pháp xây dựng phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Giám định tư pháp số 13/2012/QH13; trong đó, tiêu chuẩn hoạt động chuyên môn phù hợp được quy định như sau:<br>1. Trường hợp giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật<br>a) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng: phải có chứng chỉ hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng hoặc có kinh nghiệm quản lý nhà nước đủ 05 năm trở lên về quy hoạch xây dựng, phù hợp với đối tượng và nội dung giám định;<br>b) Đối với giám định sự tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động đầu tư xây dựng: phải đáp ứng điều kiện năng lực hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng để thực hiện một trong các công việc khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, giám sát thi công xây | | Đã công khai |
| 1584 | 2.001711 | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1585 | 2.001219 | Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chánh - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |
| 1586 | 2.002001 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa | 55/QĐ-BXD | 15/01/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1587 | 2.001998 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa | 647/QĐ-BXD | 04/05/2026 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Bãi bỏ |
| 1588 | 2.001659 | Xóa đăng ký phương tiện | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Hàng hải và đường thủy nội địa | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng, Ủy ban Nhân dân cấp xã, phường, thị trấn | | | | | | Đã công khai |
| 1589 | 2.002287 | Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Điều kiện kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô<br>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp theo hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản của đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh theo quy định của pháp luật. Trường hợp xe đăng ký thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã phải có hợp đồng dịch vụ giữa thành viên với hợp tác xã, trong đó quy định hợp tác xã có quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ quản lý, sử dụng, điều hành xe ô tô thuộc sở hữu của thành viên hợp tác xã.<br>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình, thiết bị ghi nhân hình ảnh người lái xe theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.<br>+ Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định phải có sức chứa từ 08 | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1590 | 2.002288 | Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải | 461/QĐ-BXD | 21/04/2025 | Bộ Xây dựng | Đường bộ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Sở Xây dựng | | | | - Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ được cấp phù hiệu.<br>Đơn vị kinh doanh có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, được cấp phù hiệu cho xe ô tô phù hợp với loại hình kinh doanh đã được cấp phép và đảm bảo các nguyên tắc sau:<br>- Tại một thời điểm, mỗi xe chỉ được cấp và sử dụng một loại phù hiệu tương ứng với một loại hình kinh doanh vận tải;<br>- Đơn vị kinh doanh vận tải kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Xây dựng hai đầu tuyến cấp phù hiệu xe ô tô trung chuyển;<br>- Phù hiệu được cấp lại khi hết hạn, khi bị mất hoặc bị hư hỏng, khi thay đổi chủ sở hữu phương tiện hoặc thay đổi đơn vị kinh doanh vận tải, khi bị thu hồi.<br>- Trường hợp cấp lại phù hiệu khi hết hạn: đơn vị kinh doanh vận tải được đề nghị cấp lại phù hiệu trong khoảng thời gian 15 | | Đã công khai |
| 1591 | 3.000506 | Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương | 1065/QĐ-BXD | 14/07/2025 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | Loại khác | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1592 | 3.000508 | Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội | 1065/QĐ-BXD | 14/07/2025 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | Loại khác | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1593 | 3.000507 | Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương | 1065/QĐ-BXD | 14/07/2025 | Bộ Xây dựng | Nhà ở và công sở | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | Loại khác | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1594 | 1.000091 | Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân | 2179/QĐ-BYT | 30/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Y tế | Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương. | | | | | Đã công khai |
| 1595 | 1.001806 | Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật | 970/QĐ-BYT | 21/03/2025 | Bộ Y tế | Bảo trợ xã hội | Cấp tỉnh | Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | Sở Y tế | | | Không có yêu cầu, điều kiện | | Đã công khai |
| 1596 | 1.002238 | Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm | 745/QĐ-BYT | 28/02/2019 | Bộ Y tế | Mỹ phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1597 | 1.002600 | Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước | 745/QĐ-BYT | 28/02/2019 | Bộ Y tế | Mỹ phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1598 | 1.003006 | Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế | 1292/QĐ-BYT | 16/04/2025 | Bộ Y tế | Thiết bị y tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Điều 8 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP<br>Điều kiện về quản lý chất lượng của cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế<br>1. Đạt tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485.<br>2. Đối với cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế có chứa chất ma túy và tiền chất, ngoài việc đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau đây:<br>a) Có hệ thống theo dõi quản lý quá trình xuất, nhập, tồn kho, sử dụng nguyên liệu là chất ma túy và tiền chất, quá trình xuất, nhập, tồn kho trang thiết bị y tế, nguyên liệu có chứa chất ma túy và tiền chất;<br>b) Trang thiết bị y tế, nguyên liệu có chứa chất ma túy và tiền chất được bảo quản ở một khu vực riêng trong kho hoặc kho riêng, phải bảo đảm an toàn. | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1599 | 1.003039 | Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D | 1292/QĐ-BYT | 16/04/2025 | Bộ Y tế | Thiết bị y tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Điều 40 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP<br>Điều kiện của cơ sở mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D<br>1. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật có trình độ cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật, chuyên ngành y, dược, hóa học, sinh học hoặc cao đẳng kỹ thuật trang thiết bị y tế trở lên hoặc có trình độ cao đẳng trở lên mà chuyên ngành được đào tạo phù hợp với loại trang thiết bị y tế mà cơ sở mua bán.<br>2. Có kho bảo quản và phương tiện vận chuyển đáp ứng các điều kiện tối thiểu sau đây:<br>a) Kho bảo quản:<br>- Có diện tích phù hợp với chủng loại và số lượng trang thiết bị y tế được bảo quản,<br>- Bảo đảm thoáng, khô ráo, sạch sẽ, không gần các nguồn gây ô nhiễm,<br>- Đáp ứng yêu cầu bảo quản khác của trang thiết bị y tế theo hướng dẫn sử dụng.<br>b) Phương tiện vận chuyển trang thiết bị y | | Đã công khai |
| 1600 | 1.003055 | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 745/QĐ-BYT | 28/02/2019 | Bộ Y tế | Mỹ phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Cơ sở sản xuất mỹ phẩm phải đáp ứng các điều kiện như sau:<br><br>- Điều kiện về nhân sự: Người phụ trách sản xuất của cơ sở phải có kiến thức chuyên môn về một trong các chuyên ngành sau: hóa học, sinh học, dược học hoặc các chuyên ngành khác có liên quan đáp ứng yêu cầu của công việc.<br><br>- Điều kiện về cơ sở vật chất:<br><br>+ Có địa điểm, diện tích, nhà xưởng, trang thiết bị đáp ứng với yêu cầu về dây chuyền sản xuất, loại sản phẩm mỹ phẩm mà cơ sở đó dự kiến sản xuất như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm;<br><br>+ Kho bảo quản nguyên liệu, vật liệu đóng gói và thành phẩm phải bảo đảm có sự tách biệt giữa nguyên liệu, vật liệu đóng gói và thành phẩm; có khu vực riêng để | | Đã công khai |
| 1601 | 1.003064 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 745/QĐ-BYT | 28/02/2019 | Bộ Y tế | Mỹ phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1602 | 1.003073 | Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm | 4708/QĐ-BYT | 31/08/2016 | Bộ Y tế | Mỹ phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Áp dụng đối với trường hợp cơ sở sản xuất đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm nhưng có thay đổi về tên của cơ sở sản xuất hoặc thay đổi địa chỉ do điều chỉnh địa giới hành chính (địa điểm sản xuất không thay đổi). | | Đã công khai |
| 1603 | 1.004539 | Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khoẻ đối với các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố | 5125/QĐ-BYT | 11/11/2018 | Bộ Y tế | Đào tạo và Nghiên cứu khoa học | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | Sở Y tế | | | | | Đã công khai |
| 1604 | 1.009566 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu | 1907/QĐ-BYT | 19/04/2021 | Bộ Y tế | Mỹ phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | Sở Y tế | | | - Có yêu cầu của thương nhân xuất khẩu về việc cấp CFS cho hàng hóa.<br>- Cơ sở sản xuất mỹ phẩm phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm do Sở Y tế nơi đặt cơ sở sản xuất mỹ phẩm cấp.<br>- Có Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm đã được Sở Y tế nơi đặt cơ sở sản xuất mỹ phẩm cấp số tiếp nhận. | | Đã công khai |
| 1605 | 1.012415 | Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT | 2495/QĐ-BYT | 04/08/2025 | Bộ Y tế | Y Dược cổ truyền | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Điều kiện thủ tục hành chính cấp giấy chứng nhận lương y như sau:<br>1. Điều kiện cấp giấy chứng nhận lương y đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024:<br>a) Có đủ 10 chứng chỉ học phần do cơ sở đào tạo y, dược hoặc Trung ương Hội Đông y Việt Nam hoặc các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền (Viện, bệnh viện y học cổ truyền) phối hợp với trường trung cấp hoặc cao đẳng y tế, Hội Đông y tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Hội Đông y tỉnh) tổ chức bồi dưỡng chuẩn hóa và cấp trước ngày 30 tháng 6 năm 2004. Các chứng chỉ học phần bao gồm:<br>- Lý luận cơ bản về y học cổ truyền;<br>- Chứng chỉ về bệnh học và điều trị các bệnh nội khoa;<br>- Chứng chỉ về bệnh học và điều trị các bệnh ngoại khoa;<br>- Chứng chỉ về bệnh học và điều trị các | | Đã công khai |
| 1606 | 1.013838 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế. | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1607 | 1.013829 | Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu. | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | Không | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1608 | 1.013844 | Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | . Yêu cầu về pháp nhân (Điểm a Khoản 1 phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP)<br>Được thành lập theo quy định của pháp luật; có chức năng kiểm nghiệm thực phẩm hoặc Quyết định giao nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.<br>2.Yêu cầu về năng lực (Điểm b Khoản 1 phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP)<br>Năng lực của cơ sở kiểm nghiệm đối với các chỉ tiêu đăng ký chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu sau:<br>2.1.Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025;<br>2.2.Có đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất phù hợp với yêu cầu kiểm nghiệm và lĩnh vực đăng ký chỉ định. | | Đã công khai |
| 1609 | 1.013824 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh. | 2081/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Đào tạo và Nghiên cứu khoa học | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Cơ sở giáo dục được kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh khi có đủ các điều kiện sau đây:<br>1. Là cơ sở giáo dục đại học có đào tạo khối ngành sức khỏe của Việt Nam.<br>2. Có khoa hoặc bộ môn ngoại ngữ của ngôn ngữ đăng ký kiểm tra và công nhận.<br>3. Có ngân hàng đề thi để kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh. | | Đã công khai |
| 1610 | 1.013841 | Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025. | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1611 | 1.013850 | Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | không | | Đã công khai |
| 1612 | 1.013847 | Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS). | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế, Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM | | | | 1.Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung/ cấp lại CFS: 1 bản chính. Văn bản đề nghị cấp CFS nêu rõ tên hàng, mã HS của hàng hóa, số chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm hoặc số đăng ký, số hiệu tiêu chuẩn (nếu có), thành phần hàm lượng hợp chất (nếu có), nước nhập khẩu hàng hóa<br>2.Cấp lại trong trường hợp mất, thất lạc CFS | | Đã công khai |
| 1613 | 1.013854 | Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1614 | 1.013857 | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | 1.Yêu cầu về pháp nhân (Điểm a Khoản 1 phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP)<br>Được thành lập theo quy định của pháp luật; có chức năng kiểm nghiệm thực phẩm hoặc Quyết định giao nhiệm vụ của các cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ.<br>2.Yêu cầu về năng lực (Điểm b Khoản 1 phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP)<br>Năng lực của cơ sở kiểm nghiệm đối với các chỉ tiêu đăng ký chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu sau:<br>2.1.Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025;<br>2.2.Có đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất phù hợp với yêu cầu kiểm nghiệm và lĩnh vực đăng ký chỉ định. | | Đã công khai |
| 1615 | 1.013851 | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế, Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM | | | | | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1616 | 1.013858 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | Có Bản công bố sản phẩm theo quy định<br>Có Giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale) hoặc Giấy chứng nhận xuất khẩu (Certificate of Exportation) hoặc Giấy chứng nhận y tế (Health Certificate) của cơ quan có thẩm quyền của nước xuất xứ/xuất khẩu cấp có nội dung bảo đảm an toàn cho người sử dụng hoặc được bán tự do tại thị trường của nước sản xuất/xuất khẩu (hợp pháp hóa lãnh sự);<br>Có Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực). | | Đã công khai |
| 1617 | 1.013862 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi. | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Sở Y tế | | | | Có Bản công bố sản phẩm theo quy định;<br>Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân).<br>Có Phiếu kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm của sản phẩm trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ được cấp bởi phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025 gồm các chỉ tiêu an toàn do Bộ Y tế ban hành theo nguyên tắc quản lý rủi ro phù hợp với quy định của quốc tế hoặc các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn<br>tương ứng do tổ chức, cá nhân công bố trong trường hợp chưa có quy định của Bộ Y tế (bản chính hoặc bản sao chứng thực). | | Đã công khai |
| 1618 | 1.013855 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế | 2076/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | An toàn thực phẩm | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở An toàn thực phẩm - TP.HCM, Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1619 | 1.013871 | Bổ nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần. | 2077/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Giám định | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1620 | 1.013876 | Miễn nhiệm giám định viên pháp y và pháp y tâm thần. | 2077/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Giám định | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | | | Đã công khai |
| 1621 | 1.014011 | Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân | 2179/QĐ-BYT | 30/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Y tế | | | | - Đối với trường hợp cấp lại: Giấy phép hoạt động bị mất, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy do hỏa hoạn, thiên tai.<br>- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:<br>+ Thay đổi người đại diện/người đứng đầu/giám đốc cơ sở;<br>+ Thay đổi địa điểm đặt trụ sở;<br>+ Thay đổi tên gọi, phạm vi cung cấp dịch vụ hỗ trợ. | | Đã công khai |
| 1622 | 1.014104 | Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền) | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):<br>1. Khoản 2 Điều 36 Luật Dược<br>2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược trong trường hợp sau đây:<br>a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bị mất, hư hỏng;<br>b) Thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.<br>2. Khoản 3 Điều 36 Luật Dược<br>3. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược trong trường hợp sau đây:<br>a) Thay đổi về tên cơ sở, địa chỉ kinh doanh;<br>b) Thay đổi phạm vi kinh doanh dược mà không thay đổi điều kiện kinh doanh dược;<br>c) Thay đổi thông tin về người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh | | Đã công khai |
| 1623 | 1.014105 | Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt | 2278/QĐ-BYT | 09/07/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Y tế | | | | Yêu cầu, Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):<br>1. Thuốc phải kiểm soát đặc biệt được xuất khẩu không vì mục đích thương mại phải là thuốc được cấp phép lưu hành tại Việt Nam và thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt;<br>2. Thuốc có số lượng thuốc vượt quá: a) 07 ngày sử dụng đối với thuốc gây nghiện theo liều dùng ghi trong đơn thuốc kèm theo; b) 10 ngày sử dụng đối với thuốc hướng thần, thuốc tiền chất theo liều dùng ghi trong đơn thuốc kèm theo; c) 30 ngày sử dụng đối với thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất, thuốc độc, thuốc trong danh mục thuốc | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1624 | 2.000286 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội | 970/QĐ-BYT | 21/03/2025 | Bộ Y tế | Bảo trợ xã hội | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ sở trợ giúp xã hội, Ủy ban nhân dân cấp xã | | | | Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (khoản 1 Điều 24), cụ thể:<br>- Đối tượng quy định tại các khoản 1 và 3 Điều 5 của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP thuộc diện khó khăn không tự lo được cuộc sống và không có người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng;<br>- Người cao tuổi thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người cao tuổi;<br>- Trẻ em khuyết tật, người khuyết tật thuộc diện được chăm sóc, nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật. | | Đã công khai |
| 1625 | 2.000282 | Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội | 970/QĐ-BYT | 21/03/2025 | Bộ Y tế | Bảo trợ xã hội | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Công an cấp Xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Cơ sở trợ giúp xã hội | | | | Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP, cụ thể:<br>- Nạn nhân của bạo lực gia đình; nạn nhân bị xâm hại tình dục; nạn nhân bị buôn bán; nạn nhân bị cưỡng bức lao động;<br>- Trẻ em, người lang thang xin ăn trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú;<br>- Đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp khác theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. | | Đã công khai |
| 1626 | 2.000477 | Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội | 970/QĐ-BYT | 21/03/2025 | Bộ Y tế | Bảo trợ xã hội | Cấp tỉnh, Cấp xã, Cơ quan khác | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Cơ sở trợ giúp xã hội | | | | | | Đã công khai |
| 1627 | 2.001661 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân | 2179/QĐ-BYT | 30/06/2025 | Bộ Y tế | Phòng, chống tệ nạn xã hội | Cấp tỉnh, Cấp xã | Công dân Việt Nam | TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Y tế | | | | a) Nạn nhân quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người: dưới 18 tuổi và người dưới 18 tuổi đi cùng trong thời gian lưu trú tại cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân, nếu có nhu cầu được hỗ trợ học văn hóa;<br>b) Nạn nhân quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 162/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống mua bán người: dưới 18 tuổi và người dưới 18 tuổi đi cùng trở về cộng đồng, nếu tiếp tục đi học được miễn học phí, hỗ trợ tiền mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập theo chương trình học trong năm học đầu tiên và năm liền kề theo quy định của Chính phủ về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí | | Đã công khai |
| 1628 | 3.000448 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B | 2075/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Thiết bị y tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Cán bộ, công chức, viên chức | Loại khác | | | Sở Y tế | | | | Yêu cầu đối với một số giấy tờ trong hồ sơ<br>a) Văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do theo Mẫu số 03 tại Phần 6 Phụ lục IV Nghị định số 148/2025/NĐ-CP.<br>b) Đối với giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485:<br>- Nộp bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có xác nhận của cơ sở đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do.<br>- Được cấp bởi tổ chức đánh giá sự phù hợp theo quy định của pháp luật.<br>- Còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ và bảo đảm luôn còn hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện. | | Đã công khai |
| 1629 | 3.000449 | Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất | 2075/QĐ-BYT | 24/06/2025 | Bộ Y tế | Thiết bị y tế | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | Loại khác | | | Sở Y tế | | | | Điều 59 Nghị định số 98/2021/NĐ-CP<br>Nguyên tắc quản lý nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất<br>1. Nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất phải công bố nồng độ, hàm lượng trước khi thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam.<br>2. Việc thông quan phải căn cứ theo số công bố và không cần giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế. | | Đã công khai |
| 1630 | 1.014957 | Tuyển sinh vào trường phổ thông nội trú | 624/QĐ-BGDĐT | 18/03/2026 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Thi, tuyển sinh | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ sở giáo dục | | | | a) Thuộc đối tượng tuyển sinh quy định tại Điều 8 của Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 12/2026/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;<br>b) Đảm bảo các quy định về tuyển sinh và quy định tại Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với từng cấp học. | | Đã công khai |
| 1631 | 1.014936 | THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ QUỸ (Cấp tỉnh) | 217/QĐ-BNV | 09/03/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Điều kiện thành lập quỹ:<br>- Tên của quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>+ Quỹ phải có tên bằng tiếng Việt và có thể được dịch ra tiếng nước ngoài theo quy định của pháp luật và phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của quỹ;<br>+ Không trùng lặp hoặc gây nhầm lẫn với tên của quỹ khác đã được thành lập hợp pháp trước đó;<br>+ Không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc;<br>+ Không gắn với tên riêng: anh hùng dân tộc; danh nhân văn hóa; lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các chức sắc tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng; các sáng lập viên thành lập quỹ; thành viên Hội đồng quản lý quỹ; người thân thích của sáng lập viên, thành viên Hội đồng quản lý quỹ.<br>- Có mục đích hoạt động phù hợp, hỗ trợ | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1632 | 1.014939 | THỦ TỤC CHO PHÉP QUỸ HOẠT ĐỘNG TRỞ LẠI SAU KHI BỊ ĐÌNH CHỈ CÓ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG (Cấp tỉnh) | 217/QĐ-BNV | 09/03/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1633 | 1.014938 | THỦ TỤC CÔNG NHẬN ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG) QUỸ; ĐỔI TÊN QUỸ (Cấp tỉnh) | 217/QĐ-BNV | 09/03/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Đổi tên quỹ thì tên mới của quỹ phải đáp ứng các điều kiện sau:<br>- Quỹ phải có tên bằng tiếng Việt và có thể được dịch ra tiếng nước ngoài theo quy định của pháp luật và phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của quỹ;<br>- Không trùng lặp hoặc gây nhầm lẫn với tên của quỹ khác đã được đăng ký hợp pháp trước đó;<br>- Không vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc;<br>- Không gắn với tên riêng của anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa, lãnh đạo và nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các chức sắc tổ chức tôn giáo, tín ngưỡng, các sáng lập viên thành lập quỹ, thành viên Hội đồng quản lý quỹ và người thân thích của sáng lập viên, thành viên Hội đồng quản lý quỹ.<br>- Không gây hiểu nhầm, dẫn đến mâu | | Đã công khai |
| 1634 | 1.014986 | Thủ tục đánh giá, thẩm định công nghệ mới, sản phẩm mới tạo ra tại Việt Nam từ kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo | 2080/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Bộ Khoa học và Công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Doanh nghiệp, Người nước ngoài, Đảng viên, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức Đảng, Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp Việt Nam, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Cán bộ, công chức, viên chức | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc UBND cấp tỉnh | | | | | | Đã công khai |
| 1635 | 1.014937 | THỦ TỤC CÔNG NHẬN QUỸ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ; CÔNG NHẬN HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ KHI THAY ĐỔI, BỔ SUNG THÀNH VIÊN HOẶC HẾT NHIỆM KỲ (Cấp tỉnh) | 217/QĐ-BNV | 09/03/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | a) Quỹ được hoạt động khi đủ các điều kiện sau:<br>- Có giấy phép thành lập và công nhận điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp;<br>- Đã công bố về việc thành lập quỹ;<br>- Có văn bản xác nhận của ngân hàng nơi quỹ đăng ký mở tài khoản về số tiền mà từng sáng lập viên cam kết đóng góp để thành lập quỹ đã có đủ trong tài khoản của quỹ. Đối với tài sản khác, đã thực hiện việc chuyển quyền sở hữu tài sản theo quy định;<br>- Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ.<br>b) Quỹ được công nhận Hội đồng quản lý quỹ:<br>- Hội đồng quản lý quỹ là cơ quan quản lý của quỹ, nhân danh quỹ để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của quỹ; các thành viên phải có năng lực hành vi đầy đủ, có không có tiền án, tiền | | Đã công khai |
| 1636 | 1.014940 | THỦ TỤC HỢP NHẤT, SÁP NHẬP, CHIA, TÁCH, MỞ RỘNG PHẠM VI HOẠT ĐỘNG QUỸ (Cấp tỉnh) | 217/QĐ-BNV | 09/03/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Các quỹ hợp nhất, quỹ được sáp nhập, quỹ bị chia chấm dứt tồn tại và hoạt động sau khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hợp nhất, sáp nhập và chia quỹ. Quyền và nghĩa vụ của các quỹ hợp nhất, quỹ được sáp nhập, quỹ bị chia được chuyển giao cho các quỹ mới và quỹ sáp nhập.<br>Đối với trường hợp tách quỹ, thì quỹ bị tách và quỹ được tách (quỹ thành lập mới) thực hiện quyền, nghĩa vụ phù hợp với mục đích hoạt động của quỹ và phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nghĩa vụ của quỹ trước khi tách. Sau khi quỹ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, quỹ thực hiện việc công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ theo quy định tại Điều 24, 26, 27 Nghị định 03/2026/NĐ-CP.<br>- Sau khi quỹ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (nếu có) có mở rộng | | Đã công khai |
| 1637 | 1.014941 | THỦ TỤC QUỸ TỰ GIẢI THỂ (Cấp tỉnh) | 217/QĐ-BNV | 09/03/2026 | Bộ Nội vụ | Quản lý nhà nước về hội, quỹ | Cấp tỉnh | Công dân Việt Nam, Người nước ngoài, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | Quỹ tự giải thể trong các trường hợp sau đây:<br>- Mục tiêu hoạt động của quỹ đã hoàn thành hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định của điều lệ;<br>- Không còn khả năng về tài sản, tài chính để hoạt động;<br>- Quỹ không còn nhu cầu tiếp tục hoạt động. | | Đã công khai |
| 1638 | 1.014203 | Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ, đánh giá kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc. | 2546/QĐ-BYT | 11/08/2025 | Bộ Y tế | Dược phẩm | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX), Tổ chức nước ngoài, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Hợp tác xã | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Sở Y tế | | | | 1. Điểm c, d khoản 1 Điều 33 của Luật Dược ngày 06/4/2016 và khoản 13 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược ngày 21/11/2024<br>c)Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc phải có địa điểm, kho bảo quản thuốc, trang thiết bị bảo quản, phương tiện vận chuyển, hệ thống quản lý chất lượng, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc;<br>d)Cơ sở bán lẻ thuốc phải có địa điểm, khu vực bảo quản, trang thiết bị bảo quản, tài liệu chuyên môn kỹ thuật và nhân sự đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc; đối với cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 của Luật này;<br>2. Khoản 2 Điều 33 Luật Dược ngày 06/4/2016:<br>2. Người chịu trách nhiệm chuyên môn về được và vị trí công việc quy định tại Điều | | Đã công khai |

| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1639 | 1.003976 | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng | 361/QĐ-BTP | 23/01/2026 | Bộ Tư pháp | Nuôi con nuôi | Cấp tỉnh | Người nước ngoài, Người Việt Nam định cư ở nước ngoài | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | - Người nhận con nuôi có đủ các điều kiện sau:<br>+) Đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật của nước nơi người nhận con nuôi thường trú;<br>+) Đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điều 14 của Luật Nuôi con nuôi, gồm:<br>i) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;<br>ii) Hơn con nuôi từ 20 tuổi trở lên;<br>iii) Có điều kiện về sức khỏe, kinh tế, chỗ ở bảo đảm việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nuôi;<br>iv) Có tư cách đạo đức tốt;<br>v) Không thuộc một trong các trường hợp không được nhận con nuôi sau đây:<br>+) Đang bị hạn chế một số quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên;<br>+) Đang chấp hành quyết định xử lý hành chính tại cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh;<br>+) Đang chấp hành hình phạt tù;<br>+) Chưa được xóa án tích về một trong các tội có ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người khác | | Đã công khai |
| 1640 | 1.014990 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ | 2080/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1641 | 1.014993 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ | 2080/QĐ-BKHCN | 09/04/2026 | Vụ Đánh giá và Thẩm định công nghệ | Hoạt động khoa học và công nghệ | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | | | | | Đã công khai |
| 1642 | 1.014920 | Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố) | 1406/QĐ-BKHCN | 27/02/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | | Đã công khai |
| 1643 | 1.014921 | Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố) | 1406/QĐ-BKHCN | 27/02/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | | Đã công khai |
| 1644 | 1.014922 | Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố) | 1406/QĐ-BKHCN | 27/02/2026 | Cục Công nghiệp công nghệ thông tin | Công nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin, điện tử | Cấp tỉnh | Doanh nghiệp, Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX) | TTHC được luật giao quy định chi tiết | | Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, thành phố | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | Sở Khoa học và Công nghệ | | | | | Đã công khai |